

NGUYỄN XUÂN TẾ

TÌM HIỂU

**TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
VỀ
NHÀ NƯỚC và PHÁP LUẬT**

(Tài liệu dùng trong một số trường đại học)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

NGUYỄN XUÂN TẾ

TÌM HIỂU

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
VỀ
NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

(Tài liệu dùng trong một số trường đại học)

T
S
N

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HÀ NỘI - 1999

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật đã và đang tiếp tục chỉ đạo sự nghiệp xây dựng, cải cách, hoàn thiện Nhà nước và pháp luật ở nước ta; là cơ sở lý luận, quan điểm để giải quyết thành công những vấn đề khó khăn và phức tạp đang đặt ra, do đó cần phải được nghiên cứu có hệ thống, sâu sắc hơn với nhiều cách tiếp cận khác nhau. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật đang được đưa vào giảng dạy ở một số trường đại học.

Đáp ứng yêu cầu đó, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản cuốn sách *Tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật* của Nguyễn Xuân Tế - Tiến sĩ chuyên ngành khoa học chính trị, nhằm giới thiệu những cơ sở hình thành, nội dung cơ bản và sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật trong đời sống chính trị - xã hội, nhất là việc cải cách hệ thống hành chính nhà nước, nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp ở nước ta trong thời kỳ mới - thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Cuốn sách là tài liệu tham khảo phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật trong một số trường đại học tại thành phố Hồ Chí Minh. Tác giả đã cố gắng biên soạn và trình bày có hệ thống, tuy nhiên vẫn khó tránh khỏi thiếu sót. Nhà xuất bản và tác giả rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc

Tháng 7 năm 1999

Nhà xuất bản Chính trị quốc gia

LỜI GIỚI THIỆU

Gần bảy mươi năm qua, nhân dân ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đã tiến hành cuộc đấu tranh trường kỳ, gian khổ, giành lại độc lập, tự do cho dân tộc, từng bước tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Sở dĩ đạt được những kết quả tốt đẹp đó là do sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng theo ngọn cờ chủ nghĩa Mác - Lê Nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ kinh nghiệm lịch sử, và từ yêu cầu cấp bách của sự nghiệp đổi mới đất nước, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng ta một lần nữa khẳng định: Đảng ta tiếp tục lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là hệ thống lý luận bao hàm nhiều lĩnh vực và rất phong phú, nhằm hướng dẫn toàn Đảng, toàn dân ta đấu tranh bảo vệ thành quả cách mạng và lao động sáng tạo, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, giàu mạnh và văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Việc nghiên cứu và quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh đã bước đầu đạt được một số kết quả khả quan. Trong đó việc nghiên cứu và quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật không những có ý nghĩa lý luận, mà còn có ý nghĩa thực tiễn trong việc cải cách bộ máy Nhà nước, góp phần xây dựng các quyết

định của Đảng và Nhà nước về cải cách và hoàn thiện bộ máy lập pháp, hành pháp, tư pháp, xây dựng hệ thống pháp luật, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn hiện nay.

Để góp phần vào công tác nghiên cứu, giảng dạy và học tập tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật, chúng tôi biên soạn cuốn sách *Tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật* trên cơ sở các bài đã giảng dạy ở Trường Đại học Luật, Đại học Đông Đô, Viện Khoa học xã hội tại thành phố Hồ Chí Minh. Chúng tôi cố gắng nêu lên một số nội dung cơ bản, có hệ thống, gắn với lịch sử và thực tiễn hiện nay, làm rõ tư tưởng Hồ Chí Minh trên lĩnh vực Nhà nước và pháp luật, phù hợp với công tác học tập, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh trong nhà trường. Nội dung cuốn sách gồm ba chương:

Chương I - Những cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật.

Chương II - Những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật.

Chương III - Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật trong cải cách, hoàn thiện Nhà nước và hệ thống pháp luật ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Sách xuất bản lần đầu, khó tránh khỏi thiếu sót, tác giả rất mong được sự góp ý của bạn đọc.

TÁC GIẢ

CHƯƠNG I

NHỮNG CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ vĩ đại của dân tộc ta, đồng thời là một vĩ nhân của nhân loại - người khai sinh ra Nhà nước Việt Nam, nhà nước dân chủ kiểu mới đầu tiên ở Đông Nam Á, người đã dày công xây dựng, bảo vệ, vun đắp và phát triển Nhà nước ấy. Tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung và tư tưởng về Nhà nước và pháp luật nói riêng, đảm bảo chắc chắn cho thắng lợi của sự nghiệp cách mạng nước ta, bảo đảm cho tương lai và tiền đồ của dân tộc Việt Nam.

Để nghiên cứu và quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật, trước hết chúng ta cần nghiên cứu những tiền đề khách quan và chủ quan ảnh hưởng tới con đường cách mạng và kiểu Nhà nước của Hồ Chí Minh. Đó là cơ sở để chúng ta hiểu đúng tư tưởng của Người về Nhà nước và pháp luật.

I. ĐIỀU KIỆN KHÁCH QUAN VÀ CHỦ QUAN ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ LỰA CHỌN CON ĐƯỜNG CÁCH MẠNG VÀ KIỂU NHÀ NƯỚC CỦA HỒ CHÍ MINH

1. Bối cảnh của thời đại mới và của đất nước

Vào giữa những năm 40 của thế kỷ XIX, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã thống trị ở Anh, Pháp và

một số nước Tây Âu khác. Chủ nghĩa tư bản đem lại sự phát triển to lớn về lực lượng sản xuất, thúc đẩy tiến bộ xã hội so với xã hội phong kiến, song nó đã bộc lộ những mâu thuẫn và hạn chế lịch sử vốn có của nó. Trong các mâu thuẫn đó, mâu thuẫn giữa vô sản và tư sản trở nên gay gắt dẫn tới những xung đột giai cấp. Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản trở thành phong trào tự giác, khi có lý luận tiên phong là chủ nghĩa Mác dẫn đường.

Đến cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Thời kỳ này, chủ nghĩa xét lại trong phong trào công nhân đã trở thành hiện tượng phổ biến và trung tâm cách mạng thế giới đã chuyển sang nước Nga. Thực tiễn cách mạng đòi hỏi phải có một đường lối chiến lược và sách lược mới thúc đẩy tiến trình cách mạng ở các nước và trên thế giới phát triển. Lênin và Đảng Bôn-sê-vích Nga đã vận dụng, phát triển chủ nghĩa Mác, giải đáp những vấn đề của cách mạng vô sản và cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Điều đó được chứng minh với sự kiện có ý nghĩa to lớn khi Cách mạng Tháng Mười Nga thành công, mở ra một thời đại mới - thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

Cùng vào thời kỳ này, cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, thực dân diễn ra sôi nổi ở các nước thuộc địa và phụ thuộc phương Đông, điển hình là Thổ Nhĩ Kỳ, Trung Quốc, Ấn Độ, Việt Nam..., đòi hỏi phải có lực lượng tiên phong dẫn đường, chỉ lối.

Đã từ lâu, chủ nghĩa đế quốc nhòm ngó, mưu đồ xâm lược nước Việt Nam. Đến giữa thế kỷ XIX, đế quốc Pháp tiến hành cuộc xâm lược và đặt ách thống trị của chúng đối với dân tộc ta. Vua quan nhà Nguyễn đầu hàng đế quốc Pháp,

đã phản bội truyền thống yêu nước quật cường và phong trào đấu tranh anh dũng liên tục của các tầng lớp nhân dân ta.

Để quốc Pháp đã cấu kết với giai cấp phong kiến, địa chủ thống trị nước ta vô cùng tàn bạo, biến nước ta từ một nước phong kiến độc lập thành một nước thuộc địa, nửa phong kiến. Chúng chia cắt đất nước ta, vốn là một quốc gia độc lập, thống nhất thành ba kỳ với ba chế độ thống trị khác nhau để dễ bề cai trị và đàn áp.

Ngay từ lúc đế quốc Pháp nổ súng xâm lược nước ta, nhân dân ta đã anh dũng đứng lên chống xâm lược. Một số nhà nho yêu nước như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh... đã đi tìm con đường cứu nước, nhưng không thành công. Cuộc khởi nghĩa Bình Tây ở Lục tỉnh, cuộc nổi dậy của Hoàng Hoa Thám, và các cuộc khởi nghĩa sau đó... đều lần lượt thất bại và bị đàn áp khốc liệt. Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc cho đến đầu thế kỷ XX gặp bế tắc về đường lối cứu nước, ở trong "tình hình đen tối như không có đường ra".

Bối cảnh đó đã thôi thúc Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu dân, cứu nước, tìm con đường cách mạng giải phóng dân tộc, tìm lực lượng và chế độ xã hội chủ đề mưu cầu độc lập cho dân tộc và hạnh phúc cho nhân dân. Con đường Hồ Chí Minh khác hẳn con đường cứu nước của các vị tiền bối

2. Truyền thống yêu nước, đoàn kết của dân tộc Việt Nam

Trong quá trình chống giặc ngoại xâm, xây dựng đất nước, chống mọi sự đồng hóa của ngoại bang, bảo tồn nền văn hóa dân tộc, đã hun đúc cho dân tộc ta truyền thống yêu nước, tinh thần nhân ái, đoàn kết, kiên cường bất khuất, tự lực tự cường, thông minh, sáng tạo.

Trải qua mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước, đất nước Việt Nam đã trở thành Tổ quốc thiêng liêng của toàn thể dân tộc Việt Nam. Tinh thần yêu nước đã trở thành đạo lý sống, và là một nhân tố cơ bản đứng đầu trong bảng giá trị tinh thần của con người Việt Nam. Nguyễn Tất Thành đã sớm tiếp thu tinh thần đó và đã trở thành một định hướng cơ bản trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Anh. Sau này, trong *Báo cáo chính trị* đọc tại Đại hội lần thứ II của Đảng (tháng 2 năm 1951), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”⁽¹⁾... Tư tưởng yêu nước đó là cơ sở của truyền thống đoàn kết của dân tộc Việt Nam. Truyền thống yêu nước và đoàn kết không chỉ là tình cảm, phẩm chất tinh thần, mà còn là trí tuệ, hành động, lực lượng và đã phát triển thành *chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam*, thành dòng chủ lưu của tư tưởng Việt Nam, xuyên suốt lịch sử của dân tộc, là động lực mạnh mẽ của sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước.

Chính những truyền thống quý báu đó của dân tộc ta đã ảnh hưởng sâu sắc đến tư tưởng chính trị của Hồ Chí Minh. Đó cũng là động lực tinh thần chi phối mọi suy nghĩ, hành động trong suốt cả cuộc đời hoạt động cách mạng của Người. Đó cũng chính là cơ sở tư tưởng để Người tiếp thu tinh hoa của văn hóa Đông - Tây và đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, đến với chủ nghĩa xã hội khoa học.

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.6, tr. 171.

3. Tinh hoa tư tưởng, văn hóa và hiện thực xã hội phương Đông và phương Tây

Ngoài truyền thống văn hóa của dân tộc Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh còn chịu ảnh hưởng và tiếp thu tinh hoa của văn hóa phương Đông và văn hóa phương Tây. Người đã tiếp thu và kế thừa có chọn lọc tư tưởng chính trị dân chủ, nhân văn của văn hóa Phục hưng, của thế kỷ Ánh sáng, của cách mạng tư sản phương Tây và của cách mạng Trung Quốc.

Trên con đường học hỏi, Hồ Chí Minh đã biết làm giàu vốn tri thức của mình bằng những di sản quý báu của văn hóa nhân loại. Người biết kế thừa các học thuyết đó một cách có phê phán, không bao giờ sao chép máy móc, cũng không bao giờ phủ định một cách giản đơn, mà có sự phân tích sâu sắc, tìm ra những yếu tố tích cực và hợp lý để phục vụ cho sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc.

Ngay từ tuổi hình thành nhân cách, Hồ Chí Minh đã được học chữ Hán qua những nhà nho yêu nước, đã tiếp thu triết lý, đạo đức, chính trị từ những sách kinh điển của Nho giáo ⁽¹⁾; lại được sống trong gia đình có nền nếp văn hóa của hai bên nội ngoại, chịu ảnh hưởng của quê hương Nghệ Tĩnh - một vùng đất có truyền thống hiếu học và yêu nước, có nhiều bậc văn hào, nhân kiệt; Người cũng đã từng sống ở kinh thành Huế, nơi ngự trị của vua quan nhà Nguyễn, nên vừa thấy được tính chất thủ cựu, xu thời của một số người trong bọn họ, vừa cảm nhận sâu sắc lòng nhân hậu, nghĩa tình của người dân sống ở vùng núi Ngự, sông Hương.

(1) Xem thêm Trần Văn Giàu: *Sự phát triển tư tưởng ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 1997, tr. 18 - 26.

Những kiến thức về đạo đức, văn hóa mà người đã tiếp thu từ nhỏ đã ăn sâu vào tiềm thức, để lại những dấu ấn sâu sắc trong tư tưởng, tình cảm đến mức sau này khi nói và viết, Người sử dụng một cách nhuần nhuyễn, linh hoạt các khái niệm, các mệnh đề tích cực của Nho giáo để diễn đạt những tư tưởng, những tình cảm của mình. Đạo đức Nho giáo thấm vào tư tưởng, tình cảm của người thanh niên Nguyễn Tất Thành không phải là những điều giáo điều “tam cương”, “ngũ thường” nhằm bảo vệ trật tự phong kiến, mà là những khái niệm “nhân nghĩa”, “tu thân”, “khắc kỷ phục lễ”, “tứ hải giai huynh đệ”, v.v... Đó là một tiền đề, để sau khi được thế giới quan mácxít soi sáng. Người đã xây dựng quan điểm tư tưởng về một thế giới rộng lớn cho mọi người sống trên trái đất, nhất là những người lao khổ bị đọa đày, bị áp bức bóc lột ở các nước thuộc địa và phụ thuộc mà đến năm 1924 trong bài viết *Đoàn kết giai cấp*, Người kết luận: “dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một mối tình hữu ái là thật mà thôi: tình hữu ái vô sản”⁽¹⁾

Ngoài Nho giáo, Nguyễn Tất Thành còn tiếp thu phân tích cực trong tư tưởng nhân ái của Phật giáo muốn xây dựng một cuộc sống “thấm mỹ, chí thiện, bình đẳng, yên vui, no ấm cho chúng sinh, xây dựng một xã hội hạnh phúc và an lạc”, xóa bỏ nỗi đau khổ của con người trên trái đất.

Những năm học ở Trường Quốc học Huế, được làm quen với những khẩu hiệu “Tự do - Bình đẳng - Bác ái” của cách mạng tư sản Pháp, Nguyễn Tất Thành đã có ý định sang phương Tây để tìm hiểu bản chất của tư tưởng đó. Người cho biết: “Khi tôi độ mười ba tuổi, lần đầu tiên tôi được

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.1, tr. 266.

nghe ba chữ Pháp: Tự do, Bình đẳng, Bác ái... Và từ thuở ấy, tôi rất muốn làm quen với nền văn minh Pháp, muốn tìm xem những gì ẩn đằng sau những chữ ấy”⁽¹⁾. Điều tìm thấy được đã được Người thể hiện rõ trong tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*.

Trong 30 năm hoạt động cách mạng ở nước ngoài, Người đã lao động và dùng chân ở nhiều nơi khắp các châu lục. Ở Mỹ (khoảng cuối năm 1912 đến cuối năm 1913), Người đến Brúclín thăm khu da đen Háclem, đã chiêm ngưỡng tượng thần Tự Do, đã đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* (1776) của nước Mỹ, trong đó đề cập đến “Quyền bình đẳng, quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc của con người, v.v”... Người đã phát hiện ra những nghịch lý: đằng sau những lời hoa mỹ về tự do, bình đẳng kia là sự bất bình đẳng và nghèo đói của hàng triệu người lao động, là điều kiện sống khủng khiếp của người da đen - nạn nhân của sự phân biệt chủng tộc, v.v... Ở Pháp, Người có dịp tiếp xúc với tư tưởng chính trị nhân văn tư sản, thoát thai từ thời đại Phục hưng, được thể hiện trong *Tuyên ngôn độc lập* của nước Mỹ (1776) và *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* của cách mạng tư sản Pháp (1789). Trong khi khẳng định và tiếp thu những giá trị tư tưởng chân chính, những nhân tố nhân văn tiến bộ của cách mạng dân chủ tư sản, nhất là tư tưởng Dân chủ - Tự do - Bình đẳng - Bác ái, tư tưởng giải phóng con người khỏi thần quyền và sự thống trị của những quan hệ phong kiến, đồng thời Người cũng đánh giá đúng những hạn chế của nó. Sau này, trong tác phẩm *Đường Cách mệnh* (1927), Người viết: “Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mạng không đến nơi, tiếng là cộng hòa và dân chủ, kỳ thực trong thì nó

(1) *Sđd*, tr. 477

tước lục công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa...”⁽¹⁾. Người kết luận: “Cách mệnh An Nam nên nhớ những điều ấy”⁽²⁾. Chính vì không thỏa mãn với con đường cách mạng tư sản, Người đã tìm con đường cách mạng mới và đã đến chủ nghĩa Mác - Lênin.

Lúc thiếu thời, Nguyễn Tất Thành từng được nghe những từ “Dân sinh”, “Dân quyền”, “Dân quốc” do các nhà Nho nói đến trong khi đàm luận với thân phụ Người - cụ Nguyễn Sinh Sắc. Nhưng có lẽ phải sau khi về tới Quảng Châu - trung tâm cách mạng tư sản ở Trung Quốc lúc bấy giờ, Người mới có điều kiện tiếp xúc với chủ nghĩa Tam Dân mới của Tôn Trung Sơn. Lúc này là thời kỳ Tôn Trung Sơn đã cải tổ Quốc dân Đảng Trung Quốc, chuyển sang “Thân Nga, liên Cộng, phù trợ công nông”.

Tìm hiểu Cách mạng Tân Hợi và tư tưởng của Tôn Trung Sơn, Nguyễn Ái Quốc đã thấy chủ nghĩa Tam Dân mới và chính sách “Thân Nga, liên Cộng, phù trợ công nông” của Tôn Trung Sơn có những tư tưởng tiến bộ, có thể vận dụng vào cách mạng Việt Nam. Người nhận xét: chủ nghĩa ấy thích hợp với điều kiện nước ta. Tuy nhiên, chủ nghĩa Tam Dân của Tôn Trung Sơn cơ bản vẫn chưa vượt qua được hệ tư tưởng tư sản nên có nhiều hạn chế. Lúc đó, những phong trào đấu tranh của nhân dân Trung Quốc do Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo trong cuộc cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới (chống đế quốc và phong kiến) giành chính quyền ở Quảng Châu, tuy thất bại, nhưng những bài học về cách mạng đã ảnh hưởng tích cực đến tư tưởng Hồ Chí Minh và đã giúp Người “tiên đoán tương lai”⁽³⁾.

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.2, tr. 274

(2) *Sdd*, t.2, tr. 274.

(3) Xem: *Nguyễn Ái Quốc ở Quảng Châu (1924 - 1927)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 157-162.

Khẩu hiệu “Độc lập - Tự do - Hạnh phúc” mà Hồ Chí Minh đề ra năm 1945 có phần vận dụng từ chủ nghĩa Tam Dân, kinh nghiệm cách mạng Trung Quốc và tư tưởng “Tự do - Bình đẳng - Bác ái” của cách mạng tư sản Pháp, nhưng đã được Người phát triển lên một trình độ mới mang tính giai cấp, tính nhân dân, tính dân tộc và cách mạng triệt để của một cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng tiên phong của giai cấp công nhân.

4. Chủ nghĩa Mác - Lênin và thực tiễn cách mạng - cơ sở chủ yếu quyết định bước phát triển mới về chất của tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh

Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 đã lập ra Nhà nước công nông đầu tiên trên thế giới, mở ra một thời đại mới trong sự phát triển của lịch sử loài người. Cũng chính năm 1917, Người từ Anh trở lại Pháp, vừa hoạt động chính trị, vừa phải kiếm sống một cách chật vật, nhưng Người vẫn lạc quan, say sưa học tập và hoạt động kiên trì mục tiêu đã định. Được sự giúp đỡ của một số đảng viên Đảng Xã hội Pháp, Người đã gia nhập Đảng Xã hội Pháp. Rồi Người được tiếp xúc với *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin, Người xúc động, phấn khởi, tin tưởng biết bao, “vui mừng đến phát khóc”... Người tìm thấy trong *Luận cương* này phương hướng và đường lối cơ bản của phong trào cách mạng giải phóng dân tộc, trong đó có cách mạng Việt Nam. Không lâu sau đó, Người tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp và đứng hẳn về lập trường của Quốc tế cộng sản.

Qua tìm hiểu và học tập các tác phẩm của Lênin và của Mác, Người tìm thấy con đường giải phóng dân tộc đúng đắn. Sau này, Người nói: “Từng bước một, trong cuộc đấu tranh, vừa nghiên cứu lý luận Mác - Lênin, vừa làm công

tác thực tế, dần dần tôi hiểu được rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ”⁽¹⁾ và “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”⁽²⁾. Từ đó, cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam được định hướng đúng đắn là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; tư tưởng Hồ Chí Minh từ đó thuộc hệ tư tưởng của giai cấp vô sản, mang tính cách mạng, khoa học và nhân văn.

Chính thế giới quan và phương pháp luận Mác - Lênin đã giúp Hồ Chí Minh tổng kết kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn của loài người để tìm ra con đường cứu nước đúng đắn. Trong *Đường Cách mệnh*, khi phân tích các chủ nghĩa, các học thuyết, Người viết: “Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin”⁽³⁾. Đó là cái cần nhất cho sự nghiệp giải phóng của dân tộc ta và nhân dân ta. Tổng kết kinh nghiệm thắng lợi của cách mạng Việt Nam, Người chỉ rõ: Chúng ta giành được thắng lợi do nhiều yếu tố, nhưng cần phải nhấn mạnh rằng: chúng ta giành được những thắng lợi đó trước hết là nhờ cái vũ khí không gì thay thế được là chủ nghĩa Mác - Lênin. “Chủ nghĩa Lênin là cái cảm nang thần kỳ của chúng ta”.

Hồ Chí Minh không chỉ vận dụng mà còn phát triển một cách sáng tạo lý luận Mác - Lênin. Người coi việc học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, trước hết phải nắm vững cái cốt lõi, “linh hồn sống” của nó là phương pháp biện chứng, “phải học tập tinh thần của chủ nghĩa Mác - Lênin; học

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t.10, tr. 128.

(2) *Sđd*, t.9, tr. 314.

(3) *Sđd*, t.2, tr. 268.

tập lập trường, quan điểm và phương pháp ấy mà giải quyết cho tốt những vấn đề thực tế trong công tác cách mạng của chúng ta" ⁽¹⁾. Chân lý là cụ thể, cách mạng là sáng tạo luôn thể hiện trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Có thể khẳng định: tư tưởng Hồ Chí Minh nằm trong hệ tư tưởng Mác - Lênin và chủ nghĩa Mác - Lênin là nguồn gốc chủ yếu của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Như các phần trên đã nói, Người đã đến các nước tư bản Anh, Pháp, Mỹ, đã đến nhiều nước thuộc địa và phụ thuộc ở khắp các châu lục. Ở đâu Người cũng sống và lao động thật sự như một người cộng nhân để xem xét đời sống kinh tế - chính trị - xã hội của các tầng lớp nhân dân; nghiên cứu cách thức tổ chức xã hội và Nhà nước, chế độ chính trị hiện thời; xem xét đời sống, nguyện vọng, hoạt động đấu tranh của các dân tộc. Người cũng đã sống và chứng kiến hai cuộc chiến tranh thế giới với những tổn thất nặng nề, những hy sinh to lớn và những hậu quả thật lâu dài về mọi mặt của nó; đồng thời qua đó cũng thấy được sức mạnh quật khởi của các dân tộc bị áp bức trong cuộc đấu tranh giải phóng. Đặc biệt, Người có một số năm sống, lao động, học tập trên đất nước Liên Xô, đã miêu tả những ưu việt của chế độ và Nhà nước xã hội chủ nghĩa Xôviết một cách cụ thể, toàn diện.

Người đã đi nhiều nơi, làm nhiều công việc nghiên cứu, học tập kinh nghiệm của các nước và phụ trách nhiều cương vị trong những điều kiện, hoàn cảnh khác nhau. Sau này, Người đào tạo, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa - Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á; Người đứng đầu Đảng và Nhà nước

(1) *Sdd*, t.8, tr. 497.

ta, lãnh đạo nhân dân ta đánh thắng hai đế quốc lớn và xây dựng xã hội mới. Đó là cơ sở thực tiễn đầy sức sống cho tư tưởng Hồ Chí Minh hình thành, phát triển ngày càng phong phú, toàn diện, nhất là những vấn đề về chính trị, về Đảng, về Nhà nước. Nó là kết quả của sự tác động biện chứng giữa nhận thức và hành động, lý luận và thực tiễn, vì vậy mà Người ngày càng tiếp cận với chân lý của thời đại.

5. Trí tuệ và phẩm chất chính trị của Hồ Chí Minh

Tư tưởng là sản phẩm của con người, là mặt hoạt động tinh thần, ý thức của con người, do con người sáng tạo ra trên cơ sở những nhân tố khách quan và chủ quan nhất định. Do đó, tư tưởng còn phụ thuộc vào các yếu tố của trí tuệ, phẩm chất tinh thần con người đã sản sinh ra nó, như tư chất, tính cách, bản lĩnh, tình cảm, tư duy...

Có thể nói, Hồ Chí Minh là một con người có một phẩm chất chính trị và phẩm chất cá nhân tiêu biểu, đặc sắc nhất của CON NGƯỜI. Lẽ sống của Người là suốt đời đấu tranh cho "Nước ta hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành". Hồ Chí Minh là người lịch thiệp, tế nhị giàu lòng nhân ái, lại rất thông minh, sắc sảo, nhạy bén về chính trị, ham học hỏi, có tư duy độc lập sáng tạo, có trí tuệ uyên bác, kiến thức sâu rộng, biết nhiều ngoại ngữ, tiếp xúc với nhiều tư tưởng văn hóa của các dân tộc trên thế giới. Người là hiện thân của phẩm chất cao quý: toàn tâm, toàn ý phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân, luôn khắc phục và vượt qua mọi khó khăn, thử thách, "giàu sang không thể quyến rũ, nghèo khó không thể chuyển lay, uy vũ không thể khuất phục", vững vàng trong lập trường cách mạng, sáng suốt trong đường lối chính sách, dũng cảm trong hành động, thắng không kiêu, bại không nản...

Người là nhà chính trị mắcxít tiêu biểu của thời đại chúng ta về tài năng và đức độ, đức tính ngay thẳng, trung thực, nguyên tắc, linh hoạt. Người sống mẫu mực trong cuộc sống hàng ngày, khiêm tốn, giản dị, gần gũi mọi người, hòa mình với quần chúng, vì nhân dân, vì dân tộc, vì sự nghiệp hòa bình và tiến bộ của cả loài người.

Nét đặc biệt trong phong cách chính trị Hồ Chí Minh là luôn luôn gần gũi với nhân dân, lắng nghe ý kiến của quần chúng, quan tâm đến mọi tầng lớp nhân dân. Người thương yêu, kính trọng, tin tưởng vào con người, nên có sức cảm hóa lớn. Ngay từ đầu thế kỷ XX, nhà thơ Xôviết Ôxíp Mandenxtam đã nhận định: “Từ Nguyễn Ái Quốc đã tỏa ra một thứ văn hóa, không phải văn hóa châu Âu, mà có lẽ là một nền văn hóa tương lai” ⁽¹⁾. “Là một bậc đại nhân, đại trí, đại dũng”, Người đã cho ta một ý niệm đầy đủ nhất về phẩm chất chính trị nhân văn hết sức tiêu biểu của con người. Phẩm chất đó được phát huy trong suốt cuộc đời hoạt động của Người. Nhờ vậy, giữa vô vàn đường lối, học thuyết khác nhau, Hồ Chí Minh đã tìm ra được mục tiêu lý tưởng và con đường cách mạng đúng đắn để đi tới mục tiêu, thực hiện lý tưởng ấy. Trọng tâm của sự lựa chọn đúng đắn ấy là lựa chọn Đảng kiểu mới, lựa chọn Nhà nước kiểu mới, lựa chọn lực lượng và phương pháp đấu tranh, lựa chọn chế độ mới theo con đường xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, phấn đấu vì độc lập của dân tộc, vì hạnh phúc của nhân dân.

(1) Dẫn theo: Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.1, tr. 478

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ HỒ CHÍ MINH VỀ LỰA CHỌN CON ĐƯỜNG CÁCH MẠNG VÀ KIỂU NHÀ NƯỚC

1. Thời kỳ học tập và chuẩn bị đi tìm đường cứu nước (1890 - 1911)

Trong thời kỳ này, Nguyễn Sinh Cung (Nguyễn Tất Thành) đã tiếp thu khá sâu sắc truyền thống yêu nước là lòng nhân ái của dân tộc từ gia đình và quê hương, trước hết là quê hương Nam Đàn (Nghệ An), nơi Anh sinh ra, sống tuổi ấu thơ (từ năm 1890 đến 1895 và từ 1901 đến 1906) và Thừa Thiên - Huế - nơi Anh sống cùng thân phụ là cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc và theo học Trường Tiểu học Đông Ba, rồi Trường Quốc học Huế.

Tại quê hương Nam Đàn, Anh được khai tâm bằng văn hóa dân tộc và văn hóa phương Đông (10 năm đèn sách với cha), được hấp thụ cách đối nhân xử thế nhân nghĩa, thủy chung của các nhà nho yêu nước. Tại Huế, Anh tiếp thụ một số kiến thức về tự nhiên và xã hội, bước đầu tiếp xúc với nền văn minh phương Tây đã gợi ra cho Anh những suy nghĩ về một hướng đi mới, khác với những suy nghĩ của lớp người đi trước.

Đây cũng là thời kỳ bọn thực dân Pháp ra sức đàn áp phong trào yêu nước để củng cố địa vị thống trị của chúng. Anh từng được tận mắt chứng kiến cảnh cùng cực của dân phu làm con đường Cửa Rào - Trấn Ninh. Anh từng được thấy sự đối lập giữa cuộc sống lao động chật vật, khổn khổ của nhân dân với cảnh sống xa hoa, phè phỡn của bọn thực dân Pháp và quan lại Nam triều. Sau đó, Anh đã chứng kiến và tham gia cuộc biểu tình chống thuế của nông dân miền Trung bị bọn thực dân đàn áp dã man. Sự thất bại của các phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX là một thực tế

đã cho Anh một nhận thức mới: Muốn cứu được nước, phải tìm một con đường cách mạng mới. ⁽¹⁾

Đất nước, quê hương và gia đình đã hình thành nên ở người thanh niên Nguyễn Tất Thành một nhân cách giàu lòng yêu nước, thương dân, thấu hiểu được sức mạnh của ý chí độc lập tự cường của dân tộc, có hoài bão cứu nước, giải phóng những người cùng khổ. Được trang bị một vốn kiến thức cơ bản về văn hóa phương Đông và những kiến thức bước đầu về văn hóa phương Tây, lại được rèn luyện trong cuộc sống lao động và đấu tranh, mang nỗi đau của người dân mất nước, với một ý chí và nghị lực phi thường. Anh đã quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân.

Có thể nói, những phẩm chất và trí tuệ, tư tưởng mang bản lĩnh và bản sắc dân tộc được hình thành trong thời kỳ này là hành trang tư tưởng mà Nguyễn Tất Thành đã tiếp thu và mang theo khi rời Tổ quốc.

2. Thời kỳ hoạt động, tìm tòi và đến với tư tưởng của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa (1911 - 1920)

Tháng 6-1911, với hoài bão tìm đường cứu nước, Nguyễn Tất Thành rời Tổ quốc làm phụ bếp trên chiếc tàu “Đô đốc Latuơ Tơrêvin” và lấy tên là Văn Ba. Từ đó, Người đi đến rất nhiều nơi, trước hết là sang Pháp. Nhưng Người không dừng lại ở Pháp mà đi nhiều nước ở châu Âu, châu Phi, châu Mỹ. Với lòng yêu nước nồng nàn, Người kiên trì chịu đựng mọi khó khăn, gian khổ trong đời sống, chú ý xem xét tình hình các nước, suy nghĩ về những điều mắt thấy tai nghe, mong sao thực hiện được hoài bão cứu nước của mình. Người tham gia “Hội những người lao động hải ngoại”

(1) Xem thêm: Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tr.12; Trần Văn Giàu: *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, t.III, tr. 19 - 23

ở Anh, ủng hộ cuộc đấu tranh yêu nước của nhân dân Airolen, liên hệ với những người yêu nước Việt Nam tại Pháp như cụ Phan Chu Trinh..., lao động, học tập, đấu tranh và tiếp xúc với mọi tầng lớp lao động nghèo khổ. Năm 1919, Người vào Đảng Xã hội Pháp như Người đã tự thuật, vì các đồng chí ấy ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc thuộc địa.

Tháng 1-1919, thay mặt những người yêu nước Việt Nam ở Pháp, Người lấy tên là Nguyễn Ái Quốc, gửi đến Hội nghị Vécxay *Bản yêu sách của nhân dân An Nam*, đòi Chính phủ Pháp phải thừa nhận các quyền tự do dân chủ và quyền bình đẳng của dân tộc Việt Nam. Đây là lần đầu tiên, tiếng nói chính nghĩa của phong trào dân tộc Việt Nam vang lên trên diễn đàn quốc tế. Nguyễn Ái Quốc đã dũng cảm đứng lên đấu tranh cho những quyền lợi chính đáng của nhân dân ta ngay tại sào huyệt của thực dân Pháp. *Bản yêu sách* đã vạch trần tội ác của chủ nghĩa thực dân Pháp, làm cho nhân dân tiến bộ thế giới, giai cấp công nhân và nhân dân Pháp bắt đầu chú ý đến tình hình Việt Nam dưới ách thống trị của thực dân Pháp.

Cách mạng Tháng Mười Nga đã thức tỉnh nhân dân toàn thế giới đứng lên để tự giải phóng. Từ đó, phong trào cách mạng của giai cấp công nhân phát triển mạnh mẽ. Các Đảng Cộng sản ra đời. Năm 1919, Quốc tế III tức là Quốc tế Cộng sản được thành lập. Quốc tế Cộng sản đã kiên quyết ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc ở các nước phương Đông. *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin, được Đại hội lần thứ II của Quốc tế Cộng sản họp năm 1920 thông qua, đã vạch ra đường hướng cơ bản cho phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa và phụ thuộc. Được sự giúp đỡ của nhiều đồng chí cách mạng Pháp, trong đó có Mácxen

Casanh, Pôn Vayăng Cutuyriê, Môngmút Xô v.v... Nguyễn Ái Quốc càng hiểu rõ hơn Quốc tế III và *Bản luận cương* của Lênin. *Luận cương* của Lênin làm cho Người rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Người vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: "Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta" ⁽¹⁾.

Sự kiện chính trị quan trọng thu hút sự chú ý của Nguyễn Ái Quốc là Đại hội II Quốc tế III. Theo dõi các văn kiện Đại hội, Người rất tâm đắc với điều mà Đại hội nêu ra là các Đảng muốn gia nhập Quốc tế III thì phải ủng hộ trên thực tế, chứ không phải bằng lời nói đối với phong trào cách mạng ở thuộc địa. Điều đó củng cố thêm niềm tin của Người vào Lênin và Quốc tế cộng sản. Từ đó, Nguyễn Ái Quốc hoàn toàn tin theo Lênin và Quốc tế III. Người say mê nghiên cứu các tác phẩm của Mác, của Lênin. Niềm tin ấy là cơ sở tư tưởng để Người bước đi theo con đường cách mạng triệt để của chủ nghĩa Mác - Lênin, và trở thành người đi tiên phong của phong trào giải phóng dân tộc trong thế kỷ XX.

Đại hội lần thứ 18 của Đảng Xã hội Pháp (họp từ ngày 25 đến ngày 30-12-1920 tại thành phố Tua - Pháp) đã tranh luận rất gay gắt về việc gia nhập Quốc tế III, hay ở lại Quốc tế II. Nguyễn Ái Quốc đã đọc tham luận tại Đại hội và Người cùng với các nhà cách mạng Pháp đứng hẳn về Quốc tế III, bỏ phiếu gia nhập Quốc tế Cộng sản, và Người trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp. Người là một trong những đảng viên đầu tiên của Đảng Cộng sản Pháp, đồng thời cũng là người cộng sản

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t.10, tr. 127.

Việt Nam đầu tiên. Việc làm đó của Người phù hợp với trào lưu tiến hóa của lịch sử. Đó là bước nhảy vọt, sự thay đổi về chất trong nhận thức tư tưởng và lập trường chính trị của Nguyễn Ái Quốc. Người đã từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, đồng thời sau đó không lâu Người đã vận động được cả một lớp người Việt Nam yêu nước chân chính đi theo chủ nghĩa Mác - Lênin. Từ đó chủ nghĩa Mác - Lênin thâm nhập phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Cách mạng Việt Nam từ đây đã có phương hướng mới đúng đắn và trở thành một bộ phận khăng khít của phong trào cách mạng thế giới.

3. Thời kỳ hoạt động ở Pháp, Liên Xô, Trung Quốc và chuẩn bị cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920 - 1930)

Từ năm 1920 đến 1923, Nguyễn Ái Quốc hoạt động với cương vị Trưởng Tiểu ban Đông Dương trong *Ban Nghiên cứu thuộc địa* của Đảng Cộng sản Pháp. Người tham gia các Đại hội I (1921), Đại hội II (1922), Đại hội III Đảng Cộng sản Pháp. Trong các Đại hội này, Người đã phê bình Đảng Cộng sản Pháp chưa quan tâm đúng mức đến vấn đề thuộc địa. Người hoạt động trong phong trào yêu nước của những người dân thuộc địa ở Pháp, thành lập "Hội liên hiệp thuộc địa", cho ra đời tờ báo *Le Paria* (Người cùng khổ). Đây là lần đầu tiên, tư tưởng đoàn kết quốc tế của Người được thể hiện bằng tổ chức. Trong lời kêu gọi đăng ở số đầu của báo, Người nêu rõ mục đích của tờ báo là đấu tranh để "*giải phóng con người*". Điều này chứng tỏ tư tưởng giải phóng con người xuất hiện từ rất sớm và sâu sắc ở Nguyễn Ái Quốc.

Trong thời gian này, Người đã viết tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*. Tác phẩm nổi tiếng này trước hết

là một bản cáo trạng chủ nghĩa thực dân Pháp nói riêng và chủ nghĩa tư bản đế quốc nói chung. Bằng những chứng cứ rõ ràng, Người đã tố cáo những tội ác tày trời của chủ nghĩa đế quốc Pháp trên các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Người vạch rõ cuộc sống cơ cực của nhân dân lao động thuộc địa dưới ách của chủ nghĩa thực dân. Tác phẩm nêu lên những luận điểm quan trọng về vấn đề dân tộc và thuộc địa; chỉ rõ mối quan hệ mật thiết giữa cách mạng thuộc địa và cách mạng vô sản ở chính quốc; khẳng định cách mạng thuộc địa là một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới... Theo Người, cách mạng vô sản ở “chính quốc” và cách mạng thuộc địa có mối quan hệ biện chứng không thể tách rời như hai cánh chim của cách mạng thế giới. Nhiệm vụ của giai cấp vô sản ở chính quốc là phải đoàn kết, ủng hộ triệt để cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản và nhân dân các nước thuộc địa, không phải chỉ bằng lời nói mà phải bằng hành động thực tế.

Bản án chế độ thực dân Pháp thể hiện sự kết hợp nhuần nhuyễn nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin với thực tiễn phong trào cách mạng của nhân dân các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc chống chủ nghĩa đế quốc thực dân, làm phong phú chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa. Đó là một văn kiện lý luận và thực tiễn quan trọng chuẩn bị về nhận thức, tư tưởng, phương pháp cho nhân dân các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc đứng dậy đấu tranh cách mạng giành chính quyền và độc lập dân tộc, góp phần truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào các nước thuộc địa Pháp trong thời kỳ này. Đối với cách mạng Việt Nam, *Bản án chế độ thực dân Pháp* chỉ ra phương hướng cách mạng đúng đắn, góp phần chuẩn bị về tư tưởng, chính trị để tiến tới thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, và Nhà nước Việt Nam mới sau này...

Tháng 6-1923, Nguyễn Ái Quốc sang Liên Xô. Người tìm hiểu về kinh tế, chính trị, xã hội của nước Nga Xôviết, làm việc tại Ban phương Đông của Quốc tế cộng sản. Người viết nhiều bài trình bày những ý kiến về cách mạng giải phóng dân tộc, về những thành tựu của nước Nga Xôviết, về nguyện vọng và ý chí của nhân dân Việt Nam trong sự nghiệp cách mạng. Tại đây, Người tham gia Đại hội Quốc tế Nông dân, rồi tham gia Đại hội Quốc tế Công hội đỏ, Quốc tế Phụ nữ, Quốc tế Thanh niên, Quốc tế Giúp đỡ các chiến sĩ cách mạng... Trong thời kỳ này, những tư tưởng của Lênin về Nhà nước kiểu mới và thực tế về hình ảnh nhà nước đó đã tác động mạnh mẽ đến suy nghĩ của Nguyễn Ái Quốc.

Cuối năm 1924, Người đến Quảng Châu - Trung tâm của cách mạng Trung Quốc lúc bấy giờ. Được sự ủy nhiệm của Đoàn Chủ tịch Quốc tế Nông dân, Người tham gia chỉ đạo phong trào cách mạng, phong trào nông dân ở Trung Quốc và một số nước châu Á. Tại Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc sáng lập "Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội", ra báo *Thanh niên* và mở lớp huấn luyện trực tiếp đào tạo cán bộ cho cách mạng Việt Nam, trong đó có những người tiêu biểu như các đồng chí Trần Phú, Lê Hồng Phong, Ngô Gia Tự... Để làm tài liệu giảng dạy, đầu năm 1925, Nguyễn Ái Quốc biên soạn tập *Đề cương bài giảng*, được Bộ Tuyên truyền của "Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức" ở Á Đông xuất bản thành sách vào đầu năm 1927 với nhan đề là *Đường cách mệnh*. Đó là cuốn sách thể hiện sự vận dụng sáng tạo đầu tiên tư tưởng cách mạng của Hồ Chí Minh vào thực tiễn nước ta.

Trong cuốn *Đường cách mệnh*, trước hết Người chỉ rõ rằng muốn sống thì phải làm cách mạng. Người đề cập đến "Tư cách của người cách mệnh". Người coi việc giác ngộ cách

mạng và giáo dục đạo đức cách mạng là một trong những yêu cầu hàng đầu để chuẩn bị về tư tưởng và chính trị cho một đảng chân chính cách mạng ra đời. Người cho rằng, người cán bộ chẳng những phải có đạo đức cách mạng, mà cần phải có lý luận cách mạng là chủ nghĩa Mác - Lênin, có đường lối và phương pháp cách mạng đúng đắn. Có như vậy mới giành được chính quyền và xây dựng được chế độ mới. Người chỉ rõ nhiệm vụ trực tiếp trước mắt của cách mạng Việt Nam là giải phóng dân tộc, và mục tiêu cách mạng lâu dài là tiến lên chủ nghĩa xã hội. Cách mạng giải phóng dân tộc có nhiệm vụ đánh đổ đế quốc Pháp và vua quan phong kiến tay sai, giành lấy chính quyền về tay nhân dân. Muốn đánh đuổi kẻ thù thì phải tập hợp lực lượng cách mạng. Lực lượng đó là nhân dân bị đế quốc Pháp áp bức, bóc lột. Công nông là chủ cốt của cách mạng. Sự nghiệp cách mạng là việc chung của dân chúng do giai cấp công nhân lãnh đạo. Vì vậy, muốn làm cách mạng trước hết phải tổ chức, đoàn kết, giác ngộ quần chúng, lãnh đạo họ đấu tranh cách mạng. Phải tổ chức các hội quần chúng để tập hợp mọi lực lượng cách mạng, nhất là đối với nông dân ⁽¹⁾. Và đó cũng là cơ sở xã hội của chính quyền cách mạng sau này. Người còn chỉ rõ cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, có quan hệ mật thiết với cách mạng Pháp và phong trào giải phóng dân tộc ở các thuộc địa khác.

Đường cách mệnh đã phân tích kinh nghiệm tiến hành cách mạng, giành chính quyền ở một số nước. Nhưng điểm nổi bật trong tác phẩm là muốn làm cách mạng thành công thì phải có Đảng cách mạng theo chủ nghĩa Mác - Lênin, phải vững mạnh, thống nhất, hy sinh, gan góc. Đảng cách mạng đó có vững thì cách mạng mới thành công, cũng như

(1) Xem: *Nguyễn Ái Quốc ở Quảng Châu* (1924 - 1927), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 161 - 162.

người cầm lái có vững thuyền mới chạy. Đảng muốn vững thì phải lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm cốt. Trong Đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có la bàn. “Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lênin”.

Năm 1930, phong trào cách mạng Việt Nam phát triển nhanh chóng, hình thành ở trong nước ba tổ chức cộng sản. Lợi ích của cách mạng và nguyên tắc tổ chức của chính đảng Mác - Lênin đòi hỏi phải thống nhất các tổ chức cộng sản đó lại. Cuối năm 1929, đang hoạt động ở Thái Lan, được ủy nhiệm của Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc trở lại Hồng Kông, triệu tập Hội nghị đại biểu các tổ chức cộng sản để thống nhất tổ chức, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội nghị họp từ ngày 3 đến ngày 7-2-1930 dưới sự chủ tọa của Nguyễn Ái Quốc đã quyết định thống nhất các tổ chức cộng sản, thành lập một Đảng Cộng sản chân chính duy nhất ở Việt Nam, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội nghị đã thông qua các văn kiện: *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ tóm tắt của Đảng... và Lời kêu gọi...* do Nguyễn Ái Quốc thảo ra. Hội nghị thành lập Đảng đã đề ra đường lối cơ bản của cách mạng Việt Nam, những nguyên tắc về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam và Chính phủ công nông. Có thể nói, đến đây tư tưởng chính trị của Hồ Chí Minh trong đó có tư tưởng về Nhà nước kiểu mới đã hình thành về cơ bản.

4. Thời kỳ gặp những thử thách gay go, nhưng vẫn kiên trì quan điểm tư tưởng về cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa (1931 - 1940)

Đảng mới ra đời đã lãnh đạo phong trào Xôviết Nghệ Tĩnh đánh đổ chế độ quan lại ở địa phương. Tuy phong trào

có những sai lầm và đã bị khủng bố, nhưng đã cho chúng ta kinh nghiệm giành chính quyền và xây dựng chính quyền mới. Tình hình ấy đã tác động đến suy nghĩ của Nguyễn Ái Quốc.

Trong thời kỳ này, Nguyễn Ái Quốc đang ở Hồng Kông, bị đế quốc Anh bắt giam trái phép. Thực dân Pháp hí hửng, tìm mọi cách vận động chính phủ Anh trao Người cho chúng. Do tinh thần kiên định của mình, được “Quốc tế đỏ” can thiệp và luật sư Lôđơbai hết lòng giúp đỡ cho nên tòa án Hồng Kông và Hội đồng Hoàng gia Anh buộc phải tuyên bố xóa án.

Người trở lại Liên Xô và được vào học tại Trường quốc tế Lênin (1934 - 1935), rồi học nghiên cứu sinh Ban sử của Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa của Quốc tế Cộng sản (1937). Người nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và tìm hiểu thực tiễn Liên Xô lúc bấy giờ ⁽¹⁾. Những năm này, Người đã đấu tranh để bảo vệ quan điểm của mình về vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp, về cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa và cách mạng vô sản, chống lại những biểu hiện tả khuynh và biệt phái.

Tháng 7 năm 1935, Đoàn đại biểu chính thức của Đảng ta, do đồng chí Lê Hồng Phong dẫn đầu, đi dự Đại hội VII của Quốc tế Cộng sản họp tại Mátxcơva. Người tham gia Đoàn đại biểu với tư cách là tư vấn. Đại hội VII của Quốc tế Cộng sản đã phê phán khuynh hướng tả khuynh trong phong trào cộng sản quốc tế và đã chuyển hướng đấu tranh, chủ trương mở rộng mặt trận thống nhất vì hòa bình, chống kẻ thù trước mắt là chủ nghĩa phát xít. Đối với các nước

(1) Xem: *Hồ Chí Minh: Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.2, tr. 56 - 59.

thuộc địa và phụ thuộc, Đại hội VII đã bác bỏ các luận điểm tả khuynh trước đây chủ trương trực tiếp làm “cách mạng công nông”, thành lập chính thức “Chính phủ Xôviết”, bất chấp tình hình đã thay đổi v.v... Sự chuyển hướng đó đã chứng minh quan điểm và sự nhạy cảm, sáng tạo của Người về cách mạng Việt Nam, về việc thành lập mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi, tập trung mũi nhọn chống đế quốc là đúng đắn. Đó cũng là cơ sở để Đảng ta chuyển hướng chiến lược trong thời kỳ 1936 - 1939, với việc thành lập “Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương”, sau đổi thành “Mặt trận dân chủ Đông Dương”, kết hợp đấu tranh bất hợp pháp, nửa hợp pháp, tập dượt cho Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám.

Trước những biến động mới của tình hình thế giới và trong nước, Người đề nghị Quốc tế cộng sản cho về nước hoạt động và được Quốc tế cộng sản chấp nhận. Người đã đến Trung Quốc từ đó theo dõi sát tình hình và có những ý kiến chỉ đạo sát, đúng gửi cho các đồng chí lãnh đạo ở trong nước và đối với cách mạng Việt Nam.

5. Thời kỳ về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam chuẩn bị khởi nghĩa và tiến tới giành chính quyền (1941 - 1945)

Sau 30 năm bôn ba tìm đường cứu nước, trước yêu cầu mới của tình hình, đầu năm 1941, Hồ Chí Minh vượt biên giới Việt - Trung về nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Tháng 5-1941, Người triệu tập và chủ trì Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ tám lịch sử. Hội nghị đã đánh giá những chuyển biến mới của tình hình và đưa ra nhận định hết sức quan trọng và đúng đắn về mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp “Trong lúc này, nếu không giải quyết

vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không thể đòi lại được"⁽¹⁾. Hội nghị đã dứt khoát khẳng định sự chuyển hướng chiến lược: *Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc cao hơn hết*, là nhiệm vụ trước tiên, tạm gác nhiệm vụ cách mạng điền địa lại. Từ đó, Hội nghị đề ra chủ trương thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi lấy tên là "Việt Nam độc lập đồng minh", gọi tắt là Việt Minh, nhằm đoàn kết, tập hợp mọi lực lượng yêu nước, chống đế quốc, giành độc lập cho dân tộc, không phân biệt giai cấp, dân tộc, tôn giáo... để chuẩn bị Tổng Khởi nghĩa, giành chính quyền trong cả nước.

Đây là Hội nghị đánh dấu bước chuyển hướng chiến lược đúng đắn, sáng tạo. Nhờ đó, dưới sự chỉ đạo sáng suốt của Đảng, lực lượng cách mạng được xây dựng và phát triển nhanh chóng, và khi thời cơ đến, nhân dân ta đã nhất tề đứng lên làm cuộc Cách mạng tháng Tám thành công, giành lại độc lập tự do cho Tổ quốc. Ngày 2-9-1945, Hồ Chí Minh đã đọc bản Tuyên ngôn độc lập lịch sử tại Quảng trường Ba Đình, khai sinh Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước kiểu mới đầu tiên ở Đông Nam Á.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là thắng lợi vĩ đại của sự nghiệp cách mạng trong suốt 15 năm đấu tranh liên tục của Đảng, là thắng lợi vĩ đại đầu tiên của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam, là thắng lợi của tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước kiểu mới ở Việt Nam.

(1) Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ tám (5-1941) *Văn kiện Đảng 1930 - 1945*, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, Hà Nội, 1977, t. III, tr.196.

6. Thời kỳ bảo vệ, xây dựng và sử dụng chính quyền để tiến hành chiến tranh giải phóng, bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội (9-1945 đến 9-1969)

Giành được chính quyền về tay nhân dân (9-1945) là kết quả của cuộc đấu tranh kiên cường, anh dũng của cả một dân tộc. Nó chấm dứt thời kỳ nô lệ, *mở ra một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập, tự do, dân chủ của nước Việt Nam mới.*

Nước Việt Nam mới giành chính quyền chưa được bao lâu, ngày 23-9-1945 thực dân Pháp núp bóng quân Anh gây hấn ở Nam Bộ. Ở miền Bắc, quân đội Tưởng Giới Thạch kéo vào thực hiện âm mưu tiêu diệt Đảng ta, phá tan Việt Minh giúp bọn phản động lật đổ chính quyền cách mạng. Trước tình hình đó, Đảng và Hồ Chí Minh chủ trương:

- *Về mặt đối nội:* Ra sức củng cố chính quyền non trẻ, chống giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm, củng cố Đảng (tuy về mặt sách lược tuyên bố Đảng tự giải tán), củng cố lực lượng vũ trang nhân dân.

- *Về mặt đối ngoại:* Vận dụng sách lược khôn khéo, mềm dẻo, thêm bạn bớt thù, tranh thủ thời gian để chuẩn bị lực lượng kháng chiến lâu dài.

Nhờ đó, *chính quyền cách mạng* được giữ vững và toàn dân ta đã bước vào cuộc kháng chiến toàn quốc (19-12-1946) với tư thế sẵn sàng, với lòng tin sắt đá “Kháng chiến trường kỳ, nhưng nhất định thắng lợi”.

Năm 1951 do yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và để đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh triệu tập Đại hội II, đưa Đảng ra công khai với tên gọi “Đảng Lao Động Việt Nam”, đồng thời đề nghị Lào và Campuchia tổ chức đảng

riêng để kịp thời lãnh đạo cách mạng sát với thực tiễn của mỗi nước ⁽¹⁾. Đại hội đã thông qua Cương lĩnh mới và Điều lệ mới, đề ra chủ trương, đường lối đúng đắn và toàn diện, tập trung xây dựng Nhà nước dân chủ nhân dân, nền kinh tế, văn hóa dân chủ nhân dân vững mạnh, giải quyết tốt mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp, nhằm động viên toàn dân đẩy mạnh kháng chiến. Cuối cùng, bằng chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử, dân tộc ta đánh bại chủ nghĩa thực dân Pháp, mở đầu cho sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân cũ trên thế giới.

Hội nghị Giơnevơ được ký kết, miền Bắc được giải phóng hoàn toàn, song miền Nam vẫn còn chịu sự thống trị của chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai. Cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới, Đảng ta và Hồ Chí Minh đã đề ra hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam: xây dựng miền Bắc từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội và tiếp tục hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam, thống nhất nước nhà.

Năm 1959, Quốc hội nước ta đã thông qua *Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*. Tiếp đó, Đại hội III của Đảng họp tháng 9-1960 đề ra nhiệm vụ: "*xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà*" ⁽²⁾. Trong đó, Đại hội xác định việc củng cố, kiện toàn Nhà nước dân chủ nhân dân, sử dụng Nhà nước dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản, bảo vệ thành quả cách mạng, xây dựng chủ nghĩa xã hội và làm hậu thuẫn cho cách mạng ở miền Nam.

Năm 1964, đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai đẩy mạnh chiến tranh đặc biệt ở miền Nam và trắng trợn khiêu khích phá

(1) Trước đó, có thời kỳ là Đảng Cộng sản Đông Dương.

(2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t.10, tr.198.

hoại miền Bắc. Ngày 27 tháng 3 năm 1964, Chủ tịch Hồ Chí Minh triệu tập Hội nghị chính trị đặc biệt. Đây là Hội nghị thể hiện ý chí quyết chiến, quyết thắng của nhân dân cả nước. Sau Hội nghị chính trị đặc biệt, thực hiện lời kêu gọi chống Mỹ cứu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Không có gì quý hơn độc lập tự do", nhân dân ta từ miền Bắc đến miền Nam, phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, lần lượt đánh thắng mọi chiến lược của kẻ thù trong cuộc chiến tranh lâu dài và quyết liệt nhất trong lịch sử của dân tộc ta.

Năm 1969, trước khi vĩnh biệt đồng bào, đồng chí, Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại bản *Di chúc* thiêng liêng, nói lên tình sâu nghĩa nặng của Người đối với nước với dân; thể hiện niềm tin tất thắng ở sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, đồng thời đề ra những phương sách lớn để đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đến thắng lợi và những công việc phải làm, phải đổi mới sau ngày toàn thắng.

Trong tiến trình cách mạng ở miền Nam, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ đạo quá trình giành chính quyền, xây dựng chính quyền cách mạng. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, Tổ quốc thống nhất, đã thống nhất về mặt Nhà nước, thành nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *mở ra một kỷ nguyên mới độc lập, tự do, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ và chủ nghĩa xã hội trên đất nước thân yêu của chúng ta*. Năm 1976, Đại hội IV của Đảng đã ghi nhận công lao to lớn của người Anh hùng dân tộc Hồ Chí Minh: "Thắng lợi to lớn của sự nghiệp chống Mỹ cứu nước cũng như những trang sử chói lọi của cách mạng Việt Nam ngót nửa thế kỷ nay, mãi mãi gắn liền với tên tuổi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Người sáng lập và rèn luyện Đảng ta, Người khai sinh ra nền Cộng hòa dân chủ Việt Nam, Người vun trồng khối đại đoàn kết dân tộc và xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, vị lãnh tụ thiên tài

của giai cấp công nhân và nhân dân ta, Người Anh hùng dân tộc vĩ đại, Người chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản quốc tế”.

Từ ngày nước ta giành được chính quyền, Đảng ta đã sử dụng chính quyền cách mạng, lãnh đạo nhân dân cả nước xây dựng và bảo vệ đất nước, đạt những thành tựu rất quan trọng về nhiều mặt. Song, trong thời kỳ xây dựng đất nước trong hoàn cảnh chiến tranh, chúng ta đã phạm những khuyết điểm do giáo điều, chủ quan, duy ý chí, có một số nhận thức không đầy đủ về chủ nghĩa xã hội, sau đó đất nước đã lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội trong những năm cuối thập kỷ 70 và đầu thập kỷ 80. Nhưng Đảng, Nhà nước ta, nhân dân ta đã quyết tâm thực hiện công cuộc đổi mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Đại hội lần thứ VI của Đảng đã nghiêm khắc tự phê bình về những khuyết điểm, đồng thời đề ra đường lối đổi mới toàn diện, trong đó có vấn đề cải cách bộ máy Nhà nước. Đại hội đã nêu lên bốn bài học lớn: lấy dân làm gốc; tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan; phát huy sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại; xây dựng Đảng ngang tầm yêu cầu nhiệm vụ. Thực chất các bài học đó là sự quán triệt những tư tưởng chính trị cơ bản của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong tình hình mới, với những kinh nghiệm và trí tuệ của thời kỳ mới.

Đại hội lần thứ VII và lần thứ VIII của Đảng tiếp tục kiên trì và phát triển sự nghiệp đổi mới theo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, và đã đề ra Cương lĩnh và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, đưa nước nhà phát triển lên tầm cao mới. Đại hội VII và Đại hội VIII đều nhấn mạnh phải đổi mới hệ thống chính trị, hoàn thiện và phát triển nó để làm công cụ, lực lượng thực hiện thành công sự nghiệp cách mạng trong thời kỳ mới và lưu ý phải “Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi

mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, *đồng thời từng bước đổi mới chính trị*"⁽¹⁾. Điều đó càng có ý nghĩa to lớn vừa đảm bảo ổn định chính trị, vừa phát triển kinh tế trước thực tiễn đầy biến động của thế giới.

Tóm lại, chúng ta đã đề cập tới một số vấn đề lý luận và thực tiễn hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật. Và chỉ trên cơ sở đó, chúng ta mới hiểu sâu sắc thực chất tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, về Nhà nước và pháp luật nói riêng. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật đã hình thành phát triển hơn nửa thế kỷ là sản phẩm tất yếu của cách mạng Việt Nam trong thời đại mới; là sự kết tinh trí tuệ của dân tộc Việt Nam và thế giới trong lịch sử và hiện đại; là sự vận dụng sáng tạo và phát triển của chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện thực tiễn nước ta, là một trong những nội dung cơ bản trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh.

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.71.

CHƯƠNG II

NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Người đã kế thừa, xây dựng Nhà nước ta ngày càng hoàn thiện qua từng giai đoạn lịch sử. Vì vậy, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề Nhà nước và pháp luật có ý nghĩa quan trọng nhằm định hướng cho việc cải cách, xây dựng Nhà nước pháp quyền ở nước ta hiện nay. *Văn kiện Đại hội VIII* của Đảng đã chỉ rõ: “Tiếp tục kiện toàn bộ máy Nhà nước, đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường quản lý Nhà nước” ⁽¹⁾ “là trọng tâm của việc xây dựng, hoàn thiện Nhà nước trong những năm trước mắt, công cuộc cải cách hành chính phải dựa trên cơ sở pháp luật và tiến hành đồng bộ trên các mặt: cải cách thể chế hành chính, tổ chức bộ máy và xây dựng kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức hành chính” ⁽²⁾. Sau đây chúng ta sẽ nghiên cứu những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật.

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 133.

(2) *Sđd*, tr. 131.

1. XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC DÂN TỘC ĐỘC LẬP, DÂN CHỦ NHÂN DÂN ĐỂ BẢO VỆ VÀ KIẾN THIẾT CUỘC SỐNG MỚI LÀ VẤN ĐỀ SỐNG CÒN

Khi bốn ba tìm chân lý cách mạng để giành lại độc lập cho Tổ quốc, tự do cho dân tộc, Hồ Chí Minh không chỉ nghĩ đến việc *giành và giữ vững chính quyền* - vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng, mà cũng đã nghĩ đến việc *thiết kế một Nhà nước của nhân dân*, nhằm củng cố, phát huy hiệu lực của nó trong việc tổ chức xây dựng cuộc sống mới, thực hiện sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp một cách triệt để theo con đường xã hội chủ nghĩa. Đó là vấn đề có ý nghĩa sống còn. Nhìn vào những cuộc cách mạng nhân dân bị thất bại, bị phản bội trong lịch sử và hiện nay, chúng ta càng thấm thía điều đó.

1. Lật đổ Nhà nước thực dân - phong kiến, xây dựng Nhà nước dân tộc độc lập, dân chủ cộng hòa

Trước lúc ra đi tìm đường cứu nước, Nguyễn Tất Thành đã phê phán chế độ Nhà nước phong kiến - thực dân ở Việt Nam lúc bấy giờ, lên án hệ thống cai trị hà khắc của thực dân Pháp và tầng lớp quan lại Nam triều đã đàn áp bóc lột nhân dân ta một cách tàn tệ. Người khẳng định, Nhà nước thực dân - phong kiến đã lỗi thời, không còn đủ khả năng điều hành đất nước, ngăn cản sự phát triển xã hội, gây ra bao tang tóc cho đồng bào, nên cần phải xóa bỏ. Nhưng Người chưa hình dung được con đường giải phóng và chế độ mới là gì.

Không thỏa mãn với những hiểu biết về lịch sử của dân tộc mình, Người đã ra nước ngoài, đặt chân đến nhiều nước, nghiên cứu lịch sử các cuộc cách mạng diễn ra trên thế giới và các kiểu nhà nước của Mỹ, Pháp, Nga..., đọc các tác phẩm của Môngtexkiơ, Vôn-te, Rút-xô, Tôn Dật Tiên, và

các tác phẩm của Mác, nhất là cuốn *Nhà nước và cách mạng* của Lênin.

Quan sát kinh nghiệm các cuộc cách mạng, Người khẳng định: “Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mệnh Nga là đã thành công và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc tự do, bình đẳng thật, không phải tự do và bình đẳng giả dối như đế quốc chủ nghĩa Pháp khoe khoang bên An Nam. Cách mạng Nga đã đuổi được vua, tư bản, địa chủ, rồi lại ra sức cho công, nông các nước và dân bị áp bức các thuộc địa làm cách mệnh để đập đổ tất cả đế quốc chủ nghĩa và tư bản trong thế giới” ⁽¹⁾, lập ra chính quyền của công nông. Và Người đã theo gương cách mạng Nga.

Đồng thời, Người nghiên cứu những di sản văn hóa pháp luật trong *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* của cách mạng Pháp năm 1791, *Tuyên ngôn độc lập năm 1776* và *Hiến pháp Mỹ năm 1787*, những luận điểm về nhà nước trong *Thư Ba Tư* (1721), *Tinh thần luật pháp* (1748) của Môngtexkiơ và kết hợp với thực tiễn sinh động đã tìm hiểu được ở Mỹ, Anh, Pháp, Liên Xô, Hồ Chí Minh đã quyết định lựa chọn con đường Cách mạng Tháng Mười Nga, kiểu nhà nước mới theo chủ nghĩa Mác - Lênin, phù hợp với đặc điểm dân tộc Việt Nam và tình hình cách mạng Việt Nam, tức là lật đổ chính quyền thực dân, phong kiến, lập nên *Nhà nước dân tộc độc lập, dân chủ cộng hòa* của mình ⁽²⁾, Nhà nước mang bản chất của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam.

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb, Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.2, tr. 280.

(2) Chọn thể chế cộng hòa dân chủ thay cho quân chủ chuyên chế là vấn đề được các nhà yêu nước Việt Nam bàn luận từ năm 1912. Xem Trần Văn Giàu: *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam*, Nxb: Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, t.II, tr. 31 - 110.

Thời gian đầu, tư tưởng về Nhà nước kiểu mới của Hồ Chí Minh được hình thành và phát triển thể hiện qua một loạt tác phẩm của Người như *Yêu sách của nhân dân An Nam* (1919), *Đông Dương và Triều Tiên* (1921), *Lời phát biểu tại Đại hội Tua* (1920), *Bản án chế độ thực dân Pháp* (1925)... Thông qua các tác phẩm đó, Người tố cáo và lên án những tội ác tày trời của chế độ thực dân nói chung, chế độ thực dân Pháp nói riêng trên mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, và bóc trần bản chất của nhà nước thực dân cai trị thuộc địa, cách thức tổ chức của Nhà nước thực dân phong kiến nhằm bóc lột đến tận xương tủy dân tộc Việt Nam, đồng thời suy nghĩ về Nhà nước cách mạng, về chế độ mới sẽ thành lập để thay thế chế độ cũ. Điều đó đã trở thành hiện thực vào thời điểm của năm 1945 thông qua cuộc Cách mạng Tháng Tám, lập nên Nhà nước dân chủ cộng hòa ở Việt Nam - nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á.

(¹ Do đặc thù của dân tộc Việt Nam bị thực dân, đế quốc xâm lược và xâm phạm chủ quyền dân tộc, chúng lại cấu kết với chế độ phong kiến lỗi thời tạo ra chính quyền thuộc địa với hai yếu tố thực dân và phong kiến, dè dặt cưỡi cổ nhân dân ta. Do đó, vấn đề trước hết của cách mạng là vấn đề độc lập dân tộc, nhưng độc lập dân tộc ở đây là đánh đuổi bọn thực dân, đánh đổ chế độ phong kiến, giành lấy chính quyền về tay nhân dân. Vấn đề chính quyền, vấn đề dân tộc và vấn đề dân chủ là một. *Giành được chính quyền vừa là giải quyết được vấn đề dân tộc độc lập, vừa là giải quyết vấn đề dân chủ (chống phong kiến)*. Việc Hồ Chí Minh chủ trương thiết lập, xây dựng một Nhà nước dân tộc độc lập, dân chủ cộng hòa là một quan điểm sáng tạo và thực tế tạo ra *bước ngoặt* trong lịch sử nhà nước ở Việt Nam. Điều 1 của *Hiến pháp năm 1946* ghi rõ: Nước Việt Nam là một nước có chủ

quyền, một nước dân chủ cộng hòa. Như vậy, trước hết Nhà nước Việt Nam mới là một Nhà nước *dân tộc, dân chủ và cách mạng*. Giai cấp công nhân, nhân dân lao động, các *cộng đồng dân tộc* phải trở thành dân tộc, phải giành lấy *dân chủ*. Tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin về nhà nước được Hồ Chí Minh sáng tạo trong hoàn cảnh mới.

Hồ Chí Minh quan tâm thiết lập một Nhà nước mới phù hợp với đặc điểm chính trị của dân tộc, của xã hội Việt Nam và xu thế tiến bộ của thời đại. *Sự ưu trội về tính dân tộc* trong tư tưởng Hồ Chí Minh là sự vận dụng đạo lý dân tộc và học thuyết Mác - Lênin một cách sáng tạo vào việc xây dựng bộ máy Nhà nước *đậm đà bản sắc dân tộc*, một Nhà nước đoàn kết, tập hợp cho được sức mạnh, tinh hoa của các cộng đồng dân tộc Việt Nam, khẳng định được *quyền dân tộc tự quyết* của mình.

Nghệ thuật của sự kết hợp tính dân tộc, tính giai cấp, tính nhân dân, gắn chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa xã hội, cách mạng giải phóng dân tộc với cách mạng vô sản, giải phóng dân tộc với giải phóng con người là sự nhất quán trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Do đó, xây dựng một Nhà nước của dân, do dân và vì dân là thể hiện tập trung quốc sách "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết", nhằm tập hợp mọi lực lượng cách mạng trong việc bảo vệ và xây dựng đất nước. Xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất (lúc đầu là Mặt trận Việt Minh) làm cơ sở cho sự hình thành Nhà nước, và làm cơ sở xã hội lâu dài của Nhà nước là sáng kiến của Hồ Chí Minh, là nét độc đáo trong tư duy chính trị Hồ Chí Minh.

Thực tiễn ở một số nước và một số cuộc cách mạng, khi chuyển sang giai đoạn mới, cơ sở xã hội của Nhà nước phải thu hẹp,... Vì một số giai cấp, tầng lớp có quyền lợi riêng của mình đối lập với mục tiêu và nhiệm vụ của giai đoạn mới, nên không còn khả năng cách mạng.

Ở Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, tính chất cơ bản của Nhà nước ta vẫn là *Nhà nước của dân, do dân và vì dân*. Cơ sở xã hội - giai cấp của Nhà nước *vẫn là khối đại đoàn kết dân tộc*, trên nền tảng liên minh công nhân, nông dân, lao động trí óc, do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo. Cơ sở ấy không thu hẹp mà còn phát triển về chất lượng với sự tham gia của các giai cấp, các tầng lớp cách mạng đứng trong Mặt trận dân tộc thống nhất; đồng thời bồi dưỡng, cải tạo, dìu dắt để mọi giai cấp, tầng lớp và mọi người tiếp tục đi theo con đường cách mạng do Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh vạch ra, tiếp tục góp phần cống hiến vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới, vì lợi ích của cá nhân, của giai cấp, của cộng đồng và của cả dân tộc. Đây là *một sáng tạo lớn của Hồ Chí Minh và của Đảng ta về Nhà nước kiểu mới*.

2. Xây dựng Nhà nước vững mạnh để bảo vệ thành quả cách mạng và kiến thiết xã hội mới

Như trên đã nói, Hồ Chí Minh và Đảng ta đã tập trung lực lượng, chớp thời cơ giành chính quyền về tay nhân dân trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Cách mạng Tháng Tám thắng lợi, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sáng lập ra Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - một Nhà nước kiểu mới, trong đó tất cả quyền lực thuộc về nhân dân, đồng thời là Nhà nước của sức mạnh đại đoàn kết dân tộc Việt Nam. Rõ ràng, Người đã vận dụng quan điểm dân tộc một cách sáng tạo vào việc xây dựng một Nhà nước kiểu mới đầu tiên ở Đông Nam Á. Và Người đã tập trung trí tuệ, tâm lực cùng với Đảng và nhân dân ta xây dựng Nhà nước dân chủ, cộng hòa đó càng ngày càng vững mạnh.

Nhà nước kiểu mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh, *trước hết phải là Nhà nước thực sự của dân, do dân, vì dân, tạo*

nên khối đại đoàn kết toàn dân, đứng vững trên nền tảng dân tộc, do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo, tập hợp được người có tài, có đức tham gia Chính phủ và chính quyền các cấp từ Trung ương đến cơ sở. Để đảm bảo tính chất của một Nhà nước dân chủ kiểu mới, chỉ một ngày sau Tuyên ngôn độc lập, ngày 3-9-1945 trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ, khi đề ra những nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam, Người đề nghị: "Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu". Đó là điều đặc sắc mà Hồ Chí Minh và Đảng ta đã thực hiện được ngay giữa lúc đất nước vừa mới thoát khỏi ách nô lệ, lại gặp muôn vàn khó khăn, đại bộ phận nhân dân còn chưa biết chữ, thù trong, giặc ngoài bao vây, âm mưu hòng bóp chết chính quyền cách mạng còn non trẻ, nhưng chúng ta đã thắng. Điều kỳ diệu hơn nữa là sau Tổng tuyển cử bầu ra Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Hồ Chí Minh và Đảng ta đã thành lập một Chính phủ thật sự của dân, do dân và vì dân, do giai cấp công nhân lãnh đạo. Tính chất Nhà nước kiểu mới đó đã được thể hiện tập trung trong Hiến pháp năm 1946 và hoàn thiện trong Hiến pháp năm 1959, những Hiến pháp do chính Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp chỉ đạo, thì Quốc hội là Nghị viện nhân dân được xác định là cơ quan cao nhất của đất nước. Cách xác định vị trí của Quốc hội như vậy được thể hiện nhất quán, không những ở hai bản Hiến pháp trên, mà những Hiến pháp sau (Hiến pháp năm 1980, Hiến pháp năm 1992) vẫn xác định vị trí đó của Quốc hội.

Hồ Chí Minh đã biết dựa vào dân, đoàn kết toàn dân để xây dựng cho được một chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt, một Nhà nước thật sự là của nhân dân, hoạt động vì lợi ích của nhân dân. Người còn luôn luôn tìm biện pháp để nâng cao trình độ pháp luật, trí tuệ và đạo đức của cán

bộ Nhà nước, cải cách lề lối làm việc, cải tiến bộ máy quản lý, phát huy quyền dân chủ nhân dân, tăng cường hiệu lực của bộ máy nhà nước, chống quan liêu, tham ô, lãng phí từ trong bộ máy chính quyền các cấp.

Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến đội ngũ cán bộ, các chức danh trong bộ máy Nhà nước. Đó phải là những người có đức, có tài, tự nguyện đứng ra gánh vác việc nước và phải phụng sự nhân dân, là “đầy tớ của nhân dân”. Chính Người đã nêu lên một tấm gương trong sáng về những tiêu chuẩn đó. Người đã nói: “Cả đời tôi chỉ có một mục đích là phấn đấu cho quyền lợi của Tổ quốc và hạnh phúc của quốc dân.

Những khi tôi phải ẩn nấp nơi núi non hoặc ra vào chốn tù tội, xông pha và sự hiểm nghèo - là vì mục đích đó.

Đến lúc nhờ quốc dân đoàn kết, tranh được chính quyền, ủy thác cho tôi gánh việc Chính phủ, tôi lo lắng đêm ngày, nhần nhục cố gắng, cũng vì mục đích đó”⁽¹⁾.

Như vậy, cùng với quá trình cách mạng, tư tưởng Hồ Chí Minh về giành chính quyền, xây dựng Nhà nước kiểu mới là kết quả của sự thấm nhuần sâu sắc truyền thống văn hóa Việt Nam, những tư tưởng tiến bộ về nhà nước ở các nước phương Tây, cũng như ở phương Đông, đặc biệt là những tư tưởng cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin. Người đã vận dụng một cách sáng tạo những tư tưởng đó vào điều kiện cụ thể của Việt Nam để giành chính quyền, xây dựng một Nhà nước *vững mạnh thật sự của dân, do dân và vì dân, thể hiện khối đại đoàn kết dân tộc, trên nền tảng liên minh công - nông - trí thức do Đảng lãnh đạo*. Đó là một quá trình liên tục nhất quán từ lúc chưa có Nhà nước đến lúc giành được chính quyền, xây dựng Nhà nước kiểu mới,

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.4, tr. 240.

từ lúc còn thai nghén ban đầu, khi Đảng mới thành lập để lãnh đạo cách mạng, đến lúc thật sự bắt tay vào xây dựng Nhà nước dân chủ nhân dân tiến lên xây dựng Nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Và chính nhờ có chính quyền cách mạng đó, mà nhân dân ta đã làm cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ thắng lợi, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Không sao kể hết những tháng năm đầy gian khổ mà hào hùng và vinh quang ấy của Đảng và nhân dân ta. Thật vậy, có Đảng, có chính quyền cách mạng của nhân dân sẽ có tất cả.

II. XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC KIỂU MỚI CỦA DÂN, DO DÂN VÀ VÌ DÂN

1. Nhà nước kiểu mới là Nhà nước của dân, do dân, vì dân dựa trên nền tảng liên minh công - nông - trí thức, do giai cấp công nhân lãnh đạo.

Theo nguyên lý chung của chủ nghĩa Mác - Lênin, Nhà nước kiểu mới là Nhà nước của dân, do dân, vì dân, do giai cấp công nhân lãnh đạo chủ yếu để tổ chức xây dựng xã hội mới - xã hội chủ nghĩa.

Hồ Chí Minh đã vận dụng nguyên lý đó vào việc thiết lập Nhà nước kiểu mới ở Việt Nam trong hoàn cảnh một nước nông nghiệp lạc hậu, lao động thủ công còn phổ biến, chưa trải qua chế độ tư bản chủ nghĩa, giai cấp công nhân còn nhỏ bé. Ở Việt Nam, sự xâm lược của chế độ thực dân, đã làm xuất hiện cả giai cấp công nhân và giai cấp tư sản, nhưng giai cấp công nhân Việt Nam lại xuất hiện trước giai cấp tư sản dân tộc. Tuy vậy, giai cấp công nhân chưa phát triển nhiều về số lượng và chất lượng, nhưng do “đặc tính cách mạng” của mình được thừa hưởng truyền thống yêu nước và anh hùng của dân tộc, lại được giác ngộ của

chủ nghĩa Mác - Lênin, trong khi đó giai cấp tư sản thế giới đã hết vai trò cách mạng, giai cấp tư sản dân tộc ở Việt Nam không đủ sức trở thành giai cấp lãnh đạo, do đó giai cấp công nhân đã vững bước lên vũ đài chính trị, trở thành giai cấp lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Ngay từ đầu thiết lập chế độ Nhà nước, Hồ Chí Minh đã khẳng định Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Nhà nước dân chủ nhân dân phải đặt dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua chính đảng của mình ⁽¹⁾. Đó là một nguyên tắc bất di bất dịch và là nguyên nhân đầu tiên quyết định cho sự đứng vững và phát triển của Nhà nước cũng như của cách mạng Việt Nam trong hơn nửa thế kỷ qua. Trong khi đó, có người lại khẳng định vai trò lãnh đạo của cách mạng dân chủ kiểu mới là thuộc về giai cấp nông dân, nhất là các nước có đông nông dân; hoặc thuộc về vai trò của trí thức, nhất là những nước có công nghiệp phát triển. Điều đó càng thấy rằng, sự lựa chọn và khẳng định nói trên của Hồ Chí Minh về vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân đối với Nhà nước thể hiện tính kiên định và sáng suốt, nhạy cảm nắm bắt được xu thế mới của thời đại là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

Thực tế, trên thế giới đã có những bài học đáng ghi nhớ, nóng hổi tính thời sự, rằng khi giai cấp công nhân và Đảng tiên phong của nó buông lỏng, hoặc từ bỏ vai trò lãnh đạo đối với Nhà nước thì cách mạng bị thất bại, chế độ mới sụp đổ. Chúng ta càng thấy sự lựa chọn sáng suốt và sự khẳng định vai trò lãnh đạo giai cấp công nhân của Hồ Chí Minh ngay từ đầu và cả quá trình thiết lập xây dựng hoàn thiện chế độ Nhà nước ở nước ta có ý nghĩa quyết định sự thắng lợi của cách mạng.

(1) Sdd, t.9, tr. 586.

Một điều không kém phần quan trọng là Người đã sớm xác định được khối liên minh công - nông - trí thức làm nòng cốt cho Mặt trận đoàn kết dân tộc và Nhà nước. Hồ Chí Minh đã đánh giá cao vai trò của nông dân và trí thức trong Nhà nước cách mạng và trong sự nghiệp của giai cấp công nhân.

Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam (tháng 2-1951) đã nêu rõ: “Chính quyền của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là chính quyền dân chủ của nhân dân, nghĩa là của công nhân, nông dân, tiểu tư sản thành thị, tiểu tư sản trí thức, tư sản dân tộc, và các thân sĩ (địa chủ) yêu nước và tiến bộ. Những tầng lớp nhân dân ấy chuyên chính với đế quốc xâm lược và bọn phản quốc. Cho nên nội dung chính quyền đó là nhân dân dân chủ chuyên chính. Chính quyền đó dựa vào Mặt trận dân tộc thống nhất lấy liên minh công nhân, nông dân và lao động trí thức làm nền tảng, do giai cấp công nhân lãnh đạo”⁽¹⁾. Sau này, tuy có lúc chỉ nói liên minh công - nông, nhưng từ Đại hội VIII của Đảng đã nhấn mạnh “liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng”⁽²⁾.

↳ Nhà nước nào cũng mang bản chất của một giai cấp nhất định trong xã hội. Nhà nước Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập mang bản chất giai cấp công nhân. Giai cấp công nhân Việt Nam mà bộ phận ưu tú nhất của nó là Đảng Cộng sản Việt Nam, lại đại diện cho cả quyền lực của các tầng lớp, giai cấp trong xã hội Việt Nam hiện đại. Nhận thức được điều đó trong suốt quá trình xây dựng và củng cố Nhà nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn khẳng

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng, Hà Nội, 1965, tr. 121.

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 122.

định tư tưởng về đại đoàn kết dân tộc, về vai trò to lớn của quần chúng nhân dân đối với vận mệnh quốc gia. Lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam trải qua nhiều thời kỳ đô hộ, những thử thách hiểm nghèo đã chứng minh rõ vũ khí để chiến thắng là chủ nghĩa yêu nước và truyền thống đoàn kết dân tộc. Đoàn kết dân tộc là một chuẩn mực đạo lý như một quy luật phát triển của dân tộc Việt Nam. Quá trình đấu tranh giành độc lập cho đất nước, lợi ích dân tộc là mục tiêu hàng đầu của tư tưởng chính trị nhân văn Hồ Chí Minh, cũng là của Đảng Cộng sản Việt Nam, của Nhà nước Việt Nam mới.

Khi cách mạng đã thành công, với cương vị là một nguyên thủ quốc gia, dòng tư tưởng chủ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh là xây dựng một *Nhà nước của dân, do dân, vì dân, dựa vào khối đại đoàn kết dân tộc* do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo, một Nhà nước ở đó “tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, việc nước là việc chung, mỗi một người con Rồng cháu Tiên bất kể già trẻ, gái trai, giàu nghèo, nội giống, tôn giáo đều phải gánh một phần”.

2. Nhà nước của dân là Nhà nước mà quyền lực từ nhân dân, thuộc về nhân dân, do nhân dân quyết định

Hồ Chí Minh quan niệm Nhà nước của dân là “tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam”. *Nhân dân là gốc của nước, là chủ của quyền lực, bao nhiêu quyền hạn đều của dân*. Do đó, chính quyền là đầy tớ của dân, công bộc của dân, chứ không phải là cha mẹ dân, cai trị dân như nhà nước của chế độ thực dân, phong kiến.

Theo Hồ Chí Minh, Nhà nước của dân là nhân dân thực hiện quyền dân chủ của mình, mà trước hết là *nhân dân bầu ra Nhà nước, bầu ra chính quyền các cấp*. Năm

1946, với một Quốc hội được thành lập qua Tổng tuyển cử, một nhà nước hợp pháp ra đời, có tư cách của nó, vị trí của nó trên trường quốc tế, còn ở trong nước nó hoạt động có danh nghĩa, có hiệu lực và hiệu quả hơn một Chính phủ lâm thời. Vì thế, một ngày sau khi đọc *Tuyên ngôn độc lập* (2-9-1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã họp Chính phủ (3-9-1945) nêu rõ những nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, gồm 6 điểm, trong đó có việc “đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc Tổng Tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu” ⁽¹⁾. Có như thế nhân dân mới thực hiện được ý chí, nguyện vọng của mình.

Chính sách bầu cử, ứng cử là vấn đề cốt tử của tính hợp hiến trong việc hình thành bộ máy Nhà nước, tự do hay hạn chế, bình đẳng hay phân biệt, giả hay thật, áp đặt hay tự do lựa chọn, cũng là chuẩn mực của việc xem xét một bộ máy chính quyền thật sự của dân hay không. Về ý nghĩa Tổng tuyển cử, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Tổng tuyển cử là một dịp cho toàn thể quốc dân tự do lựa chọn những người có tài, có đức để gánh vác công việc nước nhà”.

Trong cuộc Tổng tuyển cử, hễ là những người muốn lo việc nước thì đều có quyền ra ứng cử; hễ là công dân thì đều có quyền đi bầu cử (...). Do Tổng tuyển cử mà toàn dân bầu ra Quốc hội, Quốc hội sẽ cử ra Chính phủ. Chính phủ đó thật là Chính phủ của toàn dân” ⁽²⁾. Ai muốn lo việc nước đều có quyền ra ứng cử là một suy nghĩ tuyệt vời về một Nhà nước của dân của Hồ Chí Minh. Trong ngày Tổng tuyển cử ngày 6-1-1946, toàn dân đã đi bầu cử, mọi người tự do ứng cử và lựa chọn. Mặt dầu thời điểm lúc đó đất nước còn ngổn ngang những khó khăn, quân đội Pháp tấn công các

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.4, tr. 8.

(2) *Sđd*, t.4, tr. 133.

tỉnh phía Nam; quân đội Tưởng Giới Thạch hoạt động ráo riết và chiếm được một số địa phương ở phía Bắc; giặc đói, giặc dốt hoành hành, Chủ tịch Hồ Chí Minh và các đồng chí của Người vẫn tiến hành một giải pháp tài tình mà chỉ trong tình hình bình thường mới có thể thực hiện được. Người đã để lại ý tưởng về một Quốc hội của toàn thể dân tộc Việt Nam, khi Người kêu gọi quốc dân đi bỏ phiếu ngày 5-1-1946: Dù ở trong Quốc hội hay ngoài Quốc hội ai cũng phải ra sức giúp nước, "... Người không trúng cử cũng không nên ngã lòng (...). Ở trong hay ngoài Quốc hội, mình cứ ra sức giúp ích cho nước nhà. Lần này không được cử, ta cứ làm cho quốc dân nhận rõ tài đức của ta, lần sau quốc dân cử ta" ⁽¹⁾.

Trong điều kiện vận nước hiểm nghèo, "ngàn cân treo sợi tóc", để đoàn kết dân tộc, Người đề nghị bổ sung 70 ghế đại biểu Quốc hội cho Việt Nam Quốc dân Đảng (Việt Quốc) và Việt Nam Cách mạng đồng minh hội (Việt Cách), nhằm cô lập, phân hóa các lực lượng chống đối, và lôi cuốn cả những người trong bộ máy nhà nước cũ vào tham gia xây dựng đất nước, đưa họ vào Quốc hội đầu tiên ở nước ta. Đó là một sáng kiến to lớn về một Nhà nước của khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam, một mẫu mực tuyệt vời về sách lược và quốc sách đại đoàn kết, thể hiện một tấm lòng rộng mở, lòng đại lượng, bao dung của cách mạng, mặc dầu những năm tháng đó Việt Nam Quốc dân Đảng và Việt Nam Cách mạng đồng minh hội vẫn chống đối quyết liệt chính quyền non trẻ của chúng ta trên một số tỉnh ở miền Bắc.

Quốc hội đã bầu ra một Chính phủ hợp hiến thay thế cho Chính phủ lâm thời, một Chính phủ đại diện cho tư tưởng đoàn kết toàn dân rộng rãi, phù hợp truyền thống

(1) *Sđd*, t.4. tr. 146.

dân tộc, tâm lý và dân trí, hoàn cảnh kinh tế và xã hội, có sức truyền cảm và thôi thúc nhân dân Việt Nam.

Được sự ủy nhiệm của Quốc hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trình bày trước Quốc hội về sự thành lập Chính phủ một ý tưởng thật mới mẻ: “Theo ý Quốc hội, Chính phủ mới phải tỏ rõ tinh thần đại đoàn kết, không phân biệt đảng phái. Sau khi Quốc hội ủy nhiệm cho tổ chức Chính phủ, tôi đã thăm dò ý kiến của nhiều bậc lão thành, đại biểu các đoàn thể cùng nhân sĩ các giới...

Kết quả là có những vị có tài năng nhận lời tham gia Chính phủ: như cụ Huỳnh, vì tuổi già sức yếu mà cố từ, nhưng vì tôi lấy đại nghĩa mà lưu Cụ, Cụ cũng gắng ở lại. Lại có nhiều vị đứng ngoài sẵn sàng ra sức giúp đỡ: như cụ Bùi Bằng Đoàn, linh mục Phạm Bá Trục... Dẫu ở trong hay ngoài Chính phủ, ai nấy đều hứa sẽ cố gắng làm việc, một lòng vì nước, vì dân...

... Tôi có thể tuyên bố trước Quốc hội rằng, Chính phủ này tỏ rõ cái tinh thần quốc dân liên hiệp, là một Chính phủ chú trọng thực tế và sẽ nỗ lực làm việc, để tranh thủ quyền độc lập và thống nhất lãnh thổ cùng xây dựng một nước Việt Nam mới.

Chính phủ này là Chính phủ toàn quốc, có đủ nhân tài Trung, Nam, Bắc tham gia” ⁽¹⁾.

Đọc những lời này càng thấy được tấm lòng nhân ái, tầm nhìn rộng mở của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Người sáng lập đầu tiên chế độ Nhà nước của chúng ta. Trải qua hơn 50 năm, từ Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đến Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam việc bầu cử cơ quan quyền lực Nhà nước các cấp đã trở thành định chế, nguyên tắc xây dựng Nhà nước ta.

(1) *Sđđ*, t.4, tr. 189 - 195

Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của dân không chỉ do dân tín nhiệm bầu ra, mà còn là *dân phải kiểm soát Nhà nước*. Người đã từng nhắc nhở: Chính phủ ta là Chính phủ của nhân dân, chỉ có mục đích là ra sức phụng sự lợi ích của nhân dân. Chính phủ rất mong đồng bào giúp đỡ, đôn đốc, kiểm soát và phê bình để làm tròn nhiệm vụ của mình là người đầy tớ trung thành tận tụy của nhân dân ta⁽¹⁾. Thật là quan niệm mới mẻ và tấm lòng vì dân, vì nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Muốn để dân kiểm tra kiểm soát, Nhà nước phải có cách tổ chức thuận tiện, tránh cửa quyền, hách dịch, thực hiện quyền khiếu tố của nhân dân. Sinh thời, Hồ Chí Minh thường xuyên căn dặn: “Nạn lãng phí, tham ô là do bệnh quan liêu, mệnh lệnh trong công tác của các cấp lãnh đạo ở các cơ quan Nhà nước gây ra... Vì vậy, các cơ quan thanh tra Nhà nước chẳng những kiểm tra chống lãng phí, tham ô mà còn phải chống bệnh quan liêu, mệnh lệnh để giúp các cơ quan Nhà nước cải tiến công tác, giữ gìn kỷ luật, thực hành dân chủ, góp phần củng cố bộ máy Nhà nước... Đồng bào có oan ức, thắc mắc mới khiếu nại. Ta giải quyết tốt các việc khiếu nại, đồng bào thấy Đảng và Chính phủ quan tâm lo lắng đến họ, do đó mối quan hệ giữa quần chúng nhân dân với Đảng và Chính phủ được củng cố tốt hơn”⁽²⁾.

Nhân dân không chỉ bầu ra mà có quyền kiểm soát, giám sát các đại biểu, *có quyền bãi miễn họ*. Ngay sau khi chính quyền nhân dân vừa được thành lập năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kêu gọi nhân dân hãy tham gia giám sát công việc của Chính phủ. Người viết: “Từ ngày thành lập Chính phủ, trong nhân viên còn có nhiều khuyết điểm.

(1) Hồ Chí Minh: *Nhà nước và pháp luật*, Nxb. Pháp lý, Hà Nội, 1985, tr. 221.

(2) *Sdd*, tr. 228.

Có người làm quan cách mạng chợ đen, chợ đỏ mưu vinh thân phì gia... Xin đồng bào hãy phê bình, giám sát công việc của Chính phủ”, đề xuất để Chính phủ xử lý.

Tại kỳ họp thứ 2 của Quốc hội khóa I tháng 11-1946, có đại biểu Quốc hội đã chất vấn Chính phủ về vụ Chu Bá Phượng, lúc đó là Bộ trưởng Bộ Kinh tế trong Chính phủ liên hiệp kháng chiến, là đại biểu của Việt Nam Quốc dân Đảng được bổ sung làm thành viên tham gia phái đoàn Chính phủ ta dự Hội nghị Phôngtenoblô. Trong chuyến đi đó, ông ta mang theo vàng để buôn lậu, bị các nhà chức trách Pháp bắt được, báo chí Pháp lợi dụng rêu rao để làm mất ảnh hưởng của đoàn đại biểu Chính phủ ta. Đây là vụ “xi căng đan” đầu tiên ở một nhân vật cấp bộ trưởng được công khai đưa ra trước Quốc hội nước ta.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt Chính phủ trả lời thẳng thắn: “Chính phủ hiện thời đã cố gắng liêm khiết lắm. Nhưng trong Chính phủ từ Hồ Chí Minh đến những người làm việc ở các Ủy ban là động lắm, phức tạp lắm. Dù sao, Chính phủ đã hết sức làm gương, và nếu làm gương không xong thì sẽ dùng pháp luật mà trị những kẻ hối lộ. Đã trị, đang trị và sẽ trị cho kỳ hết!”. Hồ Chí Minh đã ân cần căn dặn: Để Nhà nước thật sự là của dân, xứng đáng là người đại biểu của dân thì Nhà nước phải thường xuyên thực hiện phê bình, lấy ý kiến dân tín nhiệm hay không tín nhiệm, khen chê rõ ràng. Song chúng ta cần thành thật nhận rằng nhiều năm qua chúng ta thực hiện chưa tốt việc bãi miễn đại biểu, lấy ý kiến thường xuyên của các cử tri. Người còn chỉ rõ: “Nếu Chính phủ làm hại dân, thì dân có quyền đuổi Chính phủ” (1947), “nhưng khi dân dùng đày tớ làm việc cho mình, thì phải giúp đỡ Chính phủ. Nếu Chính phủ sai thì phải phê bình, phê bình nhưng không phải là chửi” ⁽¹⁾.

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.5, tr. 60.

Hiện nay, chúng ta thông qua công luận (báo chí), tiếp dân để thực hiện quyền kiểm soát, giám sát của dân đối với Nhà nước theo đúng tư tưởng Hồ Chí Minh: “Nhân dân có quyền bãi miễn đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, nếu những đại biểu ấy tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân. Nguyên tắc ấy bảo đảm quyền kiểm soát của nhân dân đối với đại biểu của mình” ⁽¹⁾. Trong *Hiến pháp năm 1980* và *Hiến pháp năm 1992*, nội dung Điều 8 thể hiện tinh thần trên của Chủ tịch Hồ Chí Minh, rằng: “Các cơ quan Nhà nước, cán bộ, viên chức Nhà nước phải tôn trọng nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của nhân dân; kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền, tham nhũng”.

3. Nhà nước do dân là Nhà nước tin dân, mọi lực lượng đều ở nơi dân, nhân dân sử dụng mọi quyền lực trong việc thiết lập, xây dựng và hoạt động của Nhà nước

Nhận thức rõ vai trò to lớn của quần chúng nhân dân không những trong sự nghiệp giải phóng dân tộc mà còn trong công cuộc bảo vệ và xây dựng xã hội mới. Hồ Chí Minh chủ trương xây dựng Nhà nước *do dân*, nghĩa là *dân không chỉ lập ra nhà nước mà còn phải tham gia công việc quản lý nhà nước*. Người nói: “Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ...” ⁽²⁾, “Chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương *do dân cử ra*. Đoàn thể từ Trung ương đến xã, *do dân tổ chức nên*” ⁽³⁾. Trong *Báo cáo về dự thảo Hiến pháp sửa đổi tại Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa I*, kỳ họp thứ 11 ngày 18-12-1959, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Quốc hội là cơ quan quyền

(1) *Sdd*, tr. 591.

(2) Hồ Chí Minh: *Về đạo đức*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, tr. 95.

(3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.5, tr. 698.

lực cao nhất của Nhà nước. Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước địa phương... Chúng ta đều biết ngay từ năm 1946, Quốc hội được gọi là Nghị viện nhân dân đã được xác định là “cơ quan cao nhất của đất nước” (Hiến pháp năm 1946).

Nhà nước do dân là nhân dân sử dụng quyền lực của mình thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp do nhân dân bầu và chịu trách nhiệm trước nhân dân. Nhân dân phải sử dụng cơ quan quyền lực - người đại diện của mình để thực hành chức năng quản lý Nhà nước. Quốc hội bầu ra Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Hội đồng Chính phủ. Hội đồng Chính phủ là cơ quan hành chính cao nhất của Nhà nước, là cơ quan chấp hành luật và nghị quyết của Quốc hội, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội. Trong thời gian Quốc hội không họp, thì Hội đồng Chính phủ chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập pháp. Những vấn đề quan trọng nhất của Nhà nước trong phạm vi toàn quốc đều do Quốc hội quyết định.

Nhà nước do dân, tức là nhân dân phải tham gia vào công việc của Nhà nước. Tuy ở vị trí cao nhất, Quốc hội vẫn không phải là một cơ quan tập trung tất cả quyền lực. Trong hoạt động của Quốc hội, theo nguyên tắc của Hiến pháp thì những việc quan hệ đến vận mệnh quốc gia sẽ đưa ra nhân dân phúc quyết, nếu 2/3 tổng số đại biểu của Nghị viện đồng ý (Điều 32, Hiến pháp 1946). Chế độ trưng cầu dân ý tuy được thực hiện khá phổ biến ở các nước, nhưng áp dụng vào nước ta trong giai đoạn đó là một tiến bộ vượt bậc về tư tưởng, đặt nền tảng nhân dân trong tổ chức hoạt động của Nhà nước. Về điểm này, Hồ Chí Minh rất quan tâm đến việc để dân thảo luận, phát huy sáng kiến và tìm cách giải quyết mọi vấn đề⁽¹⁾.

(1) Xem thêm: Sdd, t.5, tr. 297.

Hội đồng nhân dân được xem như một cơ quan “tự quản” của nhân dân, do nhân dân địa phương bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương. Hội đồng nhân dân có quyền quyết định những vấn đề có tính địa phương đã được ghi nhận trong Hiến Pháp và nhiều sắc lệnh. Để đảm bảo cho Hội đồng nhân dân thực hiện đầy đủ thẩm quyền, các nghị quyết của Hội đồng nhân dân phải gửi lên cơ quan hành chính cấp trên, trong một thời hạn nhất định nếu không có sự bác bỏ hoặc yêu cầu bổ sung thì Hội đồng nhân dân sẽ đương nhiên thực hiện nghị quyết đó.

Nhà nước do dân tức là mọi công việc xây dựng đất nước là trách nhiệm của dân. Do đó, phải phát huy vai trò của Mặt trận, các đoàn thể trong công tác quản lý nhà nước và xã hội. Nhà nước muốn điều hành, quản lý xã hội có hiệu lực, hiệu quả nhất định phải dựa vào *lực lượng của dân*, dựa vào sáng kiến và trí tuệ của dân. Nhà nước do dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh là *dân tự làm, tự lo* thông qua các mối quan hệ trong xã hội, qua các đoàn thể, chứ không phải Nhà nước bao cấp, lo thay cho dân. Chức năng của Nhà nước là quản lý, điều hành xã hội ở cấp vĩ mô, “Chính phủ chỉ giúp kế hoạch, cổ động” ⁽¹⁾, chứ không làm thay dân, làm cho dân thụ động, dân ỷ lại, chờ đợi.

Chính vì vậy, nhà nước do dân là *nhà nước tin dân*. Nhà nước tin dân, dân tin Nhà nước thì việc gì cũng làm được, “khó vạn lần dân liệu cũng xong”.

Tư tưởng một Nhà nước do dân nêu trên của Hồ Chí Minh đúng với sự nghiệp đổi mới đất nước ta hiện nay. Khi chuyển sang kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, dân phải chủ động, tự lo liệu, tự tính toán để

(1) Sdd, t.5, tr. 65.

phát triển trong khuôn khổ của pháp luật. Việc thực hiện *Quy chế dân chủ ở cơ sở* gần đây đã thể hiện tinh thần đó.

4. Nhà nước vì dân là Nhà nước tất cả để phục vụ nhân dân, có trách nhiệm đối với nhân dân, kính trọng nhân dân

Tư tưởng Hồ Chí Minh về một Nhà nước vì dân là phải phục vụ cuộc sống hàng ngày của dân, không được có đặc quyền đặc lợi. Đây là *tư tưởng mới mẻ, nhất quán, nổi bật* trong cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh được thể hiện rõ từ những năm tháng bôn ba ở nước ngoài tìm đường cứu nước đến khi trở thành người đứng đầu Đảng và Nhà nước ta.

Nhà nước vì dân là hệ quả tất yếu của Nhà nước của dân, do dân. Nhà nước vì dân tức là cơ quan nhà nước và cán bộ nhà nước *phải lấy việc phục vụ dân làm mục đích*. Nhận chức nguyên thủ quốc gia kiêm Chủ tịch Chính phủ do Quốc hội tín nhiệm, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trả lời các nhà báo: "... Tôi tuyệt nhiên không muốn công danh phú quý chút nào. Bây giờ phải gánh vác chức Chủ tịch là vì đồng bào ủy thác thì tôi phải gắng làm, cũng như một người lính vâng lệnh quốc dân ra trước mặt trận..."⁽¹⁾. Câu trả lời này có ý nghĩa thời sự rất sâu sắc. Và trong thực tế không phải nguyên thủ quốc gia nào cũng làm được điều đó.

Sự đam mê quyền lực thường dẫn đến tình trạng thiếu tỉnh táo, đề cao vai trò cá nhân, bè phái, đưa tới sự biến dạng của Nhà nước, bộ máy nhà nước không làm tròn sự ủy thác của nhân dân. Bản chất Nhà nước kiểu mới không cho phép như vậy. Nói chuyện cùng đồng bào trước khi sang Pháp tiến hành đàm phán với Chính phủ Pháp về nền độc lập của Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã bày tỏ: "Cả đời tôi chỉ có một mục đích là phấn đấu cho quyền lợi của Tổ quốc và hạnh phúc của nhân dân."

(1) *Sđd*, t.4. tr. 161.

Khi tôi ẩn nấp nơi núi non, ra vào chốn tù tội, xông pha hiểm nghèo là vì mục đích đó.

Đến lúc nhờ quốc dân đoàn kết, tranh được chính quyền, ủy thác tôi gánh vác việc Chính phủ, tôi lo lắng ngày đêm, nhần nhục cố gắng là vì mục đích đó” ⁽¹⁾. Và nhiều thể hệ cán bộ, Đảng viên đã theo gương Người, thể hiện sinh động bản chất của Nhà nước kiểu mới.

Không chỉ trong những lời kêu gọi, những bức thư *Gửi các đồng chí Bắc bộ* (1947), những bài viết *Thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, quan liêu* (1952), những cuốn như *Sửa đổi lề lối làm việc* đều thể hiện rõ phong cách, lối sống của Hồ Chí Minh, mà trong suốt cuộc đời hoạt động, Người đã vì độc lập tự do của dân tộc, vì hạnh phúc của đồng bào.

Theo Hồ Chí Minh, Nhà nước vì dân là nhà nước *làm lợi cho dân*. Chỉ sau hơn một tháng thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trong thư *Gửi Ủy ban Nhân dân các kỳ, các tỉnh, huyện và làng* ngày 17-10-1945, Người nhắc nhở: “Chúng ta phải hiểu rằng các cơ quan Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp - Nhật.

Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm.

Việc gì hại cho dân, ta phải hết sức tránh”.

Nhà nước vì dân không chỉ làm lợi cho dân, mà còn phải *yêu dân, kính dân*. “Chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta” ⁽²⁾. Đó là một quan điểm thật mới mẻ. Nhà nước như vậy chưa từng có trong lịch sử nhân

(1) *Sdd*, t.4, tr. 240.

(2) *Sdd*, t.4, tr. 56-57.

loại. Quan liêu, hách dịch, khinh dân là ngược với bản chất Nhà nước đó.

Sau khi cách mạng thành công, Lênin nhiều lần phê phán bộ máy nhà nước mang danh hiệu xã hội chủ nghĩa, nhưng quan liêu, công kênh, chống chéo, giả tạo, tham nhũng. Trong tác phẩm *Thà ít mà tốt*, viết năm 1923, Người than phiền “Tình hình bộ máy Nhà nước của chúng ta là đáng buồn; và cũng có thể xem nên khắc phục những khuyết điểm đó bằng cách nào” ⁽¹⁾. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng sớm nhìn ra một chính quyền cách mạng non trẻ với những nhược điểm nảy sinh từ lạc hậu của xã hội để lại, và đề ra các biện pháp phòng ngừa, sửa chữa bằng biện pháp tổ chức và cả biện pháp giáo dục để chấn chỉnh bộ máy chính quyền.

Theo Hồ Chí Minh, Nhà nước vì dân là Nhà nước mà mọi chủ trương, chính sách, mọi quy định của pháp luật từ Trung ương đến địa phương đều phải *xuất phát từ lợi ích của dân*: cả lợi ích trước mắt và lâu dài, cả lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội trong sự kết hợp hài hòa. Do đó, Nhà nước vì dân là Nhà nước biết *bảo vệ nhân dân, chống lại những tệ nạn vi phạm quyền dân chủ và lợi ích của nhân dân*.

Mọi cán bộ Nhà nước đều vì dân, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, phải thật sự gương mẫu, thật sự trong sạch, phải “lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”, thực hiện cần, kiệm, liêm, chính. Hồ Chí Minh khẳng định cần, kiệm, liêm, chính là tiêu chuẩn đạo đức của một cán bộ cách mạng, một công chức Nhà nước. Không phải ngẫu nhiên Người nêu vấn đề cần, kiệm, liêm, chính ngay sau khi tuyên bố sự ra đời của nước Việt Nam mới. Người đã nhìn thấy trước một loạt vấn đề phức tạp của một nước nông nghiệp lạc hậu, sản xuất manh mún đi lên chủ nghĩa xã hội. Hoàn cảnh đó

(1) V.I. Lênin: *Tuyển tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, tiếng Việt, tr. 817.

dễ nảy sinh nhiều tệ nạn, cửa quyền, tham ô, lãng phí, quan liêu. Để phòng ngừa những tệ nạn đó, Người nêu vấn đề cần, kiệm, liêm, chính và yêu cầu mọi cán bộ, nhân viên nhà nước phải thực hiện, phải hướng vào nhân dân mà phục vụ. Đó là biểu hiện trình độ văn minh, thước đo ý thức dân tộc của con người Việt Nam trong thời đại mới, biểu hiện phẩm chất và tình cảm cao quý của người cán bộ chính quyền của nước Việt Nam mới.

Sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu rõ nhiệm vụ của Nhà nước vì dân. Trước hết, Nhà nước *phải hướng vào nhân dân*, làm cho dân có ăn (chống nạn đói), có học (chống nạn dốt), có tự do dân chủ (tổ chức Tổng tuyển cử), nhưng không vượt quá trình độ của dân, làm cho “dân không hiểu”, không thích. Khi cuộc kháng chiến chống Pháp kết thúc, trong những điều kiện hết sức khó khăn do chiến tranh trở lại, Hồ Chí Minh vẫn xác định mục tiêu phấn đấu cụ thể, rất cơ bản của Nhà nước vì dân, Nhà nước là *phải lo cho dân, bồi dưỡng sức dân*:

- “1. Làm cho dân có ăn;
2. Làm cho dân có mặc
3. Làm cho dân có chỗ ở;
4. Làm cho dân có học hành” ⁽¹⁾;

Nhà nước vì dân là Nhà nước *phải có trách nhiệm và phải chịu trách nhiệm trước dân*. Đối với Đảng và Chính phủ, Hồ Chí Minh không chỉ yêu cầu các quyền được đề ra trong *Hiến pháp* mà cao hơn nữa. Người nói: “Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân dốt là Đảng và Chính phủ có lỗi” ⁽²⁾. Quan niệm như vậy thật sâu sắc biết bao! Người còn nêu

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.4, tr. 152.

(2) Sđd. t.7, tr. 572.

rõ lý do: “Chúng ta đã hy sinh phần đầu để giành độc lập. Chúng ta đã tranh được rồi (...). Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ” ⁽¹⁾.

Nhà nước ta vì nhân dân, là Nhà nước sống trong lòng dân, công bằng với nhân dân, *hoạt động vì lợi ích của nhân dân, đặt lợi ích của nhân dân lên trên hết*. Đó là từ quan điểm vì con người, từ chủ nghĩa nhân văn cao cả trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Con người đó là nhân dân lao động nói chung, bao gồm công nhân, nông dân, trí thức và những người lao động khác.

Vì dân, vì con người là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Con người là mục tiêu, *(là động lực của cách mạng*. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh đã chỉ đạo, tổ chức Nhà nước vì con người, vì nhân dân ngay từ khi mới giành được độc lập. Trong thực tế, Hồ Chí Minh đã cùng Đảng ta bước đầu xây dựng được một Nhà nước theo tinh thần thật sự của dân, do dân, vì dân và kính dân.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã nhấn mạnh: “Tiếp tục kiện toàn bộ máy nhà nước, đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường quản lý nhà nước”⁽²⁾ mà trọng tâm là cải cách hành chính, trong đó cải cách các thủ tục hành chính nhằm *giảm bớt những thủ tục phiền hà cho dân*. Điều đó thể hiện tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước vì dân, vì quyền lợi của dân. Việc Nhà nước ta tham gia ký các công ước quốc tế vì quyền con người, vì quyền trẻ em, vì quyền phụ nữ, vì những người cao tuổi... là biểu hiện cụ thể việc vận dụng tư tưởng Nhà nước vì dân của Người.

(1) *Sđd*, t.4, tr. 152.

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 133.

Tư tưởng Nhà nước “thân dân”, Nhà nước “lấy dân làm gốc”... đã sớm xuất hiện ở những nhà chính trị kiệt xuất trong lịch sử Việt Nam. Nhưng đến Hồ Chí Minh, tư tưởng Nhà nước dân chủ, Nhà nước của dân, do dân, vì dân mới được thể hiện và phát triển sâu sắc, phong phú về nội dung, chất lượng, trở thành một quan điểm cách mạng, khoa học, nhân đạo về bản chất Nhà nước của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mấy chục năm qua và đang là phương hướng của Đảng ta trong xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay.

Cách mạng Việt Nam phát triển theo quy luật cách mạng không ngừng từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa. Cùng với sự phát triển của mỗi giai đoạn cách mạng, chức năng, nhiệm vụ, tổ chức cụ thể của Nhà nước cũng có sự biến đổi, phát triển để làm tròn chức năng, nhiệm vụ của giai đoạn cách mạng mới, để vì dân nhiều hơn, xã hội tiến bộ hơn.

III. PHÁP LUẬT VỚI VIỆC XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN MẠNH MẼ, SÁNG SUỐT

I. Thiết lập và xây dựng Nhà nước dân chủ cộng hòa, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ

Trong lịch sử, nhà nước phong kiến ở nước ta là nhà nước quân chủ chuyên chế, trung ương tập quyền. Mặc dù ở các làng xã vẫn duy trì chế độ dân chủ tự quản, nhưng xu hướng chung của nhà nước phong kiến là nhà nước quân chủ chuyên chế. Khi thực dân Pháp đặt ách thống trị của chúng lên đất nước ta thì chế độ nhà nước là chế độ nhà nước thực dân. Đó là một chế độ mà bọn thực dân rêu rao dân chủ, văn minh, nhưng thực chất không có dân chủ, mà là chế độ kìm kẹp, đàn áp và bóc lột nhân dân.

Hồ Chí Minh bôn ba khắp các châu lục tìm đường cứu nước, tham khảo kinh nghiệm thiết lập chính thể nhà nước dân chủ tư sản và dân chủ Xôviết, đã đi đến lựa chọn thể chế nhà nước vừa phù hợp với đặc điểm và yêu cầu giải phóng, phát triển của xã hội Việt Nam, vừa phù hợp với xu thế tiến bộ của thời đại. Nhà nước mà Hồ Chí Minh lựa chọn là “*Dân chủ Cộng hòa*”, Nhà nước dân chủ nhân dân, mà lúc đầu là dưới hình thức Chính phủ công - nông - binh. Đó là Nhà nước dựa trên nền tảng dân chủ, thực thi dân chủ, mở rộng dân chủ, với nguyên tắc tất cả quyền lực Nhà nước do nhân dân bầu ra bằng phổ thông đầu phiếu và thuộc về nhân dân, Nhà nước của dân, do dân và vì dân, do nhân dân làm chủ. Do đó, Nhà nước này phải xây dựng nhiều hình thức, nhiều thiết chế, nhiều biện pháp để pháp huy và thực hiện dân chủ kể cả dân chủ trong truyền thống dân tộc và dân chủ mới xây dựng.

Nhưng dân chủ và công khai không tách rời nhau. Thể chế cộng hòa là thể chế công khai. Công khai công việc của Nhà nước để nhân dân cùng bàn, cùng tham gia quản lý và giám sát hoạt động của Nhà nước. Không công khai khó thực hiện dân chủ, mà không có pháp luật thì cũng không có công khai. Thực hiện khẩu hiệu “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” là thực hiện theo yêu cầu đó đối với bộ máy nhà nước hiện nay - một sự thấm nhuần và quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ.

Thực hiện dân chủ và công khai không chỉ có lợi cho dân, mà còn có lợi cho bản thân Nhà nước với tư cách là Nhà nước thân dân, của dân, do dân, tin dân và vì dân, một Nhà nước thực sự trong sạch, lành mạnh và phát triển. Dân chủ, công khai là lưỡi kiếm thần để khử trừ bệnh quan liêu, tệ tham nhũng mà thường gắn liền với mặt trái của Nhà nước.

Nhà nước Dân chủ Cộng hòa ở nước ta do Hồ Chí Minh sáng lập và đứng đầu là Nhà nước dân chủ nhân dân, nó khác với chế độ quân chủ tập quyền chuyên chế phong kiến. Bởi lẽ, từ đặc điểm hình thành đất nước và dân tộc, Hồ Chí Minh lựa chọn và đấu tranh để xây dựng một kiểu Nhà nước dân chủ, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ từ Trung ương đến cơ sở. Để phát huy được sự nhịp nhàng và sức mạnh của hệ thống nhà nước ấy, Người yêu cầu phải có sự phân công trách nhiệm giữa các cấp chính quyền, để vừa phát huy cao độ quyền chủ động của chính quyền địa phương và cơ sở, vừa phát huy sự lãnh đạo tập trung thống nhất cao độ của Nhà nước Trung ương. Đồng thời, ngay từ đầu theo *Hiến pháp năm 1946*, đó là một Nhà nước có sự phân công giữa quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp; một mô hình Nhà nước không theo chế độ tổng thống, cũng không theo chế độ đại nghị tư sản, nhưng lại vừa có yếu tố của chế độ tổng thống, vừa có chế độ đại nghị ⁽¹⁾.

Những điều đó là cơ sở để hình thành *Nhà nước pháp quyền, đề cao pháp luật, đề cao xã hội công dân, xã hội dân chủ, đề cao trách nhiệm, đề cao nhân quyền*. Đó cũng là một Nhà nước yêu cầu sự phân công, phân cấp hợp lý giữa các cấp, các cơ quan Nhà nước, tôn trọng tính độc lập tương đối của các cấp, các cơ quan ấy, đồng thời yêu cầu sự phối hợp nhịp nhàng, sự tập trung thống nhất để tạo ra sức mạnh duy nhất của Nhà nước từ trong lòng cộng đồng dân tộc và nhân dân theo *Hiến pháp và pháp luật*.

2. Vai trò “thần linh pháp quyền” của pháp luật trong điều hành, quản lý xã hội

(1) Lê Phương Thảo, Đoàn Minh Huấn: *Hồ Chí Minh với việc xây dựng một nền hành chính vững mạnh có hiệu lực* (qua *Hiến pháp 1946*), Tạp chí Lịch sử Đảng số 1-1991, tr. 38.

Từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã nhận thức được vai trò của pháp luật trong điều hành và quản lý xã hội của Nhà nước. Thực chất của pháp luật là ý chí của giai cấp cầm quyền. Ngay từ năm 1919, trong bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* gồm 8 điều của Nguyễn Ái Quốc gửi những người đứng đầu các nước thắng trận, họp Hội nghị Vécxây, thì đã có 4 điều liên quan đến vấn đề pháp quyền như:

Điều 1: Tổng ân xá tất cả những người bản xứ bị ở tù chính trị phạm;

Điều 2: Cải cách nền pháp lý ở Đông Dương bằng cách cho người bản xứ cũng được quyền hưởng những đảm bảo về mặt pháp luật như người Âu châu; xóa bỏ hoàn toàn các tòa án đặc biệt dùng làm công cụ khủng bố và áp bức bộ phận trung thực nhất trong nhân dân An Nam.

Điều 7: Thay chế độ ra sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật.

Điều 8: Đoàn đại biểu thường trực của người bản xứ, do người bản xứ bầu ra tại Nghị viện Pháp để giúp Nghị viện biết được những nguyện vọng của người bản xứ ⁽¹⁾.

Để dễ phổ biến và tuyên truyền rộng rãi trong người Việt Nam, Người đã chuyển bản *Yêu sách* thành "*Việt Nam yêu cầu ca*", trong đó có câu:

"Bảy xin Hiến pháp ban hành,

Trăm điều phải có thần linh pháp quyền" ⁽²⁾.

"Thần linh pháp quyền" gợi ta liên tưởng đến tác phẩm nổi tiếng "*Tinh thần pháp luật*" của Môngtexkiơ. Thần linh pháp quyền vừa nói lên tinh thần, tư tưởng pháp quyền

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.1, tr. 436 - 438.

(2) *Sđđ*, t.1, tr. 438.

xuyên suốt tổ chức và hoạt động của một Nhà nước độc lập, tự do, dân chủ, vừa nói lên vị trí của pháp luật chi phối mọi tổ chức và hoạt động của Nhà nước như một vị “thần linh” trong tôn giáo mà tất cả phải tuân thủ. Theo Hồ Chí Minh, đó là chế độ “pháp trị”.

Những điều nêu trong *Yêu sách* đã chứng minh là Người đã chú ý rất sớm đến pháp luật, đến công lý, đến quyền con người. Và tư tưởng: “Trăm điều phải có thần linh pháp quyền” là một tư tưởng rất đặc sắc của Hồ Chí Minh, chứng tỏ Người đã thấy tầm quan trọng tối thượng của một Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, nhưng phải là pháp luật của dân chủ.

Hồ Chí Minh xem pháp luật như một phương tiện để xây dựng và củng cố Nhà nước. Nhà nước cần pháp luật để điều hành xã hội. Pháp luật đúng đắn sẽ tạo nên sự ổn định của Nhà nước, làm cho bộ máy Nhà nước vận hành đúng quỹ đạo, người dân dễ thực hiện quyền dân chủ của mình. Ý nghĩa sâu xa của tư tưởng này chính là nội dung, tính chất của dân chủ pháp luật.

Hồ Chí Minh phát hiện ra bản chất của pháp luật và nêu bật ranh giới giữa pháp luật của nhà nước ta với pháp luật của nhà nước tư sản. Người viết: “Luật pháp là vũ khí của một giai cấp thống trị dùng để trừng trị giai cấp chống lại mình; luật pháp cũ là ý chí của thực dân Pháp, không phải là ý chí chung của toàn thể nhân dân ta. Luật pháp cũ đặt ra để giữ gìn trật tự thật, nhưng trật tự ấy chỉ có lợi cho thực dân phong kiến, không phải có lợi cho toàn thể nhân dân đâu. Luật pháp đặt ra trước hết là để trừng trị, áp bức. Phong kiến đặt ra luật pháp là để trị nông dân. Tư bản đặt ra luật pháp để trị công nhân và nông dân lao động”⁽¹⁾.

(1) Hồ Chí Minh: *Nhà nước và pháp luật*, Nxb. Pháp lý, Hà Nội, 1985, tr. 185.

Tư tưởng trên đây của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi nói về pháp luật tư sản hoàn toàn phù hợp với những luận điểm của C. Mác, Ph. Ăngghen khi phê phán về pháp luật và pháp quyền tư sản. C. Mác, Ph. Ăngghen viết “Pháp quyền của các ông chỉ là ý chí của giai cấp các ông được đề lên thành luật pháp, cái ý chí mà nội dung là do những điều kiện sinh hoạt vật chất của giai cấp các ông quyết định”⁽¹⁾. Còn luật pháp của Nhà nước ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định nó là ý chí của giai cấp công nhân và của dân tộc, nó bảo vệ quyền lợi cho hàng triệu người lao động. “Pháp luật của ta là pháp luật thật sự dân chủ vì nó bảo vệ quyền tự do dân chủ rộng rãi cho nhân dân lao động”⁽²⁾. Nó đấu tranh loại trừ áp bức bất công, thiết lập sự công bằng trên cơ sở một trật tự xã hội, nghĩ cho cùng thuộc về “lẽ ở đời”, “đạo làm người”.

Chính vì vậy mà Người nói rõ quan điểm của mình về cơ sở tư tưởng để định ra pháp luật là phải dựa hẳn vào lực lượng nhân dân, lực lượng lao động làm nền tảng để xây dựng Nhà nước, xây dựng xã hội. Vấn đề đó quy định bản chất và nội dung của pháp luật. Việc thiết lập trật tự của chế độ Dân chủ Cộng hòa; tổ chức quân đội cách mạng; thiết lập bộ máy kinh tế, trong đó tư liệu sản xuất chủ yếu thuộc quyền sở hữu của nhân dân với tinh thần độc lập, tự chủ... Nhà nước quản lý bằng pháp luật có tác dụng thúc đẩy mọi hoạt động của đất nước phát triển cùng chiều để đạt mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

(1) C. Mác, Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.4, tr. 619.

(2) Hồ Chí Minh: *Nhà nước và pháp luật*, Nxb. Pháp lý, Hà Nội, 1985, tr. 185 - 187.

3. Xây dựng Nhà nước hợp pháp, hợp hiến

Với tầm hiểu biết sâu sắc về Nhà nước, về pháp luật, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm xây dựng Nhà nước hợp pháp, hợp hiến và đặt nền móng cho một Nhà nước pháp quyền Việt Nam. Thực chất đó là một Nhà nước được nhân dân thừa nhận bằng luật pháp, thực thi bằng pháp luật thực sự dân chủ.

Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, khi Nhật làm cuộc đảo chính đối với Pháp vào ngày 9-3-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thường vụ Trung ương Đảng ta đề ra chủ trương “Thành lập chính quyền cách mạng” ở các căn cứ thuộc địa, các khu giải phóng ⁽¹⁾. Kinh nghiệm này cũng được vận dụng trong đường lối và thực tiễn của cách mạng ở miền Nam, thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Đầu tháng 8-1945, mặc dầu tình thế rất khẩn trương, việc liên lạc với các địa phương trong cả nước rất khó khăn, Người vẫn kiên quyết triệu tập Đại hội quốc dân Tân trào, cử ra “Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam”. Lần đầu tiên một tổ chức có tính chất “tiền Chính phủ” được đại biểu của nhân dân bầu ra bảo đảm tính hợp pháp để lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành độc lập. Người vạch rõ: “Ủy ban Dân tộc giải phóng cũng như Chính phủ lâm thời của ta lúc này hãy đoàn kết chung quanh nó, làm cho chính sách và mệnh lệnh của nó được thi hành khắp nước” ⁽²⁾.

Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, Người nêu vấn đề phải có một bản *Tuyên ngôn độc lập* để tuyên bố với quốc dân đồng bào và thế giới về sự “khai sinh” của nước Việt Nam mới, trước khi quân Đồng minh vào tước

(1) *Văn kiện Đảng 1940 - 1945*, Ban Nghiên cứu Lịch sử Trung ương xuất bản, Hà Nội, 1977, t.3, tr. 290 - 291.

(2) *Sđd*, tr. 405.

khí giới của quân Nhật. Bản *Tuyên ngôn độc lập* do Hồ Chí Minh soạn thảo và đọc tại Quảng Trường Ba Đình ngày 2-9-1945 tuyên bố sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, là một văn kiện chính trị mang tính pháp lý đặc biệt. Bản *Tuyên ngôn độc lập* khẳng định nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời là hợp pháp, là hợp lẽ phải; Chính phủ lâm thời do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu, mà cuộc cách mạng nhân dân lập nên là hợp pháp, hợp công lý. Bản *Tuyên ngôn độc lập* chứng minh sự sáng suốt, nhạy bén về pháp lý và tầm nhìn chiến lược của Người. Một Nhà nước dân chủ, hợp pháp phải là một Nhà nước thật sự đại diện cho dân, do toàn dân cử ra và quản lý xã hội bằng pháp luật, thể hiện ý chí thật sự của nhân dân.

Xuất phát từ tư tưởng đó, sau ngày công bố *Tuyên ngôn độc lập*, tại phiên họp đầu tiên của Chính phủ, Người đề xuất sáu nhiệm vụ cấp bách, trong đó có nhiệm vụ thứ ba là “Phải có một Hiến pháp dân chủ” và mặc dầu tình hình đất nước đang đứng trước muôn vàn khó khăn, Người vẫn đề nghị tổ chức càng sớm càng hay cuộc Tổng tuyển cử. Người viết: “Trước chúng ta đã có chế độ quân chủ chuyên chế cai trị, rồi đến chế độ thực dân không kém phần chuyên chế, nên nước ta không có hiến pháp, nhân dân ta không được hưởng quyền tự do dân chủ. Tôi đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu”.

Trong thể lệ Tổng tuyển cử, Người nêu: “Tất cả công dân trai gái 18 tuổi đều có quyền ứng cử và bầu cử, không phân biệt giàu, nghèo, tôn giáo, dòng giống...”. Lúc ấy có một số người tỏ vẻ băn khoăn là số đông công dân còn chưa biết chữ thì bầu cử như thế nào? Hồ Chí Minh đã thông, đại ý như sau: Dân ta thiết tha với độc lập, tự do, lại giàu thông

minh, để phân biệt được kẻ hay, người dở, vả lại “nó lú thì chú nó khôn” chứ! Còn việc bầu được đúng người mình chọn thì chẳng cần đến chữ nghĩa. Có khối cách bỏ phiếu. Rồi Người kể: ở nhiều vùng du kích bên Trung Quốc, người ta bầu phiếu bằng cách kín đáo bỏ hạt đậu vào lọ phiếu: đậu xanh, đậu đỏ, đậu vàng, đậu trắng, mỗi ứng cử viên là một màu, ta sẽ không cần cách ấy, mà có cách khác giúp đỡ người đi bầu chọn mặt gửi vàng, nếu họ không tự viết phiếu được. Thể lệ bầu cử do Hồ Chí Minh nêu ra thật sự là một thể lệ bầu cử dân chủ nhất lúc bấy giờ, không chỉ so với các nước Đông Nam Á, mà còn so với cả các nước phương Tây.

Mặc dầu đế quốc Pháp và các thế lực phản động ra sức phá hoại, nhưng cuộc Tổng tuyển cử ngày 6-1-1946 vẫn được nhân dân cả nước nhiệt liệt hưởng ứng, và đã có trên 90% cử tri đi bỏ phiếu. Ở một số nơi, cuộc bầu cử đã diễn ra trong tiếng súng, sự uy hiếp của kẻ thù và có đến hàng trăm cán bộ và nhân dân đã hy sinh trong khi làm nhiệm vụ bầu cử, nhưng kết quả vẫn tốt đẹp.

Cuộc tổng tuyển cử đầu tiên trong lịch sử dân tộc đã thành công (đã bầu ra 333 đại biểu Quốc hội). Trong phiên họp đầu tiên, Quốc hội đã nhất trí bầu Hồ Chí Minh làm Chủ tịch Chính phủ Liên hiệp kháng chiến.

Thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử chứng tỏ niềm tin sâu sắc của Đảng, của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào nhân dân và lòng tin mãnh liệt của nhân dân vào Chủ tịch Hồ Chí Minh và lực lượng cách mạng do Người đứng đầu; đồng thời, cũng chứng tỏ ý thức sâu sắc của Người về tầm quan trọng của một Chính phủ dân cử hợp pháp, và quyết tâm biến nó từng bước thành một chính quyền của nhân dân vững mạnh. Một nhà nước hợp pháp, hợp hiến có cơ sở tồn tại lâu dài, đủ khả năng đưa cuộc kháng chiến kiến quốc đến thắng lợi.

4. Nhà nước quản lý bằng Hiến pháp và pháp luật, kết hợp với giáo dục đạo đức, nâng cao giác ngộ cho nhân dân.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, một Nhà nước mạnh, trước hết là một Nhà nước thật sự đại biểu cho quyền lợi của nhân dân, thật sự do nhân dân lập ra, được nhân dân ủng hộ, vun đắp và chịu sự kiểm tra, kiểm sát của nhân dân. Đồng thời, phải là một Nhà nước tập trung, có bộ máy hành chính mạnh, được quản lý có hiệu lực, được điều hành bằng pháp luật và phải làm cho pháp luật có hiệu quả thực tế. *Dân chủ và tập trung, dân chủ và pháp luật phải luôn đi đôi, gắn bó, nương tựa vào nhau.* Mọi quyền dân chủ phải được thể chế hóa bằng Hiến pháp, pháp luật và mọi công dân đều phải tuân theo Hiến pháp, pháp luật. Pháp luật của ta là pháp luật thật sự dân chủ vì nó bảo vệ quyền tự do, dân chủ rộng rãi cho nhân dân lao động.

Theo Hồ Chí Minh, *một xã hội có trật tự kỷ cương, một Nhà nước mạnh, có hiệu lực phải quản lý bằng pháp luật.* Không quản lý Nhà nước bằng pháp luật sẽ dẫn đến sơ hở, cán bộ dễ sinh lạm dụng quyền lực, vi phạm quyền dân chủ của dân, cũng như công dân dễ có hành vi xâm phạm quyền tự do dân chủ của người khác, của cộng đồng và xã hội, dẫn đến hỗn loạn, vô chính phủ.

Chính vì vậy, khi chưa xây dựng được Hiến pháp và hình thành hệ thống pháp luật mới, Người đề nghị vận dụng những điều luật cũ còn tương đối phù hợp với tình hình mới, không làm phương hại đến nền độc lập của Việt Nam, không trái với chính thể Dân chủ Cộng hòa, nhất là những luật thuộc về thương mại và hình sự. Người không có ý định xóa bỏ tất cả những di sản luật của chế độ cũ, song cũng không có ý định thu lượm tất cả những di sản luật của chế độ cũ vào chế độ mới. Tư tưởng Hồ Chí Minh

bao giờ cũng là: “Cái gì cũ mà xấu, thì phải bỏ... Cái gì mà không xấu, nhưng phiền phức thì phải sửa đổi lại cho hợp lý... Cái gì cũ mà tốt, thì phải phát triển thêm... Cái gì mới mà hay, thì ta phải làm” ⁽¹⁾. Đó là tư tưởng của sự đổi mới và phát triển nói chung rất nhuần nhị trong tư tưởng và phương pháp luận Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến xây dựng hệ thống pháp luật dân chủ mà trước hết là Hiến pháp. Để soạn thảo Hiến pháp, ngày 20-9-1945, Chủ tịch lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký Sắc lệnh thành lập Ban dự thảo Hiến pháp gồm 7 người do Chủ tịch Hồ Chí Minh làm Trưởng ban. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Người, bản dự thảo Hiến pháp đã hoàn thành và kỳ họp thứ hai Quốc hội khóa I đã thảo luận dân chủ và thông qua bản Dự thảo Hiến pháp ấy vào tháng 10-1946. Đó là bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam: *Hiến pháp năm 1946*.

Về giá trị lịch sử của *Hiến pháp năm 1946*, trong phiên họp Quốc hội thông qua Hiến pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát biểu như sau: “Sau khi nước nhà mới tự do được 14 tháng đã làm thành một bản Hiến pháp đầu tiên trong lịch sử nước nhà. Bản Hiến pháp đó còn là một vết tích lịch sử Hiến pháp đầu tiên trong cõi Á Đông này nữa... Hiến pháp đã tuyên bố với thế giới biết dân tộc Việt Nam đã có mọi quyền tự do. Hiến pháp đó tuyên bố với thế giới: phụ nữ Việt Nam đã được đứng ngang hàng với đàn ông để được hưởng chung mọi quyền tự do của một công dân. Hiến pháp đó đã nêu một tinh thần đoàn kết chặt chẽ giữa các dân tộc Việt Nam và một tinh thần liêm khiết, công bình của các giai cấp”. Người còn nhấn mạnh rằng: Chính phủ cố gắng làm theo đúng ba chính sách: dân sinh, dân quyền và dân tộc ⁽²⁾.

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.5, tr. 94 - 95.

(2) Xem *Sdd*, t.4, tr. 440.

Trong lịch sử đất nước ta, đây là lần đầu tiên dân tộc ta có Hiến pháp và có ý thức về Hiến pháp. Luật Hiến pháp và khoa học pháp lý của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được hình thành từ đó, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Và trong dịp này, Quốc hội cũng đã thông qua Luật Lao động, khuyến khích sản xuất. Khi miền Bắc hoàn thành cơ bản nhiệm vụ chính trị của cách mạng dân tộc dân chủ chuyển sang giai đoạn mới, Người lại chủ trì soạn thảo *Hiến pháp sửa đổi năm 1959*.

Trong những năm với cương vị và trách nhiệm Người đứng đầu Nhà nước ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn chú ý chi tiết hóa Hiến pháp thành luật pháp theo từng giai đoạn chuyển biến của cách mạng và xã hội. Trong những năm kháng chiến chống Pháp, Người đã ban hành và ký nhiều sắc lệnh trên nhiều lĩnh vực chính trị, quân sự, hành chính, kinh tế, văn hóa, xã hội... làm cơ sở cho hoạt động quản lý nhà nước và quyền dân chủ của nhân dân. Tuy nhiên, do hoàn cảnh thời chiến, Quốc hội không thể nhóm họp thường kỳ được, trong một thời gian không ngắn Người đã phải điều hành quản lý đất nước bằng sắc lệnh. Để khắc phục khó khăn đó và để bảo đảm sắc lệnh phản ánh đúng yêu cầu quyền lợi của nhân dân, của cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh hết sức lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của cán bộ và nhân dân, đồng thời tôn trọng nguyên tắc một khi ra sắc lệnh phải thông qua Thường trực Quốc hội.

Từ năm 1955, lúc miền Bắc được giải phóng đến năm 1969, dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, luật pháp được ban hành theo đà tiến triển của đất nước về lĩnh vực chính trị, xã hội, kinh tế. Thay “chế độ ra sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật” ⁽¹⁾, càng chứng minh một cách thiết thực Nhà nước ta là một Nhà nước theo xu hướng pháp quyền.

(1) *Sđd*, t.1, tr. 436.

Trong quá trình xây dựng đất nước, Nhà nước dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, luôn luôn trung thành với nhân dân trên tinh thần bản *Tuyên ngôn độc lập*. Cách mạng Tháng Tám đã đập tan bộ máy chính quyền thực dân - phong kiến, xây dựng bộ máy chính quyền nhân dân và nền pháp luật mới trên cơ sở bản *Hiến pháp năm 1946*. Bằng Hiến pháp và luật pháp, Nhà nước thực hiện *chuyên chính với kẻ thù và dân chủ với nhân dân*.

Mặc dù phải đối phó với thù trong giặc ngoài, trải qua muôn trùng gian khó, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nhà nước xây dựng và bảo vệ nền độc lập dân tộc trên nền tảng pháp lý vững chắc.

Trong cuộc kháng chiến trường kỳ, xã hội đã có những bước tiến bộ. Việc tạm cấp đất cho nông dân nghèo, giảm tô, giảm tức, hoãn nợ, xóa nợ của địa chủ, cấm mọi thủ đoạn bóc lột trong vay mượn bằng luật cải cách ruộng đất, thực hiện khẩu hiệu “người cày có ruộng”, luật Lao động là một bước giải phóng sức lao động.

Đồng thời, với việc xóa bỏ nhiều nguyên tắc pháp lý của chế độ cũ từng trói buộc nhân dân Việt Nam, là xây dựng sắc luật mới mà sức sống vẫn còn đến nay. Điển hình là Sắc lệnh số 97, ngày 22-5-1950 xóa bỏ quyền dân sự tuyệt đối, quyết định quyền dân sự phải sử dụng đúng với quyền lợi của nhân dân, xóa bỏ quyền gia trưởng, quy định năng lực pháp lý hoàn toàn của người con thành niên, của người vợ; Sắc lệnh 150 ngày 17-11-1950 quy định việc nam, nữ bình quyền; Sắc lệnh 85 ngày 12-5-1950 đặt ra hệ thống Tòa án duy nhất với chế độ hội thẩm nhân dân ngang quyền với thẩm phán khi xét xử thay cho chế độ phụ thẩm nhân dân v.v...

Trên mặt trận văn hóa, giáo dục, pháp luật đặt ra chế độ cưỡng bách học quốc ngữ, lập bình dân học vụ và quy định những nguyên tắc cơ bản cho nền giáo dục mới.

Sau hiệp định Giơnevơ, nhiều đạo luật về tự do dân chủ được ban hành, quyền ứng cử và bầu cử vào Hội đồng nhân dân được mở rộng, chính quyền địa phương được củng cố. Luật Công đoàn xác nhận vai trò làm chủ của giai cấp công nhân. Phụ nữ được hoàn toàn giải phóng khỏi tàn tích phong kiến theo luật mới về hôn nhân và gia đình (ngày 13-1-1960). Như vậy, tuy trong chiến tranh, nhưng Nhà nước dân chủ nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã tạo điều kiện cho nhân dân lao động thực hiện bước đầu quyền làm chủ đất nước.

Pháp luật đã thúc đẩy và xác lập quyền làm chủ của nhân dân ngày càng cao. Đồng thời, thông qua pháp luật, bằng pháp luật đã tạo ra hoạt động quản lý nhà nước đi vào nền nếp.

Khi xây dựng các đạo luật, Hồ Chí Minh đều lấy điểm xuất phát từ ý nguyện và lợi ích của nhân dân. Người vẫn coi luật là ý chí chung của toàn dân, luật phải do nhân dân đóng góp ý kiến làm ra, mới đúng với cái nghĩa là "luật". Trong cuốn *Bàn về kế hoạch xã hội*, G. Rútxô nói rằng: "Tất cả công lý là từ trời mà ra. Trời là nguồn gốc của công lý". Còn Hồ Chí Minh lại xem công lý ở nơi dân. Vì dân sẽ tạo ra công lý xã hội, "quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân"⁽¹⁾. Nói nhân dân là người làm ra luật, không có nghĩa là mọi người Việt Nam đều soạn thảo luật. Sự thật thì chỉ một nhóm chuyên gia soạn thảo ra luật. Nhưng soạn thảo ấy nhất thiết phải có sự đóng góp ý kiến của nhân dân. Các bộ luật chỉ có thể do nhân dân hoàn thiện thì mới tạo nên

(1) *Sđd*, t.5, tr. 698.

sự vững bền của luật. Sau khi đã tham khảo ý kiến của nhân dân, Nhà nước có nhiệm vụ chỉnh lý lại, trình Quốc hội thông qua, rồi công bố để thực hiện trong cả nước. Lúc ấy, luật mới thật sự có tác dụng.

Việc định ra luật pháp là rất quan trọng, song vấn đề quan trọng hơn là luật pháp ấy phải được toàn xã hội *thi hành nghiêm túc*, không trừ một ai. Nhà nước đề ra pháp luật, nhưng đồng thời Nhà nước cũng phải hoạt động theo pháp luật, phải tuân thủ Hiến pháp, không có trường hợp ngoại lệ.

Trong việc thi hành pháp luật, cái quan trọng là phải bảo đảm tính vô tư, khách quan, công bằng, bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật.

Vì vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đòi hỏi pháp luật của ta “phải thẳng tay trừng trị kẻ bất liêm, bất kỳ kẻ ấy ở địa vị nào, làm nghề nghiệp gì”. Cuối năm 1945, khi giao việc cho đồng chí Lê Giản sang phụ trách ngành Công an (lúc đó còn gọi là Sở Liêm phóng), Người nói: “Trung ương quyết định chú sang làm liêm phóng. Bác lưu ý chú phải “thiết diện, vô tư, bốn chữ thôi”, rồi Người giải thích: thiết diện là mặt sắt, vô tư là không thiên vị, nghĩa là phải hết sức công minh. Chú làm cái nghề này mà không “thiết diện vô tư” thì Bác sẽ “thiết diện vô tư” với chú!”⁽¹⁾.

Tư tưởng về Nhà nước pháp quyền của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện rõ nét trong hoạt động của Chính phủ và của bản thân Người là đứng đầu Nhà nước, đứng đầu Chính phủ. Người rất nghiêm khắc đòi hỏi bản thân mình và mọi tổ chức Đảng, chính quyền, quân đội, đoàn thể phải tuân thủ pháp luật, không một ai đứng ngoài, đứng trên

(1) Nghiên cứu “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật*” do Bộ Tư pháp, Viện Nghiên cứu khoa học Pháp lý ấn hành, 1993, tr. 214.

pháp luật. Một thí dụ cụ thể là trong kháng chiến chống Pháp, đại tá Trần Dụ Châu, một người đã tham gia cách mạng, được giao chức Cục trưởng Cục quân nhu, đã lợi dụng chức vụ, bớt xén phần cơm áo vốn đã rất thiếu thốn, kham khổ của bộ đội ta để sống trác táng, ăn chơi phè phỡn... Vụ án được khởi tố, đưa ra Tòa án quân sự, Trần Dụ Châu bị lĩnh án tử hình. Y và gia đình chống án lên Bác Hồ xin được khoan hồng. Mặc dù rất đau lòng, nhưng Người đã ký bác đơn chống ác của Trần Dụ Châu.

Điều đặc sắc trong tư tưởng trị nước của Hồ Chí Minh là Người đã kết hợp được nhuần nhuyễn giữa “pháp trị” và “đức trị”. “Luật pháp phải dựa vào đạo đức”, nhưng “luật pháp phải bảo vệ đạo đức”. Đồng thời, “đức trị” nhằm khuyên người ta những việc nên làm, “pháp trị” bắt buộc người ta phải tránh những việc nên tránh. “Đức trị” là trị nước bằng tình, bằng thuyết phục, bằng đạo lý; “pháp trị” là trị nước bằng các đạo luật. “Đức trị” và “pháp trị” trong tư tưởng Hồ Chí Minh không hề loại trừ nhau mà thống nhất bổ sung cho nhau. Người sử dụng “đức” để cảm hóa, ngăn cản những thói hư tật xấu, hạn chế thấp nhất “cái ác” nảy sinh ở mỗi con người. Song, nếu một ai đó phạm tội thì Người nghiêm trị theo pháp luật. Người từng nói: “không dùng xử phạt là không đúng”, song “chút gì cũng dùng đến xử phạt cũng không nên”, “thường phạt phải nghiêm minh thì nhân dân mới yên ổn, kháng chiến mới thắng lợi, kiến quốc mới thành công”⁽¹⁾. Tư tưởng “đức trị” kết hợp với “pháp trị” được thể hiện rõ nhất trong “Quốc lệnh” do Người ban hành ngày 26-1-1946⁽²⁾. Trong Quốc lệnh này, Người đưa ra 10 điều khen thưởng (thể hiện cho đức trị) và 10 điều hình phạt (thể hiện cho pháp trị). Trong 10 điều khen thưởng, có:

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.4, tr. 163 - 164.

(2) *Sdd*, t.4, tr. 163 - 164.

Điều 3: Ai vì nước hy sinh sẽ được thưởng;

Điều 5: Ai làm công việc một cách trong sạch, ngay thẳng sẽ được thưởng;

Điều 6: Ai làm việc gì có lợi cho nước nhà, dân tộc và được dân chúng mến phục sẽ được thưởng.

Đó là điều rất quan trọng, vì nó động viên sự xả thân của công dân đối với Tổ quốc.

Trong 10 điều hình phạt, có:

Điều 1: Thông với giặc, phản quốc sẽ bị xử tử;

Điều 6: Để cho bộ đội hại dân sẽ bị xử tử;

Điều 8: Trộm cắp của công sẽ bị xử tử.

Đó cũng là điều rất quan trọng, vì nó liên quan đến việc làm phương hại cho quốc gia. 10 điều khen thưởng và 10 điều hình phạt trong “Quốc lệnh” là tư tưởng sáng ngời, công minh chính đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Xây dựng và củng cố Nhà nước pháp quyền, yêu cầu mọi người tự giác sống và làm việc tuân thủ theo pháp luật là nội dung chủ đạo của tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước. Người nói: “Pháp luật của ta là pháp luật thật sự dân chủ, vì nó bảo vệ quyền tự do, dân chủ rộng rãi cho nhân dân lao động. Nhân dân ta hiện nay có tự do, tự do trong kỷ luật. Mỗi người có tự do của mình, nhưng phải tôn trọng tự do của người khác. Người nào sử dụng quyền tự do của mình quá mức mà phạm đến tự do của người khác là phạm pháp” ⁽¹⁾.

Trong cả cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành không ít tâm trí để xây

(1) Hồ Chí Minh: *Nhà nước và pháp luật*, Nxb. Pháp lý, Hà Nội, 1985, tr. 178.

dựng một Nhà nước kiểu mới, Nhà nước pháp quyền. Sau kháng chiến chống Pháp thắng lợi, Người nhận thấy do sự hạn chế của điều kiện chiến tranh và trình độ luật pháp của Nhà nước ta nên “luật pháp của chúng ta hiện nay chưa đầy đủ”, do đó yêu cầu mọi người phải “có trách nhiệm góp phần làm cho luật pháp của ta tốt hơn, càng ngày phong phú hơn”.

5. Xây dựng Nhà nước và pháp luật phù hợp với từng thời kỳ của cách mạng

Là một Người thấm nhuần sâu sắc phép biện chứng duy vật của chủ nghĩa Mác, cũng như tinh thần biện chứng trong triết học phương Đông, Hồ Chí Minh hiểu rõ và đã thực hiện đúng tinh thần đó trong việc xây dựng Nhà nước và pháp luật ở Việt Nam. Tất cả sự trình bày trên đây đã thể hiện điều đó. Người luôn luôn quan tâm đến việc xây dựng Nhà nước và hệ thống pháp luật không chỉ phù hợp với hoàn cảnh, đặc điểm lịch sử Việt Nam nói chung, mà còn phải phù hợp từng giai đoạn cách mạng của đất nước. Do đó, phải nhận thức rõ những hạn chế, thiếu hụt trong giai đoạn trước và những đòi hỏi của giai đoạn mới.

Hồ Chí Minh kiên định những vấn đề thuộc về bản chất, nguyên tắc cơ bản, sứ mệnh lịch sử của Nhà nước kiểu mới. Đó là tính giai cấp công nhân, tính dân tộc, tính nhân dân, tính quốc tế của Nhà nước, những nguyên tắc cơ bản xây dựng Nhà nước và pháp luật, tổ chức hoạt động của Nhà nước, vai trò của nó trong việc bảo vệ nền độc lập của dân tộc, xây dựng chế độ mới xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

Người linh hoạt trong việc giải quyết những vấn đề cụ thể của Nhà nước và pháp luật, tức là phải được thay đổi cho phù hợp với thực tế tình hình, từng giai đoạn, nhất

là khi chuyển giai đoạn cách mạng. Ví dụ: sau khi miền Bắc đã hoàn thành cơ bản nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội miền Nam tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện thống nhất nước nhà, Người đã chỉ ra rằng: “Hiến pháp năm 1946, Hiến pháp dân chủ đầu tiên của nước ta thích hợp với tình hình và nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ đó. Nó đã hoàn thành sứ mệnh của nó. Nhưng so với tình hình mới và nhiệm vụ cách mạng hiện nay thì nó không còn thích hợp nữa. Vì vậy chúng ta phải sửa đổi Hiến pháp ấy” ⁽¹⁾, xây dựng Hiến pháp mới - *Hiến pháp năm 1959*. Sự thay đổi ở đây là thay đổi cả ở nội dung nhiệm vụ Nhà nước, thay đổi cơ cấu tổ chức của bộ máy nhà nước, thay đổi cả những quy định về chức năng quyền hạn của Chủ tịch nước. Sự thay đổi Hiến pháp dẫn đến sự thay đổi trong các quy định của hệ thống pháp luật.

Đó là đổi mới theo tinh thần “cái gì cũ mà xấu thì phải bỏ... cái gì mà không xấu nhưng phiền phức thì sửa đổi lại cho hợp lý, cái gì cũ mà tốt thì phải phát triển thuận lợi, cái gì mới mà hay thì phải làm”, “để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi”.

Cách mạng chuyển biến, đòi hỏi phải có sự chuyển biến sâu sắc về tư tưởng và nhận thức, đòi hỏi phải có những chính sách, những biện pháp về công tác tổ chức phù hợp với tình hình mới. Người còn nhấn mạnh: chúng ta phạm khuyết điểm, chúng ta sẽ sửa chữa, chúng ta có can đảm sửa chữa khuyết điểm, đó là biểu hiện một Đảng, một Nhà nước lành mạnh.

Những thay đổi như vậy làm cho Nhà nước và pháp luật phù hợp với tình hình thực tế, đóng vai trò tích cực,

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t.9, tr. 585.

thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện tốt hơn, đầy đủ hơn quyền làm chủ của nhân dân.

Điều đó chứng tỏ rằng, *Hồ Chí Minh luôn luôn thấm nhuần tinh thần đổi mới và thực hiện sự đổi mới trong quá trình xây dựng Nhà nước và pháp luật ở nước ta*, khắc phục những gì đã lỗi thời, sửa chữa những sai lầm, yếu kém trước đó, bổ sung, phát huy những cái gì đúng đắn, tốt đẹp, làm cho Nhà nước và pháp luật nước ta luôn luôn được hoàn thiện, ngày càng vững mạnh, sáng suốt, nhân đạo hơn.

Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, việc nắm vững và phát triển những quan điểm tư tưởng cơ bản của Hồ Chí Minh về vấn đề chính quyền, vấn đề xây dựng Nhà nước kiểu mới, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật là hết sức quan trọng và cấp thiết. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thật sự của dân, do dân và vì dân cũng chính là một yêu cầu quan trọng để chúng ta thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng: "Tiếp tục kiện toàn bộ máy Nhà nước" nói chung, cải cách tổ chức và hoạt động hệ thống hành chính nhà nước nói riêng.

CHƯƠNG III

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT TRONG CẢI CÁCH, HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC VÀ HỆ THỐNG PHÁP LUẬT Ở NƯỚC TA TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Thực tiễn đổi mới kinh tế - xã hội hiện nay ở nước ta đang đòi hỏi hệ thống chính trị, nhất là bộ máy nhà nước và hệ thống pháp luật phải tiếp tục cải cách hoàn thiện hơn nữa, để đóng được vai trò đòn bẩy thúc đẩy phát triển nhanh, ổn định và bền vững.

Đây là vấn đề rộng lớn, mới mẻ, chúng ta đang vừa làm vừa rút kinh nghiệm. Do đó, cần phải vận dụng đúng đắn tư tưởng Hồ Chí Minh và những kinh nghiệm mới để thực hiện thành công việc cải cách, hoàn thiện Nhà nước xã hội chủ nghĩa và hệ thống pháp luật trong giai đoạn cách mạng hiện nay. Một số vấn đề sau đây cần phải được nghiên cứu, giải quyết một cách đồng bộ và tập trung.

I. CẢI CÁCH BỘ MÁY NHÀ NƯỚC, NÂNG CAO HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ CỦA HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

Từ khi thành lập Nhà nước kiểu mới, Đảng và nhân dân ta đã nhiều lần cải tiến, hoàn thiện bộ máy Nhà nước

và hệ thống pháp luật. Nói chung, qua mỗi lần như vậy đều có những tiến bộ và đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ cách mạng. Mỗi thời kỳ mới lại đòi hỏi nhìn nhận lại hệ thống Nhà nước nhằm thấy được những mặt mạnh, những mặt yếu để tiếp tục vươn lên hoàn thành những nhiệm vụ mới đang đặt ra.

Nổi bật nhất là từ Đại hội VI của Đảng đến nay, thực hiện đường lối đổi mới toàn diện đất nước, Nhà nước ta đã có một bước đổi mới cùng với sự đổi mới hệ thống chính trị; đã thể hiện đầy đủ hơn quyền lực và lợi ích của nhân dân trong tổ chức và hoạt động của mình; quyền dân chủ của nhân dân được phát huy rộng hơn, cao hơn; hệ thống pháp luật được đổi mới, bổ sung và tăng cường; chất lượng các kỳ họp Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp được nâng cao; phương thức quản lý điều hành của bộ máy hành chính nhà nước sâu sát thực tế hơn, tạo ra nhiều chuyển biến tích cực trong xã hội; các hoạt động của ngành tư pháp, tòa án, viện kiểm sát có nhiều tiến bộ... Chúng ta có quyền tự hào về những kết quả đó.

Nhưng sự nghiệp đổi mới đang đi vào chiều sâu, công cuộc dân chủ hóa, công nghiệp hóa và hiện đại hóa đang được đẩy mạnh; nền kinh tế mở cửa với nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, theo định hướng xã hội chủ nghĩa đang có bước tiến mới; nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc đang được triển khai, xây dựng rộng khắp; bối cảnh chính trị thế giới và âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch đang có những diễn biến phức tạp... Tất cả những điều đó đang đòi hỏi Nhà nước ta phát huy hơn nữa những mặt mạnh, khắc phục được những yếu kém, đưa sự nghiệp cách mạng, công cuộc xây dựng đất nước giành những thắng lợi to lớn hơn.

Những yếu kém của bộ máy nhà nước thể hiện rõ nhất là bộ máy công kênh; chức năng, nhiệm vụ, phân cấp quản lý có mặt chưa rõ ràng; kỷ cương phép nước chưa nghiêm, hoạt động còn kém hiệu lực và hiệu quả; hệ thống chính sách, pháp luật chưa đồng bộ; trình độ nhiều mặt của đội ngũ công chức chưa ngang tầm với nhiệm vụ; hiện tượng quan liêu, tham nhũng, vi phạm dân chủ còn khá phổ biến, có mặt, có nơi, có tính chất nghiêm trọng làm tha hóa một bộ phận cán bộ Nhà nước mà chưa được ngăn chặn có hiệu quả. Điều đó có nguyên nhân do bộ máy nhà nước hoạt động nhiều năm trong điều kiện chiến tranh kéo dài, trong cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp, trưởng thành trong một hoàn cảnh xã hội tiểu nông, lạc hậu, kém phát triển và chế độ phong kiến, thực dân. Nhưng nguyên nhân chủ quan là hết sức quan trọng. Đó là việc chưa nghiên cứu một cách đầy đủ tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật, cũng như những vấn đề mà nhà nước trong một thế giới đang chuyển biến nhanh chóng như hiện nay, để kế thừa những kinh nghiệm hay trong xây dựng Nhà nước và pháp luật; chưa nghiên cứu sâu và toàn diện thực trạng của hệ thống Nhà nước và pháp luật nước ta; chưa kiên quyết đổi mới một cách đồng bộ, hoặc việc đổi mới có mặt chưa đầy đủ cơ sở khoa học và thực tiễn; hoặc chỉ đạo và thực hiện chưa nghiêm túc, chưa đến nơi đến chốn; một số cán bộ, nhân viên nhà nước sa sút về phẩm chất và năng lực v.v...

Trước tình hình đó, Đảng ta cho rằng cần: "... Tiếp tục kiện toàn bộ máy nhà nước, đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường quản lý nhà nước" ⁽¹⁾. Văn kiện Đại hội VIII của Đảng đã chỉ rõ: "Cải cách hành chính nhà nước là trọng tâm xây dựng hoàn thiện Nhà nước trong những năm

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 133.

trước mắt, công cuộc cải cách hành chính phải dựa trên cơ sở pháp luật và tiến hành đồng bộ trên các mặt: cải cách thể chế hành chính, tổ chức bộ máy và xây dựng kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức hành chính”⁽¹⁾. Đó là một số vấn đề hết sức cấp thiết để nâng cao năng lực và hiệu lực của bộ máy nhà nước trong thời kỳ mới.

Muốn giải quyết tốt những vấn đề đó, hơn bao giờ hết phải quán triệt và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật. Tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung về Nhà nước, pháp luật nói riêng, cùng với những kinh nghiệm về phát triển nhà nước và pháp luật ở nhiều nước trên thế giới sẽ giúp chúng ta khắc phục được những yếu kém, phát huy những mặt mạnh trong quá trình tổ chức xây dựng. Thời kỳ mới cần những kinh nghiệm mới, cách làm mới, nhưng phải nắm vững tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân, về xây dựng và sử dụng bộ máy Nhà nước trong thời kỳ mới của cách mạng nước ta, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

“Phát triển mà không có nhà nước có hiệu quả là điều không thể có được”⁽²⁾. Kinh nghiệm chung của thế giới đã chỉ ra như vậy. Đảng và Nhà nước ta đang có kế hoạch chỉ đạo trên từng mặt cụ thể, vừa làm vừa rút kinh nghiệm để xây dựng Nhà nước trong sạch, có hiệu lực và hiệu quả.

II. THAY ĐỔI PHƯƠNG THỨC TÁC ĐỘNG CỦA NHÀ NƯỚC ĐẾN QUÁ TRÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI

Trong thời kỳ chiến tranh và trong cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, tác động của Nhà nước đến quá trình

(1) *Sđd*, tr. 131.

(2) Ngân hàng thế giới: *Nhà nước trong một thế giới đang chuyển đổi*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 39.

phát triển kinh tế - xã hội thường là can thiệp trực tiếp, mang tính chất tập trung. Điều đó có tác dụng nhất định trong hoàn cảnh trước đây, nhưng cũng đã bộc lộ những hạn chế và là một trong những nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng kinh tế - xã hội. Những hạn chế nổi bật là gò bó các chủ thể hoạt động, can thiệp và bao cấp đối với các chủ thể xã hội hoạt động, hoặc thường dội từ trên xuống đã hạn chế tính chủ động sáng tạo, quyền dân chủ của địa phương và cơ sở, làm triệt tiêu những động lực phát triển.

Khi đất nước chuyển sang nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, đòi hỏi Nhà nước phải *thay đổi hình thức hoạt động và phương thức tác động đến kinh tế - xã hội*. Tức là Nhà nước phải đổi mới cả về vai trò, chức năng, phương thức tác động và tổ chức quản lý. *Không có tác động của Nhà nước thì nền kinh tế sẽ rối loạn và không thể thành công; hoặc Nhà nước can thiệp như cũ nghĩa là tập trung, bao cấp thì cũng không thể đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế và công cuộc đổi mới*. Nhưng ở đây cũng không phải là giảm vai trò của bộ máy nhà nước trong hoạt động quản lý nền kinh tế thị trường, mà vấn đề là ở chỗ tác động của bộ máy nhà nước đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội là *phải phù hợp với năng lực của mình và phải nâng cao năng lực ấy để đáp ứng được những nhu cầu của xã hội đang đòi hỏi* ⁽¹⁾. Đó là một kinh nghiệm của sự đổi mới, hoàn thiện và phát triển chức năng của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường, mở cửa, hội nhập đang chuyển đổi mau lẹ, sinh động.

Nhà nước không chỉ thực hiện nhiệm vụ bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh, trật tự xã hội; mà quan trọng hơn là phải tạo môi trường pháp lý cho

(1) *Sdd*, tr. 8 - 15.

xã hội phát triển năng động, định hướng nền kinh tế - xã hội bằng pháp luật, có những chương trình phát triển, hỗ trợ khuyến khích các thành phần kinh tế phát huy năng lực của mình. Nhà nước tập trung nắm và quản lý những khâu, những lĩnh vực then chốt mà mình có thể quản lý có hiệu quả và có ý nghĩa quyết định đối với vận mệnh của quốc gia, của chế độ; đồng thời phải thực hiện phương thức xã hội hóa trong quản lý theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, phát huy cao độ quyền làm chủ của nhân dân, khả năng tự quản của các cá nhân và cộng đồng xã hội. Trong quan hệ với các nước, các tổ chức quốc tế, Nhà nước cần có sự chuyển hướng sang trọng tâm về lĩnh vực kinh tế - xã hội, bằng phương thức hợp tác cùng có lợi, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ, các hình thức hợp tác với các chế độ xã hội, với các đối tác khác nhau...

Nói chung, trong thời kỳ mới, vai trò, chức năng, phương thức hoạt động của Nhà nước phải thật sự đổi mới và hoàn thiện theo nguyên tắc làm cho kinh tế xã hội phát triển nhanh, bền vững, nhân dân thực hiện tốt nhất quyền lực của mình, dân chủ xã hội được phát huy; tác động của Nhà nước phải phù hợp với khả năng, năng lực của mình, không được làm thay, nhưng không được buông lỏng vai trò của mình trên lĩnh vực này. Chính quyền nhà nước ở tất cả các cấp đều phải tự kiểm tra bản thân mình để có sự điều chỉnh, phát triển hợp lý phù hợp với những yêu cầu nhiệm vụ và tình hình mới.

III. PHÁT HUY ĐẦY ĐỦ QUYỀN LỰC CỦA NHÂN DÂN TRONG QUÁ TRÌNH DÂN CHỦ HÓA XÃ HỘI

Trong thời kỳ đổi mới, các cơ quan quyền lực của Nhà nước như Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp có mặt còn thụ động, chưa phát huy được thực sự vai trò cơ quan quyền

lực của nhân dân, ý chí và nguyện vọng của nhân dân, thường hay ở vào tình trạng im lặng mà nhân dân nói đùa về người đại diện của mình là “Hội đồng ừ, Hội đồng gật”.

Từ khi tiến hành công cuộc đổi mới và dân chủ hóa, cùng với việc phát huy tốt hơn quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, các cơ quan Quốc hội, Hội đồng nhân dân đã có những chuyển biến tích cực, gần gũi hơn đối với cử tri, chất lượng các đại biểu cũng khá hơn trước, các kỳ họp được thảo luận thẳng thắn, công khai, nhiều ý kiến của cử tri được tiếp thu và thảo luận nghiêm túc, công tác kiểm tra, giám sát đối với các quyết định của mình cũng được đẩy mạnh..., đã được nhân dân đồng tình ủng hộ.

Tuy nhiên, trước yêu cầu của thời kỳ mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thời kỳ hoàn thiện và tăng cường hệ thống pháp luật, thời kỳ dân chủ hóa và kinh tế thị trường đòi hỏi năng lực các cơ quan quyền lực của nhân dân phải cao hơn nhiều mới thật sự phát huy được ý chí, nguyện vọng, lợi ích và trí tuệ của nhân dân. Việc tiếp tục đổi mới các hình thức hoạt động của các cơ quan quyền lực của nhân dân, và nâng cao trách nhiệm, năng lực của các đại biểu nhân dân là việc làm thường xuyên và cần thiết.

Cùng với việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân thông qua đại biểu của mình tức là dân chủ gián tiếp, đồng thời phát huy cao quyền dân chủ trực tiếp của nhân dân thông qua các tổ chức quần chúng xã hội và đặc biệt là dân chủ ở cơ sở (phường, xã, cơ quan, doanh nghiệp). Trong quá trình thực hiện đổi mới bộ máy chính quyền nhà nước ở các cấp, nhất là cơ sở đã có những kinh nghiệm hay, những việc làm tốt, nhưng cũng không ít những thiếu sót nghiêm

trọng mà ở đó nhân dân đã đấu tranh, thậm chí có nơi bị kẻ xấu lợi dụng, trở thành những "điểm nóng" hết sức phức tạp. Khả năng xấu như thế vẫn còn tồn tại mà các cơ quan quyền lực và quản lý nhà nước phải luôn luôn cảnh giác, rút kinh nghiệm để tránh những tình huống xấu diễn ra làm mất uy tín đối với bộ máy nhà nước - một cơ quan thật sự của dân, do dân, vì dân và gây hậu quả khó lường ⁽¹⁾.

Gần đây, Nhà nước ta ban hành các *Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở* nhằm phát huy vai trò của nhân dân và của tổ chức Mặt trận. Đây là giải pháp kịp thời và cơ bản, không những có ý nghĩa trước mắt mà còn có ý nghĩa lâu dài. Vì nó là một cơ chế dân chủ được cụ thể hóa phù hợp với tình hình các cơ sở, nhằm phát huy và bảo đảm quyền làm chủ trực tiếp của nhân dân trên tất cả các mặt, đặc biệt trên lĩnh vực tài chính, những lĩnh vực liên quan trực tiếp đến lợi ích thiết thực của nhân dân. Đây là bước tiến mới trong hoạt động của Nhà nước ta trên lĩnh vực dân chủ hóa ở cơ sở.

Trong quá trình cải cách và hoàn thiện bộ máy nhà nước, phương thức hoạt động ở các cấp chính quyền thì *vấn đề dân trí và dân chủ hóa đóng vai trò then chốt*, không chỉ tạo ra môi trường năng động mà còn phát huy được trí tuệ, tài năng và các nguồn lực trong nhân dân để phục vụ cho sự nghiệp phát triển, cũng như trong công cuộc đấu tranh chống các tệ nạn xã hội, tiêu cực trong cơ quan nhà nước, ổn định chính trị xã hội. Tất nhiên, dân chủ luôn luôn gắn liền với tập trung, đó là hai mặt hòa quyện với nhau, dân chủ hướng tới tập trung, tập trung trên cơ sở mở rộng dân chủ và phục vụ cho dân chủ.

(1) Đỗ Mười: *Bài học từ sự kiện Thái Bình*, Tạp chí Cộng sản, số 4 (2-1999), tr. 11 - 16.

IV. TĂNG CƯỜNG NGUYÊN TẮC TẬP TRUNG DÂN CHỦ VÀ NGUYÊN TẮC PHÁP CHẾ TRONG QUÁ TRÌNH CẢI CÁCH VÀ HOÀN THIỆN BỘ MÁY NHÀ NƯỚC

Trong chế độ xã hội chủ nghĩa, Nhà nước là Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân. Đó là Nhà nước thống nhất giữa dân chủ và tập trung. “Mọi quyền hạn đều là của dân”. Những người ở trong bộ máy nhà nước, bộ máy quyền lực, dù ở cấp nào nhất là ở cơ sở, địa phương cũng đều là “công bộc của nhân dân”, đều do dân cử ra một cách trực tiếp hay gián tiếp để đại diện cho dân mà thực thi quyền lực. Dân có quyền giám sát, bãi miễn những người trong bộ máy nhà nước do mình bầu ra khi không làm tròn trách nhiệm đại biểu quyền lực cho dân.

Với bản chất đó của Nhà nước, mọi cơ quan nhà nước, mọi công chức đều phải hoạt động với tinh thần phục vụ nhân dân. “Phục vụ nhân dân” phải là thước đo phẩm chất, đạo đức của người công chức trong chế độ ta. Người công chức phải thể hiện được đầy đủ các đức tính: cần, kiệm, liêm, chính, có tri thức và bản lĩnh, nắm vững lý luận; sâu sát thực tế, có lý trí vững chắc, tình cảm trong sáng, kết hợp nhuần nhuyễn giữa chính trị và khoa học, chấp hành đúng pháp luật; đồng thời phải chí công vô tư.

Cán bộ chính quyền trước hết phải nắm vững pháp luật. Nếu không nắm vững pháp luật, người cán bộ đó sẽ rơi vào, hoặc là tội lỗi mù quáng, hoặc là quan liêu. Nắm vững luật pháp và vận dụng nhuần nhuyễn luật pháp để giải quyết đúng công việc hàng ngày là đòi hỏi không thể thiếu ở người cán bộ chính quyền các cấp, và có nắm được pháp luật, thực hiện được pháp luật mới thực hiện được dân chủ một cách tập trung.

Tính dân chủ đòi hỏi Nhà nước thực hiện đúng đắn quyền làm chủ thật sự của người dân, đồng thời phải chuyên chính đối với mọi hành động vi phạm lợi ích của Tổ quốc và quyền dân chủ của nhân dân. Để đảm bảo thực hiện tốt vấn đề này cần có những quy định cụ thể về những gì người công dân được làm (là những gì Nhà nước không cấm) và những gì các cơ quan nhà nước, công chức được làm (là những gì Nhà nước cho phép làm). Điều này nhằm ngăn chặn sự hạn chế quyền dân chủ của nhân dân và sự tùy tiện, lạm quyền của người công chức.

Ở nước ta “Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo” (Điều 1, Hiến pháp năm 1946). Từ tính chất Nhà nước dân chủ nhân dân, Nhà nước dựa trên nền tảng liên minh công - nông - trí thức do giai cấp công nhân lãnh đạo, để tổ chức một bộ máy nhà nước thống nhất quyền lực, cần có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ giữa ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Do đó không chỉ là dân chủ mà còn là tập trung.

Hồ Chí Minh đòi hỏi mọi vấn đề phải được thảo luận, công khai, rộng rãi, nhưng khi đã nhất trí, đã quyết định thì phải thi hành nghiêm túc. “Tập trung trên nền tảng dân chủ”; “Dân chủ dưới sự chỉ đạo tập trung”⁽¹⁾

Do đó, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước là một vấn đề hết sức quan trọng trong tình hình hiện nay ở nước ta. Nó cung cấp nguồn sinh lực cho bộ máy nhà nước và đảm bảo cho bộ máy nhà nước hoạt động có hiệu lực và hiệu quả, sự điều hành được tập trung, thống nhất, và thông suốt từ

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t.7, tr. 240 - 241.

Chính phủ đến chính quyền địa phương. Nguyên tắc này đòi hỏi cấp dưới phải phục tùng cấp trên, địa phương phải phục tùng Trung ương, khắc phục sự cục bộ, phân tán, “phép vua thua lệ làng”.

Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa, quản lý xã hội bằng pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức xã hội chủ nghĩa là quan điểm chỉ đạo trong việc cải cách và hoàn thiện Nhà nước hiện nay. Nó đòi hỏi mọi tổ chức, cơ quan, cá nhân trong xã hội phải triệt để chấp hành pháp luật và mọi quy định do Nhà nước ban hành. Nhà nước pháp quyền đòi hỏi Nhà nước phải được tổ chức và hoạt động theo pháp luật và bằng pháp luật với ý thức tôn trọng tính tối thượng pháp luật trong nhân dân và cả trong công chức, cán bộ cơ quan nhà nước, giữ nghiêm pháp luật và chấm dứt mọi hành động tùy tiện, coi thường pháp luật, đứng trên pháp luật.

V. TẬP TRUNG CẢI CÁCH, ĐỔI MỚI HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

Nền hành chính của chúng ta khi chuyển sang thời kỳ mới chậm thay đổi nhất là hệ thống mang tính chất thủ tục, hơn nữa ở đây nảy sinh nhiều tệ cửa quyền, sách nhiễu làm phiền hà nhân dân, gây cản trở lớn cho việc phát triển kinh tế - xã hội. Đây đang là một khâu yếu kém. Vì thế, Đảng ta đã khẳng định: Hiện nay việc cải cách nền hành chính nhà nước là một vấn đề rất bức xúc và trọng tâm của việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước trong tình hình mới. Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII) đã xác định: “Trong nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước phải đặt trọng tâm vào cải cách hành chính nhằm xây dựng một nền hành chính trong sạch, có đủ năng lực,

sử dụng đúng quyền lực và từng bước hiện đại hóa để thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng, quản lý có hiệu lực và hiệu quả cao công việc của Nhà nước, phục vụ đắc lực đời sống nhân dân...", *Báo cáo chính trị* trình Đại hội lần thứ VIII của Đảng, một lần nữa nhấn mạnh: "Là trọng tâm của việc xây dựng hoàn thiện Nhà nước trong những năm trước mắt, công cuộc cải cách hành chính phải dựa trên cơ sở pháp luật và tiến hành đồng bộ trên các mặt: cải cách thể chế hành chính, tổ chức bộ máy và xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức hành chính" ⁽¹⁾. Trong cuộc cải cách hành chính, cải cách thể chế hành chính là khâu đầu tiên cần vì có thể tiến hành ngay, không chậm trễ. Cải cách thể chế hành chính gồm việc "thực hiện cải cách cơ bản các thủ tục hành chính, cả về thể chế và tổ chức thực hiện..." ⁽²⁾. Những quan điểm trên là sự quán triệt và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng một nền hành chính mạnh, có hiệu quả trong việc cải cách xây dựng nền hành chính nhà nước hiện nay.

Từ trước đến nay thủ tục hành chính luôn là khâu gây ra sự phiền hà cho mọi công dân, tổ chức. Rất nhiều trường hợp chỉ vì những thủ tục hành chính rất đơn giản (thậm chí không cần thiết) đã làm cản trở, ách tắc công việc. Chúng ta có quá nhiều thủ tục hành chính rườm rà và việc thực hiện các thủ tục này lại hết sức tùy tiện, cho nên một số người đã lợi dụng bằng cách hối lộ để được việc, dù biết rằng vi phạm pháp luật. Thủ tục hành chính quá phức tạp nhiều khi là một trong những nguyên nhân quan trọng của tệ hối lộ và cửa quyền, tham nhũng đang diễn ra với mức độ phổ biến. Vì vậy, cần "loại bỏ ngay những khâu bất hợp lý, giảm phiền hà, ngăn chặn tệ cửa quyền, tham nhũng, hối lộ vi phạm pháp luật" ⁽³⁾.

(1), (2), (3) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 131.

Thủ tục hành chính cũng như bất cứ một quy định nào khác của pháp luật phải đảm bảo được hai mục tiêu: một là, tăng cường quản lý nhà nước, và hai là, phải tạo điều kiện cho công dân thực hiện được các quyền cơ bản của mình. Quản lý phải tạo điều kiện làm tiền đề cho sự phát triển. Muốn cho hoạt động quản lý có hiệu quả, phục vụ nhân dân ngày càng tốt hơn thì bản thân bộ máy quản lý cũng phải có sự điều chỉnh, thậm chí phải thay đổi cho phù hợp. Tính thống nhất, tính hợp lý và tính năng động là những nhân tố quan trọng cho một nền hành chính có hiệu quả, hiệu lực. *Báo cáo chính trị* tại Đại hội VIII của Đảng đặc biệt nhấn mạnh: “Làm cho bộ máy tinh gọn, bảo đảm sự điều hành tập trung, thống nhất, thông suốt có hiệu lực từ Chính phủ đến chính quyền địa phương, cơ sở; đồng thời phát huy tính chủ động, năng động của địa phương, cơ sở” ⁽¹⁾.

Sự điều hành phối hợp trong quá trình quản lý giữa Trung ương và địa phương, sự phân định thẩm quyền giữa ngành và cấp là vấn đề phức tạp. Chúng ta đã cố gắng trong việc cải tiến lề lối làm việc, nhưng thực tiễn hoạt động quản lý cho thấy rõ ràng, cần phải có những thay đổi có tính chất cơ bản trong việc xác định cơ cấu tổ chức và quy chế hoạt động của bộ máy hành chính các cấp có thể tháo gỡ những khó khăn vướng mắc đang đặt ra trong thực tiễn hiện nay. Tình trạng cục bộ, cát cứ không phải là không có, đó cũng là mối nguy cơ cần loại bỏ để đảm bảo tính thống nhất của nền pháp chế xã hội chủ nghĩa và bảo đảm hiệu quả hoạt động của một nền hành chính thống nhất và nền nếp.

(1) *Sđd*, tr. 131.

VI. HOÀN CHỈNH HỆ THỐNG PHÁP LUẬT, ĐẨY MẠNH VIỆC THỰC THI NGHIÊM CHỈNH PHÁP LUẬT

Trong quá trình chuyển đổi của nền kinh tế xã hội, hệ thống pháp luật đã bộc lộ những thiếu sót, sự lỗi thời, lạc hậu, sự hụt hẫng, sự thiếu đồng bộ, sự chồng chéo... cần phải được sửa đổi, bổ sung hoàn thiện kịp thời. Công việc này từ sau Đại hội VI đến nay, Đảng và Nhà nước ta đã làm được nhiều việc quan trọng, khối lượng và chất lượng pháp luật được nâng lên rõ rệt, đã góp phần vào việc tạo môi trường, tạo khung pháp lý cho các hoạt động kinh tế - xã hội năng động, tự chủ và có kết quả hơn; đồng thời qua đó nhân dân cũng thực hiện tốt hơn quyền dân chủ của mình, hiệu lực của Nhà nước được nâng cao một bước. Tất nhiên, đó mới chỉ là bước đầu, cần phải được tiếp tục đổi mới, hoàn chỉnh nhiều hơn nữa hệ thống pháp luật để đáp ứng được nhu cầu xã hội có dân chủ, có kỷ cương ngày càng phát triển.

Việc thực hiện Hiến pháp và pháp luật quả là có nhiều tiến bộ hơn trước, xử lý các hiện tượng vi phạm công khai hơn, dân chủ hơn, đúng người, đúng tội hơn, ít vùng cấm hơn. Đồng thời, những gương tốt trong việc thực hiện pháp luật và pháp chế cũng được khuyến khích, khen thưởng kịp thời. Tuy vậy, trên lĩnh vực này việc thực hiện pháp luật, pháp chế nhìn chung còn chưa nghiêm, nhiều nơi, nhiều mặt còn chậm trễ, còn có hiện tượng nhẹ trên nặng dưới, thậm chí có hiện tượng bao che, vị thân, rút dây sợ động rừng... làm cho lòng dân chưa yên, ảnh hưởng đến niềm tin của dân đối với Nhà nước. Đảng và Nhà nước cùng với nhân dân ta đã và đang quyết tâm khắc phục tình trạng nói trên.

Trong việc quản lý và điều hành đất nước thực hiện theo nguyên tắc quản lý nhà nước bằng Hiến pháp và pháp luật, kết hợp với giáo dục đạo đức xã hội, tức là pháp trị kết hợp với đức trị, nhưng đạo đức là cơ sở thì Hiến pháp và pháp luật là tối cao. Để nâng cao năng lực quản lý nhà nước thì việc khắc phục bệnh tình cảm chủ nghĩa, coi thường pháp luật, đồng thời phải tôn trọng vai trò “thần linh pháp quyền”, có như vậy mới đảm bảo được tính công bằng, tính dân chủ, tính công khai. Thông qua pháp luật mỗi công dân có trách nhiệm đối với Nhà nước và Nhà nước có trách nhiệm đối với từng công dân, có như thế mới dân chủ và mới đúng tính chất là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Vì vậy, hiện nay Đảng và Nhà nước đang ra sức xây dựng, hoàn chỉnh hệ thống pháp luật và đẩy mạnh việc thực thi pháp luật. Thực hiện kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, dân chủ hóa xã hội ngày càng mở rộng, xây dựng và tăng cường Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là ba mặt song hành, để thực hiện mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, hiện đại.

VII. CẢI CÁCH VÀ NÂNG CAO HIỆU LỰC HOẠT ĐỘNG CỦA NGÀNH TƯ PHÁP TRONG QUAN HỆ VỚI CƠ QUAN LẬP PHÁP VÀ HÀNH PHÁP

Trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, việc phân công giữa các quyền lực trong hệ thống nhà nước (quyền lập pháp, quyền hành pháp, quyền tư pháp) vừa phải rành mạch, rõ ràng, thể hiện tính độc lập tương đối về quyền lực của từng tổ chức, có như thế mới phát huy được tính chủ động và năng lực của mỗi tổ chức; vừa phải đảm bảo sự phối hợp đồng bộ nhịp nhàng giữa các quyền lực ấy trong sự thống nhất quyền lực duy nhất thuộc về nhân dân, mới

phát huy tốt nhất hiệu lực, năng lực của hệ thống Nhà nước. Chúng ta không tổ chức theo kiểu đối trọng quyền lực, nhưng phải chú ý tôn trọng hơn nữa vai trò quyền hạn của từng tổ chức, trên cơ sở đó mà có sự phối hợp một cách ăn khớp, nhịp nhàng, tránh lẫn át nhau hoặc đùn đẩy trách nhiệm lẫn nhau. Trên lĩnh vực này, chúng ta đã có bước tiến hơn trước, tránh dần được tình trạng không rõ ràng về trách nhiệm hoặc có sự lẫn át của cơ quan hành pháp đối với cơ quan lập pháp và tư pháp.

Ngành tư pháp, trong quá trình đổi mới cũng đã có những chuyển biến tích cực hơn trước, chất lượng hoạt động cao hơn, nhưng cũng bộc lộ những yếu kém chưa ngang tầm với nhiệm vụ, chưa phát huy đầy đủ vai trò của mình trong việc tư vấn và bảo vệ pháp luật, thậm chí diễn ra những tiêu cực rất đáng tiếc, gây khó khăn phiền hà cho dân. Thời kỳ xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cần phải đề cao và nâng cao vai trò, chất lượng của ngành tư pháp trong mọi hoạt động của mình.

Trong cải cách tổ chức và hoạt động tư pháp cũng còn rất nhiều việc cần làm để có thể tăng cường đấu tranh chống tội phạm, bảo vệ công lý, bảo đảm nguyên tắc mọi vi phạm pháp luật phải bị xử lý, mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, đảm bảo nghiêm chỉnh việc thi hành án. Giải quyết cho được nạn quá tải ở các tòa án cấp tỉnh và thành phố, nhất là ở các thành phố lớn; tăng cường biện pháp phòng ngừa tội phạm, đề cao trật tự, kỷ cương xã hội, tăng cường công tác hòa giải ở cơ sở... để phấn đấu hạ thấp số vụ án thụ lý ở tòa án; thành lập các tổ chức hỗ trợ tư pháp để giúp các tòa án xét xử được nhanh chóng hơn và thuận lợi hơn. Do đó, yêu cầu cải cách tư pháp cũng đặt ra một cách bức thiết.

VIII. KIÊN QUYẾT ĐẤU TRANH CHỐNG TỆ THAM NHƯNG, LÃNG PHÍ QUAN LIÊU

Tệ quan liêu, cửa quyền, tham ô, lãng phí có liên quan với nhau và đang gây ra sự bất bình trong nhân dân. Ở đây xin tập trung nói về tệ tham nhũng.

Tham nhũng là một tội phạm hết sức tai hại về nhiều mặt cho Nhà nước và lợi ích của nhân dân và nó đang diễn ra ở nhiều nơi. Ai cũng lên án và nhất trí trong việc kiên quyết ngăn chặn được một số vụ tham nhũng liên quan đến một số người có chức, có quyền còn bị bao che, bưng bít, nhưng cũng có người sợ đưa ra công khai xét xử lợi bất cập hại, sợ làm mất uy tín của chế độ, bôi nhọ danh hiệu người cộng sản! Chúng ta có thể khẳng định được là không ai có thể bôi nhọ được người cộng sản nếu như chính người cộng sản không tự bôi nhọ mình. Chính mọi sự bao che, bưng bít, nể nang, thiên vị và bóp méo công lý mới là điều đáng xấu hổ và là hành vi tự bôi nhọ mình mà thôi. Tham nhũng và bao che tội phạm tham nhũng cần xử lý nghiêm khắc như nhau. Đó là quan điểm Hồ Chí Minh và của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Một lần Tòa án Mátxcova xử nhẹ một vụ ăn hối lộ, chiếm đoạt của công, Lênin đã tỏ ý bất bình, cho ý kiến: “Không xử bắn kẻ ăn hối lộ mà xử nhẹ như thế là một việc làm đáng xấu hổ cho những người cộng sản, những người cách mạng”. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hai lần trích câu viết trên của Lênin để tỏ thái độ không đồng tình với việc thiếu nghiêm minh của chúng ta trong việc xử phạt tội tham nhũng.

Ngay từ những ngày Cách mạng Tháng Tám mới thành công, Người đã thấy trước nguy cơ và vạch ra những tệ nạn tham ô, lãng phí, quan liêu và đặc biệt cảnh cáo cán bộ

“tham ô, lãng phí, quan liêu là kẻ thù của nhân dân, của bộ đội và Chính phủ”. Nó là “kẻ thù khá nguy hiểm. Vì nó không mang gươm, mang súng, nó nằm trong tổ chức của ta để làm hỏng công việc của ta...”⁽¹⁾. Đó là một trong những nguyên nhân làm cho Đảng mất uy tín, làm cho Nhà nước bị tiêu vong.

Tệ tham nhũng xuất hiện cùng lúc với sự xuất hiện mặt trái của bộ máy Nhà nước và tầng lớp cầm quyền. Do đó, nếu chỉ kêu gọi đạo đức thôi thì không thể giải quyết được vấn đề, mà phải kết hợp giáo dục đạo đức với trừng trị bằng pháp luật. Thời đại nào, chính thể nào cũng đã từng đề ra nhiều đạo luật nghiêm khắc nhằm hạn chế loại tệ nạn kinh niên này, vấn đề là có kiên quyết thực thi hay không. Các nước trên thế giới ngày nay cũng đã lên án hoặc tích cực chống tham nhũng và có những kinh nghiệm hay, đáng học tập.

Ở đây cần quán triệt và kế thừa trong di sản tư tưởng Hồ Chí Minh về sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa “pháp trị” và “đức trị”. Năm 1950, tại một lớp học của cán bộ ngành Tòa án, Người có khuyên: “Xét xử đúng là tốt, nhưng nếu không phải xét xử càng tốt hơn”. Câu đó là dựa theo ý của Khổng Tử: “Thính tụng do nhân dã, tất dã sử vô tụng hồ”. (*Luận ngữ*), nghĩa là: Xử kiện thì ta cũng như người, sao cho khỏi xử kiện mới hay. Nhiều lần khác, Người nêu khẩu hiệu: Cần, kiệm, liêm, chính. Vì Người giải thích: “Liêm tức là không tham ô mà luôn luôn tôn trọng, giữ gìn của công và của nhân dân. Chính tức là việc phải, dù nhỏ cũng làm, việc trái, dù nhỏ cũng tránh”. Người đề cao giáo dục đạo đức, nhưng không bao giờ quên luật pháp.

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.6, tr. 489, 490, 501.

Do đó, đi đôi với giáo dục, Người kịp thời thúc đẩy việc ban hành pháp luật. Ngày 27-11-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh ấn định hình phạt tội đưa và nhận hối lộ sẽ bị phạt từ 5 đến 20 năm khổ sai và phải nộp phạt gấp đôi số tiền nhận hối lộ. Ngày 26-1-1946, Người ký "Quốc lệnh" khép tội tham ô, trộm cắp của công vào tội tử hình.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng, vừa qua đã hết sức quan tâm đấu tranh chống tệ tham nhũng⁽¹⁾ vì nó đang là một nguy cơ trực tiếp quan hệ đến sự tồn vong của hệ thống chính trị. Đại hội xác định đây vẫn là một cuộc đấu tranh quyết liệt, gay go, phức tạp, đang là một thách thức lớn đối với Đảng và Nhà nước ta. Đại hội đã quyết định những biện pháp tích cực nhằm tiến hành một cách kiên quyết, thường xuyên và có hiệu quả để chống lại tệ tham nhũng trong bộ máy nhà nước, trong các ngành, các cấp từ trên xuống dưới, từ Trung ương đến cơ sở. Kết hợp những biện pháp cấp bách với những giải pháp có tầm chiến lược nhằm hoàn thiện cơ chế, chính sách, kiện toàn tổ chức, chấn chỉnh công tác quản lý, khắc phục sơ hở, xử lý nghiêm và kịp thời mọi vi phạm, tội phạm, huy động và phối hợp chặt chẽ mọi lực lượng đấu tranh nhằm ngăn chặn, đẩy lùi và loại trừ tham nhũng. Đề cao trách nhiệm và sự gương mẫu của thủ trưởng cơ quan, đơn vị, cán bộ chủ chốt các cấp có tác dụng lớn trong việc chống tham nhũng.

Đấu tranh chống tham nhũng phải gắn với đấu tranh chống buôn lậu, lãng phí, quan liêu, cậy quyền, hối lộ, nhận hối lộ và các hành vi sai trái khác với ý đồ chiếm đoạt, làm thất thoát tài sản của Nhà nước. Nhà nước mạnh, cơ chế quản lý đúng, kỷ cương phép nước nghiêm, đạo đức xã

(1) Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 133 - 135.

hội được nâng cao, nhất định sẽ đẩy lùi được nạn tham nhũng và các tệ nạn có liên quan khác. Do đó cần tập trung chỉ đạo đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu có hiệu quả ⁽¹⁾.

IX. XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC VỮNG MẠNH

Trong công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, việc đổi mới, xây dựng đội ngũ công chức đang là một yêu cầu cơ bản, cấp bách của Đảng và Nhà nước ta.

Về đội ngũ công chức hành chính, thì ngay trong kháng chiến chống Pháp, vào những năm 1948 - 1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 188/SL ban hành thay lương công chức nhà nước và Sắc lệnh 76/SL ban hành Quy chế công chức mà ngày nay đọc lại chúng ta thấy có thể lấy làm kiểu mẫu cho việc soạn thảo Quy chế công chức theo quan niệm đổi mới. Ngay từ hồi đó, Người đã xác định vị trí và nhiệm vụ của công chức: "Công chức Việt Nam là những công dân giữ một nhiệm vụ trong bộ máy nhà nước của chính quyền nhân dân dưới sự lãnh đạo tối cao của Chính phủ. Vậy người công chức phải đem hết tất cả sức lực và tâm trí theo đúng đường lối của Chính phủ và nhằm lợi ích của nhân dân mà làm việc. Đi đôi với nhiệm vụ trên, công chức Việt Nam cần có một địa vị xứng đáng với tài năng của mình. Địa vị ấy được đề cao trong Quy chế này". Đồng thời, Người cũng lưu ý rằng Nhà nước nhân dân phải thu hút được nhân tài của đất nước phục vụ cách mạng; tổ chức đào tạo công chức có hệ thống về chính trị, pháp luật, địa lý, lịch sử, ngoại ngữ, và tổ chức thi tuyển công chức vào các ngành bậc của ngành hành chính.

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Nghị quyết hội nghị lần thứ 6 (lần 2) của BCH TW (khóa 8)*, Báo Sài Gòn Giải phóng, ngày 25-2-1999, tr. 7.

Các sắc lệnh của Người toát lên quan điểm và tư tưởng về công vụ - công chức của các nhà nước và các nền hành chính hiện đại. Cách định nghĩa (hay xác định vị trí) của người công chức (gần giống như Nghị định 169/HĐBT ngày 25-5-1991 của Chính phủ về công chức) đã thể hiện rõ tư tưởng phân biệt đội ngũ công chức nhà nước trong bộ máy nhà nước nói chung (và trong nền hành chính nhà nước nói riêng) khác với cán bộ, nhân viên (hay viên chức) làm việc trong bộ máy đảng, đoàn thể, các quân nhân, các người làm việc trong xí nghiệp... và những người dân cử làm việc theo nhiệm kỳ bầu cử. Quy chế cũng thể hiện tư tưởng xác định rõ tính cách chuyên nghiệp của công chức, về cơ bản là theo chế độ chức nghiệp, nhưng phải có nghĩa vụ nhiệm vụ chính trị, “phục vụ nhân dân, trung thành với Chính phủ...”, “cần, kiệm, liêm, chính - chí công vô tư...” tư tưởng pháp quyền cũng thể hiện rõ là công cụ và công chức phải nằm trong một khung pháp lý chính quy của quyền lập pháp và lập quy.

Trong công cuộc xây dựng đội ngũ công chức nhà nước ở nước ta trong mấy chục năm qua, tuy có những ưu điểm tiến bộ nhất định, đã tạo ra được một đội ngũ cán bộ nhân viên nhà nước có trình độ, phẩm chất, nghiệp vụ, đã góp phần tích cực vào công cuộc đổi mới trên các mặt của đời sống kinh tế và xã hội là không thể phủ nhận được. Nhưng đội ngũ ấy so với yêu cầu nhiệm vụ mới đã bộc lộ nhiều mặt không hợp lý về cơ cấu, về trình độ chuyên môn và nghiệp vụ với những yếu kém cần phải được đổi mới, xây dựng lại một cách chính quy cả về quy mô, cơ cấu và chất lượng công chức. Rất cần sự thay đổi mạnh đến lĩnh vực này đặc biệt về chính sách đào tạo, tuyển dụng, sử dụng. Về quy mô của đội ngũ công chức hành chính cũng cần phải giảm biên, đặc biệt là biên chế hành chính”. (*)

(*) Ở Trung Quốc, đã giảm được 50% biên chế hành chính, ở ta thì giảm còn rất ít. Cán bộ của họ trẻ - giới, vụ trưởng 40 tuổi, Bộ trưởng 45 - 50 tuổi - Xem *Thời báo kinh tế Sài Gòn*, số xuân Kỷ Mão, 1999, tr. 9.

Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh và với kinh nghiệm mới hiện nay, để xây dựng đội ngũ công chức hành chính, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII cũng đã nêu rõ quan điểm chỉ đạo: “Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước vừa có trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp cao vừa giác ngộ về chính trị, có tinh thần trách nhiệm, tận tụy, công tâm, vừa có đạo đức, liêm khiết thi hành công vụ”⁽¹⁾. Đây là nhiệm vụ vừa phải làm ngay, vừa là một nhiệm vụ cơ bản lâu dài.

Những sắc lệnh về công chức của Chủ tịch Hồ Chí Minh rất có giá trị đối với chúng ta hôm nay khi bắt tay vào cải cách hành chính, xây dựng, và thực hiện quy chế công chức mới. Vì vậy, gần đây Nhà nước ta đã ban hành Pháp lệnh cán bộ, công chức (ngày 26-2-1998). Pháp lệnh có hiệu lực thi hành từ ngày 1-5-1998. Đó là một tiến bộ và có tác động thúc đẩy sự cải cách, kiện toàn hệ thống Nhà nước ta. Tất nhiên, việc thực hiện Pháp lệnh đó là cả một quá trình, nhưng phải cương quyết đổi mới để tạo ra một đội ngũ công chức năng động sáng tạo, dân chủ và kỷ luật, có đạo đức, bản lĩnh và nghiệp vụ cao, thực thi tốt nhất nhiệm vụ được giao.

X. GIẢI QUYẾT ĐÚNG ĐẮN QUAN HỆ GIỮA SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG VÀ VAI TRÒ QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

Đây là một nội dung quan trọng trong cải cách hệ thống chính trị, thực thi dân chủ, nâng cao vai trò của mỗi tổ chức. Trong thời kỳ bao cấp trước đây, sự lãnh đạo của Đảng ta là đúng đắn, nhưng cũng có những hạn chế khuyết điểm như là bao biện làm thay công việc của Nhà nước; ngược lại Nhà nước có cấp, có nơi không thực thực hiện đầy đủ, nghiêm túc chủ trương đường lối của Đảng, hoặc

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 1996, tr. 132.

thu động, ý lại vào Đảng; giữa Đảng và Nhà nước có những công việc chồng chéo, trùng lặp...

Bước sang thực hiện kinh tế thị trường, lại có quan niệm ở một số người cho rằng Đảng không nên lãnh đạo kinh tế, đòi tách Đảng ra khỏi Nhà nước. Nói chung, những quan niệm cực đoan và sai lầm nói trên đều phải được khắc phục trong quá trình cải cách, hoàn thiện bộ máy nhà nước, trong quá trình đổi mới và chỉnh đốn Đảng.

Vấn đề không phải là Đảng từ bỏ sự lãnh đạo của mình hoặc hạn chế sự lãnh đạo của mình, mà cần đổi mới phương thức lãnh đạo, cùng với Nhà nước chăm lo sự nghiệp bảo vệ và xây dựng chế độ mới. Đảng lãnh đạo bằng đường lối, bằng tổ chức, bằng những quyết sách lớn đối với những vấn đề chính trị xã hội rộng lớn và cơ bản: Đảng lãnh đạo công tác cán bộ; Đảng kiểm tra hoạt động của bộ máy nhà nước trong việc thực hiện đường lối chủ trương của Đảng. Đảng tác động đến Nhà nước đúng theo trách nhiệm và năng lực của mình, đồng thời cũng phối hợp với Nhà nước để giải quyết những vấn đề liên quan đến lợi ích của dân tộc, của nhân dân. "Đảng lãnh đạo phát huy mạnh mẽ vai trò và hiệu lực của Nhà nước chứ không điều hành thay Nhà nước"⁽¹⁾. Nhà nước thực hiện nghiêm chỉnh sự lãnh đạo của Đảng bằng việc cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng thành Hiến pháp và pháp luật, thành chương trình, kế hoạch của Nhà nước. Nhà nước phải phát huy đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Đảng tiếp tục có những quyết định không những tinh giản bộ máy nhà nước, nâng cao năng lực quản lý của Nhà

(1) *Sđd*, tr. 150.

nước... mà còn tinh giản bộ máy của Đảng, tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng đối với Nhà nước và xã hội, khắc phục cho kỳ được những yếu kém, phát huy nội lực, bồi bổ thêm những sinh lực mới.

Đảng quan tâm đến việc xây dựng hệ thống nhà nước, đồng thời Nhà nước cũng phải bằng hành động của mình xây dựng Đảng vững mạnh. Bởi vì, Nhà nước ta vừa thực hiện ý chí của dân, vừa là thực hiện lãnh đạo của Đảng. Cùng với sự nghiệp đổi mới, sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước cũng được đổi mới. Nhà nước mạnh, Nhà nước sáng suốt, đủ trí tuệ và lương tâm trong hoạt động quản lý nhà nước của mình, không chỉ thể hiện sức mạnh của nhân dân, quyền lực và ý chí của nhân dân mà còn thể hiện sức mạnh, trí tuệ và đạo đức của Đảng. Chính vì vậy “Đảng và mọi Đảng viên đều hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và chịu trách nhiệm về các hoạt động của mình”⁽¹⁾.

Trên lĩnh vực này, trước yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa xã hội đang có không ít những vấn đề đặt ra phải nghiên cứu giải quyết về chức năng, nhiệm vụ, bộ máy, tổ chức, cán bộ, công chức, phương thức hoạt động... Tiến hành cải cách và kiện toàn hệ thống nhà nước pháp quyền ở nước ta phải đặt trong sự đổi mới và kiện toàn hệ thống chính trị theo hướng xã hội chủ nghĩa.

*

* *

Hiện nay, việc cải cách xây dựng, hoàn thiện Nhà nước và pháp luật là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của tiến trình đổi mới đất nước, nhằm nâng cao năng lực quản lý Nhà nước trong điều kiện mới. Để bảo đảm quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, thực hiện đúng tư

(1) Sdd, tr. 150.

tướng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật, toàn Đảng, toàn dân ta đã và đang nỗ lực phấn đấu xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, mạnh mẽ và sáng suốt của nhân dân, tăng cường hiệu quả hoạt động, điều hành nhằm đưa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng vào cuộc sống.

Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa thật sự là nhà nước của dân, do dân, vì dân, đại biểu cho quyền lợi của quốc gia, dân tộc do Đảng lãnh đạo. Đó là Nhà nước thường xuyên loại trừ ra khỏi tổ chức và hoạt động của mình những tệ nạn xa lạ với bản chất của Nhà nước ta, như tệ nạn quan liêu, tham nhũng, ức hiếp nhân dân. Là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, quản lý và điều hành đất nước theo Hiến pháp và pháp luật, điều đó đòi hỏi phải đổi mới, nâng cao chất lượng công tác lập pháp và hoạt động giám sát tối cao của Quốc hội đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước, cải cách nền hành chính nhà nước, trong đó bao gồm cải cách thể chế hành chính, tổ chức bộ máy và kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức, cải cách tổ chức và hoạt động tư pháp, v.v...

Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật đã, đang và sẽ chỉ đạo mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trong thời kỳ mới.

Từ kinh nghiệm xây dựng, bảo vệ, cải cách và hoàn thiện Nhà nước hơn nửa thế kỷ qua ở nước ta và nhiều nước trên thế giới, chúng ta có đủ cơ sở tin rằng Đảng và nhân dân ta nhất định sẽ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa thật sự là Nhà nước của dân, do dân, vì dân để đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nhanh chóng hội nhập các nước trong khu vực và thế giới, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
- LỜI NHÀ XUẤT BẢN	5
- LỜI GIỚI THIỆU	7
CHƯƠNG I: NHỮNG CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT	9
<i>I. Điều kiện khách quan và chủ quan ảnh hưởng tới sự lựa chọn con đường cách mạng và kiểu nhà nước của Hồ Chí Minh</i>	9
1. Bối cảnh của thời đại mới và của đất nước	9
2. Truyền thống yêu nước, đoàn kết của dân tộc Việt Nam	11
3. Tinh hoa tư tưởng, văn hóa và hiện thực xã hội phương Đông và phương Tây	13
4. Chủ nghĩa Mác - Lênin và thực tiễn cách mạng - cơ sở chủ yếu quyết định bước phát triển mới về chất của tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh	17
5. Trí tuệ và phẩm chất chính trị Hồ Chí Minh	20
<i>II. Quá trình hình thành tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh về lựa chọn con đường cách mạng và kiểu Nhà nước</i>	22
1. Thời kỳ học tập và chuẩn bị đi tìm đường cứu nước (1890 - 1910)	22
2. Thời kỳ hoạt động, tìm tòi và đến với tư tưởng của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa (1911 - 1920)	23
3. Thời kỳ hoạt động ở Pháp, Liên Xô, Trung Quốc và sự chuẩn bị cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920 - 1930)	26
4. Thời kỳ gặp những thử thách gay go, nhưng vẫn kiên trì quan điểm tư tưởng về cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa (1931 - 1940)	30

- | | |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 5. Thời kỳ về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam, chuẩn bị khởi nghĩa và tiến tới giành chính quyền (1941 - 1945) | 32 |
| 6. Thời kỳ bảo vệ, xây dựng và sử dụng chính quyền để tiến hành chiến tranh giải phóng, bảo vệ Tổ quốc, xây dựng chủ nghĩa xã hội (9/1945 - 9/1969) | 34 |

CHƯƠNG II: NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT	39
-------------------------------------------------------------------------------------------	----

<i>I. Xây dựng Nhà nước dân tộc độc lập, dân chủ nhân dân để bảo vệ và kiến thiết cuộc sống mới là vấn đề sống còn</i>	40
------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----

- | | |
|---------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 1. Lật đổ Nhà nước thực dân phong kiến, xây dựng Nhà nước dân tộc độc lập, dân chủ cộng hòa | 40 |
| 2. Xây dựng Nhà nước vững mạnh để bảo vệ thành quả cách mạng và kiến thiết xã hội mới | 44 |

<i>II. Xây dựng Nhà nước kiểu mới của dân, do dân và vì dân</i>	47
-----------------------------------------------------------------	----

- | | |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 1. Nhà nước kiểu mới là Nhà nước của dân, do dân, vì dân dựa trên nền tảng liên minh công - nông - trí thức, do giai cấp công nhân lãnh đạo | 47 |
| 2. Nhà nước của dân là Nhà nước mà quyền lực từ nhân dân, thuộc về nhân dân, do nhân dân quyết định | 50 |
| 3. Nhà nước do dân là Nhà nước tin dân, mọi lực lượng là ở nơi dân, nhân dân sử dụng mọi quyền lực trong việc thiết lập, xây dựng và hoạt động của Nhà nước | 56 |
| 4. Nhà nước vì dân là nhà nước tất cả để phục vụ nhân dân, có trách nhiệm đối với nhân dân, kính trọng nhân dân | 59 |

<i>III. Pháp luật với việc xây dựng Nhà nước pháp quyền mạnh mẽ, sáng suốt</i>	64
--------------------------------------------------------------------------------	----

- | | |
|-------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 1. Thiết lập và xây dựng Nhà nước dân chủ cộng hòa, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ | 64 |
|-------------------------------------------------------------------------------------|----|

2. Vai trò “thần linh pháp quyền” của pháp luật trong điều hành, quản lý xã hội	66
3. Xây dựng Nhà nước hợp pháp, hợp hiến	70
4. Nhà nước quản lý bằng hiến pháp và pháp luật, kết hợp với giáo dục đạo đức, nâng cao giác ngộ cho nhân dân.	73
5. Xây dựng Nhà nước và pháp luật phù hợp với từng thời kỳ của cách mạng	81

CHƯƠNG III: VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT TRONG CẢI CÁCH, HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC VÀ HỆ THỐNG PHÁP LUẬT Ở NƯỚC TA TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY 84

I. Cải cách bộ máy Nhà nước, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước 84

II. Thay đổi phương thức tác động của Nhà nước đến quá trình kinh tế - xã hội 87

III. Phát huy đầy đủ quyền lực của nhân dân trong quá trình dân chủ hóa xã hội 89

IV. Tăng cường nguyên tắc tập trung dân chủ và nguyên tắc pháp chế trong quá trình cải cách pháp chế và hoàn thiện bộ máy nhà nước 92

V. Tập trung cải cách, đổi mới hệ thống hành chính nhà nước 94

VI. Hoàn chỉnh hệ thống pháp luật và đẩy mạnh việc thực thi nghiêm chỉnh pháp luật 97

VII. Cải cách và nâng cao hiệu lực hoạt động của ngành tư pháp trong quan hệ với cơ quan lập pháp và hành pháp 98

VIII. Kiên quyết đấu tranh chống tệ tham nhũng, lãng phí, quan liêu 100

IX. Xây dựng đội ngũ công chức vững mạnh 103

X. Giải quyết đúng đắn quan hệ giữa sự lãnh đạo của Đảng và vai trò quản lý của nhà nước 105